

BẢO NINH

Chuyện xưa kết đi, được chưa

Tập truyện ngắn

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Bảo Ninh

CHUYỆN XƯA KẾT ĐI, ĐƯỢC CHƯA?

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

SÁCH CẤM

Hồi đó mới mười bảy tuổi đầu, học trò lớp mười, vậy mà thú thực thiếp ngủ đi thì thôi chứ đang còn thức tôi chỉ nghĩ tới đàn bà. Không phải đàn bà nói chung, dĩ nhiên, nhưng mà cũng không rành ra là nghĩ chăm chăm vào một ai. Bọn con gái ở lớp, ở trường, ở khắp trong thành phố, như màn sương dày vây giăng lấy cái đầu tôi hồi đó. Đúng hơn, như trận mưa dông, bởi vì sự thể đã đến với tôi rất chi là đột ngột. Đang yên đang lành, vui vẻ, chảnh chu, khô ráo, thỉnh linh xây xẩm, ướt mềm, bết bết.

Tôi nhớ lần ấy, đang giờ giảng văn, thì báo động. Nhưng không kịp có còi báo động, không kịp cả nghe thấy tiếng hú của máy bay, bom đã nổ. Chúng tôi nhào xuống giao thông hào, túa chạy khỏi lán. Tuy đã được định rõ người nào hầm nấy và mỗi hầm chỉ năm người, nhưng do bị bất ngờ nên láo nháo. Một cái hầm chữ A mà tóit với cả chục đứa nũa lèn nhau. Bom đập xuống đường như rất gần, đạn cao xạ đường như nổ ngay trên nóc hầm, động cơ phản lực như muốn xé toạc người ta ra. Một đứa nào đấy,

không biết là đứa nào, ôm ghì lấy tôi, và mặc dù run lấy bầy nhưng mà hai cánh tay của nó vẫn quàng cổ tôi rất chặt kéo riết xuống, tóc nó vùi lấp tôi, mặt tôi áp hết vào ngực nó. Tôi lâm vào cái tình trạng nóng hổi và khó thở đó không biết là trong bao lâu, chắc là rất lâu, vì khi chúng tôi ra khỏi hầm ló mặt vào lán thì thầy giáo đã trở lại với bài giảng được một lúc rồi. Cả lớp cười rộ lên chào đón chúng tôi. Không hiểu là cười cái gì, cười chúng tôi nhát nhát cây, cười bộ dạng chúng tôi xộc xệch, hay cười vì trong đám gần chục đứa vừa lò dò ra khỏi hầm chỉ có mỗi thằng tôi còn giai?

Nghĩa là... kể từ đấy, chỉ bởi vòng tay một đứa bạn không rõ người rõ mặt mà tôi đã không còn là tôi như trước nữa. Kể từ đấy, như là một cơn run rẩy kéo dài mãi mãi, một trạng thái rối bời đã triển miên choán lấy tôi, cả tinh thần lẫn thể xác.

Gần như ngay lập tức hôm trước hôm sau cái vù ôm nhau trong hầm hai má vốn nhẵn thín của tôi tự dưng nổi đầy những mụn trứng cá. Chưa qua một tuần mụn đã lên cả trán cả mũi và bọc lấy cằm. Càng cạy càng nặn càng lên. Tím đen, đỏ ửng, dày cộp. Toàn thân ram ráp, ngứa ngáy, cảm thấy khô háo, cảm thấy chật chội. Mọi sự trong người cứ thừa ra, dài ra, tay, chân, các lóng xương, tóc tai. Áo quần thì

cứ ngán cùn đi và chật bó lại, căng ~~ra~~ Cơ thể tôi hồi đó đè nặng lên tôi.

Nhưng nhất là phần hồn. Phần hồn của tôi hồi đó thực sự là một chiến địa nóng bỏng. Tuy không phải lúc nào lửa cũng ngùn ngụt, nhưng không bao giờ lụi, đều đều liên tục cháy âm ỉ. Những khao khát âm thầm mà bùng rục. Những tưởng tượng rồ dại làm mồ hôi vã ra. Những ý nghĩ căng rất và dữ dội chọc ngoáy khắp người. Cũng râm ran ngứa ngáy sần sùi như mặt mày mình mẩy, đầu óc của tôi, tình cảm của tôi hồi đó cứ thừa ứ ra, rạo rục, rậm rịch, nổi gai nổi ốc.

Người ngợm tuy cao vồng lên nhưng lại sụt cân và xanh tái đi. May mà trong giấc ngủ thần kinh tĩnh lại, tuyệt đối chẳng mộng mị gì, nếu không thế hẳn chỉ ngày một ngày hai sức lực đã chẳng còn một giọt. Thành thử tôi ngủ rất nhiều và lúc nào cũng buồn ngủ. Hằng đêm giấc ngủ cứu tôi thoát ra khỏi cơn sốt ly bì mê mụ liên miên tù tì của mỗi ngày.

Thế nhưng, vừa mở mắt là lại vào ngay cơn sốt. Có những buổi sáng sớm, chưa ra khỏi màn mà ý nghĩ và hình ảnh đầu tiên trình làng đã khiến tôi như bị điện giật. Song thường thường là tôi bắt đầu ngày mới bằng mười phút nằm ườn ra, lừ đừ chìm lịm mình trong một mộng mơ vớ vẩn nào đó, luôn luôn là suốt suốt

và nhảm tẻ, không đầu vào đầu, chẳng đem lại điều gì khác ngoài sự uể oải rã rời đi đôi với lú lẫn, làm cho câu chữ bải vớ cần phải có để đến trường rụng rời hết cả.

Hồn xác liêu xiêu chao đảo nên việc học hành tất nhiên là chẳng ra sao, song đấy chưa phải là điều khiến tôi ngày ngày canh cánh. Hồi đó làm tôi hãi nhất vẫn là mối nguy bị lộ tẩy cái lòng dạ đáng xấu hổ của mình. Tôi lo ngay ngáy rằng sẽ có lúc mình bất ngờ bật phát một hành vi, một cử chỉ, một câu nói nào đấy. Nhỡ ra, tôi thường bất chợt rùng mình với ý nghĩ đó, không dùng mình nắm lấy tay người ta, sờ vào áo người ta, vuốt lên tóc người ta. Nhỡ đâu mình buột miệng nói ra cái cảm giác của mình khi đứng gần người ta ngồi gần người ta. Nhỡ người ta bắt gặp luồng mắt của mình. Mà người ta thì lại không cụ thể là ai cả nên tôi không thể chủ tâm đề phòng, không thể chủ động lảng xa.

Tôi không còn dám chen tàu điện đi học nữa. Xếp hàng ở máy nước hay xếp hàng ở ngoài chợ, trong mậu dịch, tôi luôn tránh để không đứng sau hoặc trước một đứa con gái. Tôi không vào rạp xinê một mình. Bởi vì, nhỡ ra... Đến lớp cũng vậy. Đời sống học trò bao năm trời tươi vui thoải mái, vô tư bạn trai bạn gái đã gần như chấm dứt đối với tôi. Tôi trở nên ít lời. Trong giờ học tôi trở nên quá sức là nghiêm

ngắn. Cả trong giờ ra chơi cũng tránh cười đùa, tránh nhìn, tránh chuyện. Tôi cẩn thận với hai bàn tay của mình. Tôi gắng không chạm người, không đụng người, không lướt người mình vào ai. Báo động máy bay, dù có sợ chết khiếp cũng chỉ ngấp nghé ở cửa hầm chứ không chen hẳn vào trong. Nói chung là tôi trở nên lăm lỳ, tôi trở nên gượng gạo. Luôn luôn tự đứng đồ lụng hết lên cả cổ cả tai cả mặt. Và thường xuyên tự đứng toát mồ hôi.

Những ngày ấy thật là khổ sở. Hiểu rất rõ rằng mình như thế này là xấu xa quá quắt mà không làm sao tôi dừng mình lại được, không làm sao gồng sức lên đẩy lùi những thâm vụng đáng sợ ở trong lòng. Mà phải tuyệt đối ngậm tâm, không thể thổ lộ cùng ai, nên cứ vậy một mình chật vật tranh đấu với mình một cách vô vọng. Tôi cũng biết chẳng trước thì sau sẽ bị nhận ra, cho dù cố công tự kiềm chế đến đâu.

Và quả nhiên cái giờ phút ê chề ấy rồi cũng đã đến. Mặc dù không đến nỗi là bị lên án hay bêu riếu, chỉ là những lời bàn tán và cười cợt do tình cớ mà nghe phải thôi, song cũng đủ cho tôi sượng mặt đến tận ngày nay.

Bữa đấy phiên tôi trực nhật. Đạp xe đến lớp quá sớm, quét dọn lau chùi xong xuôi mọi thứ mà còn dư cả tiếng đồng hồ nữa, tôi chúi vào sau chiếc bàn cuối lán đánh một giấc. Tiếng

trò chuyện lay thức tôi. Một đám, không biết là bao nhiêu đứa, tụ với nhau ở dãy bàn trên cùng, vừa quà sáng vừa tán chuyện. Toàn giọng con gái. Vừa định nhỏm dậy thì tôi nghe thấy tên mình. Nằm lặng đi tôi nghe bọn con gái tranh nhau nói về mình. Và cười. Cười rúc rích. Cười rũ rượi. Trời ơi là cái thằng tôi! Thằng đó dạo này dở hơi quá chừng mày ạ. Thằng đó dạo này chuyên nhìn trộm. Không nhìn trộm thì lại nhìn trừng trừng, để ý mà xem, sợ lắm, suốt năm tiết nó cứ dán mắt vào gáy cái Minh ngồi đằng trước nó... Dạo này nó như ngọng, nói gì cũng ấp a ấp úng... Mà sao kinh thế chứ, dạo này mặt nó đặc trứng cá... Buồn cười chết đi được, nó cứ cố tình thúc cùi tay sang người tao... Nó hỏi tao nhiều câu lảm cẩm không chịu được...

Lúc ấy, trong tình cảnh ấy, tôi chưa kịp cả hổ thẹn nữa, chỉ tràn ngập một nỗi sợ hãi. Tôi sợ bọn họ phát hiện ra tôi đang nằm ở cuối lớp và cả lũ sẽ khiếp đảm hét rú lên. Nếu mà như thế chắc tôi phải cắn lưỡi.

*

* *

Hôm sau, cái Minh trưởng lớp cho bố trí lại chỗ ngồi. Tôi đang ở tổ 3 về tổ 5, đang ở bàn

giữa lớp lười xuống bàn cuối, chỗ ngồi trong góc cùng của lán. Lý do là vì tôi cao kều, đầu với lưng gây vướng cho bàn sau. Tôi chẳng nói gì, chẳng để lộ điều gì, nhưng mà muốn độn thổ. Muốn chết luôn. Suốt cả tuần lễ người tôi như gỗ. Trong đầu lúc nào cũng văng vẳng những lời bình phẩm và tiếng cười của mấy đứa con gái. Từng lời một, mỗi lần nhớ lại mỗi lần tê điếng.

May thay tuổi trẻ chóng quên dễ nguôi. Bản thân tôi dần lại hồn, còn mấy đứa con gái đó thì cứ xử với tôi hoàn toàn như thể là chúng chưa từng bao giờ nghĩ rất cay và nói rất chua về tôi. Thêm nữa, như một niềm chia sẻ, một nỗi an ủi, tôi nhớ rằng sáng hôm ấy không chỉ riêng thằng tôi được bọn con gái cân đong mà còn mấy thằng nữa. Và tất cả những thằng đó cũng về một góc lớp với tôi, ngồi trên tôi, ngồi cạnh tôi.

Vả chăng, dù rất nhục rất bẽ, tôi không uất không oán các cô bạn, trái lại. Thật tình là thế, nhờ nghe lõm được cuộc luận bàn quái ác của họ, mà tôi đã có thể phân nào hãm cái đà trượt dốc của mình lại. Màng sương đặc sệt đầu óc đã loãng ra. Tâm trí bớt bấn loạn, trở nên ngăn nắp hơn, dành được nhiều chỗ hơn cho bài vở. Cả trứng cá trên mặt nữa cũng đỡ tràn lan.

Và thậm chí, đôi khi, tự dưng, hoàn toàn không chủ tâm, tôi lảng lạng để mắt nhìn đám

bạn trai ngồi cùng góc lớp với mình bằng cái nhìn của mấy đứa bạn gái ấy. Tôi thấy mà sợ. Bọn con gái đã nói chẳng ngoa tý nào. Không biết là ý nghĩ trong đầu mấy thằng bạn tôi có quá đáng như ở trong đầu tôi không, nhưng bề ngoài thì chúng cũng như tôi, đều ít nhiều khộp với miêu tả của bọn con gái. Thái độ, cử chỉ, điệu bộ, cái nhìn, giọng nói, vụng về, lóng ngóng, lộ ngọc, và đều như có một cái gì đấy kỳ cục và vụng trộm.

Thằng Hiệp "sút" ngồi ở bàn trên tôi, quai hàm lúc nào cũng thường trực ngáp. Nó có thể gà gât ngủ ngồi suốt năm tiết học. Khi không ngủ thì nó lén lút đọc truyện hoặc vẽ nhăng nhít. Toàn những hình bậy bạ, vẽ lên mặt bàn, vẽ ra sau vở. Nhiều nhất là nó vẽ lên giấy nháp, rồi truyền tay cho bọn con trai bàn trên bàn dưới xem, đánh giá và vẽ thêm thắt vào. Sách đọc trộm trong lớp cũng luôn là từ thằng Hiệp truyền đi. Quay vòng qua bọn con trai các bàn. Cũng toàn là những "truyện ái tình" hoặc ướm át ngớ ngẩn, hoặc hết sức là nhem nhuốc và khả ố.

Nếu bị tóm quả tang đang chúi mũi vào ba cái đồ tề mặt ấy thì đừng nói hạnh kiểm với lại thi cử, mà phải ra khỏi lớp, bán xối khỏi trường, chấm hết đời học trò là cái chắc. Nhưng bọn chúng tôi vẫn liều lĩnh đọc và vẫn có đứa đọc ngay trong giờ học. Vậy mà lạ, chưa có đứa nào bị phát giác.

Chỉ có tôi, một lần, suýt nữa thì xong đời.

Đây thực sự là "tác phẩm" rác rưởi nhất trong số tất cả những mớ nhuôm nhuôm ô dề mà bọn lộc ngọc mới lớn chúng tôi đã luân chuyển cho nhau. Không phải sách in mà là một quyển vở. Chữ viết tay, ly ti nhưng nắn nót, mực tím, dày kín cả gần trăm trang giấy.

Thực ra tôi chưa cầm đến cái của đó. Nó vẫn đang trong lượt đọc của thằng Toàn ngồi kế một bên tôi. Chưa khi nào tôi thấy Toàn như thế, nó đọc ngốn ngấu và hoàn toàn mất tự chủ, rất lộ liễu. Từ tiết đầu tới tiết cuối, cả giờ ra chơi, cả phút giải lao, Toàn cắm mặt vào cuốn vở dúi trong ngăn bàn. Nó đọc mà tay run, mặt mày đỏ rím, mồ hôi mồ kê. Sự bán loạn thấy rõ ấy khiến tôi chộn rộn theo, không nhìn được, cứ nghiêng đầu sang Toàn đọc ghé. Và cũng toát mồ hôi, cũng mất hết sự cẩn trọng. Lúc đó, sắp hết tiết cuối. Từ bục giảng, thầy giáo đã đi xuống gần cuối lán rồi, hai thằng chúng tôi mới giật mình, thẳng người lên, ngồi ngay ngắn, đổi nét mặt, ra vẻ chăm chú. Tưởng chắc bị lật tẩy, vậy mà lạ thay, thầy chẳng thấy gì. Chẳng cần vặn gì cả tôi cả Toàn. Hú hồn, mừng húm.

Không ngờ, đạp xe về tới nhà thì tôi gặp Toàn đang đợi ở cửa, nó bảo: "Mày đưa lại tao *quyển truyện*, tao đọc nốt hai trang cuối cho xong rồi mai đến lượt mày. Mà đừng có đọc ở lớp nữa.

Hôm nay hút chết, sợ quá". Tôi sững người, đánh đổ xe. Thì ra, Toàn đã nhanh tay tổng cái nợ đó sang ngăn bàn tôi và cứ thế thẳng góc ấy mặc nhiên là trách nhiệm đã về tôi.

Hốt hoảng tôi đạp xe quay lại lán. Nhưng đã muộn, bọn kíp chiều, lớp 10C, đã vào tiết đầu. Biết là đã vô phương, trời sập xuống đầu rồi, tôi vẫn cứ đành loanh quanh ở gần lán. Nhưng mấy lần giờ giải lao, giờ ra chơi, cũng không cả gan xộc vào. Phải đợi bọn 10 C tan học được một lúc lâu, tin chắc trong lán không còn ai mới dám.

Nhưng, vẫn còn một người ở trong lớp học đã vắng ngắt. Lại ngồi đúng chỗ của tôi, góc bàn cuối lán. Đường cùng rồi, không thể rút lui, tôi đành bước tới. Một đứa con gái. Và tôi biết nó, cái Thủy, nhà cùng phố. "Bạn quên gì phải không?", nó hỏi. "Ừ", tôi đáp, "quyển truyện... à, quyển vở, trong học bàn đúng chỗ này... Bắt được à? Bắt được thì cho xin đi".

Thủy lấy từ trong túi dết ra cái quyển vở khốn kiếp ấy. "Mình nán lại để đưa tận tay bạn, sợ nhờ ai người ta cầm phải rồi nộp các thầy thì khốn". Không dám tin vào mắt mình, tôi muốn hét lên vì mừng rỡ. Thoát nạn rồi.

Lúng búng cảm ơn, tôi vội lấy quyển vở, vù ra khỏi lớp, cuống cuồng phóng xe đạp về nhà như bị ma đuổi.



Thầy kệ thằng Toàn thằng Hiệp rồi sẽ rửa xả gì mình, tôi tổng ngay cái "tác phẩm" chò chết ấy vào bếp lửa. Nhưng cho đến tận sáng hôm sau vẫn còn tim đập chân run, vẫn còn rợn cả người khi nghĩ đến cái họa tày đình chỉ chút xíu nữa là chuốc phải.

Tôi cũng vô cùng là biết ơn Thủy. Và mất mấy hôm liền tôi cứ băn khoăn nghĩ mãi làm cách nào để bày tỏ được sự biết ơn ấy.

Còn chưa biết làm thế nào thì một buổi sáng, vừa đến lớp, ngồi vào chỗ, tôi thấy trong ngăn bàn của mình có một cuốn sách. Nó được phong kín trong lớp giấy báo và chằng kỹ lại bằng dây thun buộc tóc. Bên ngoài ghim mẫu giấy gấp tư. Rất ngắn. "Từ rày đừng đọc nhảm nữa. Mình cho bạn mượn cuốn này. Mang về nhà hăng đọc. Đừng cho ai biết. Đọc xong, để lại chỗ đây. Rồi mình lại cho mượn cuốn khác". Rõ là Thủy viết cho tôi, nhưng kín đáo, chỉ *mình* với *bạn*.

Tôi dúm vội cuốn sách vào cặp. Cả buổi học cố không nghĩ đến nó mà không được. Vừa sợ, vừa tò mò. Tò mò về cuốn sách, ngỡ ngàng về người cho mượn sách.

Thủy vốn cùng lớp với tôi từ cấp hai, mãi đến đầu lớp mười mới tách ra, tôi 10A, Thủy 10C. Nhà cũng khá gần nhau, đầu phố giữa phố. Song chỉ vậy thôi, chẳng phải chỗ bạn bè. Phần vì tôi là con cái gia đình cán bộ. Còn Thủy thì con nhà tư sản, mà tư sản phản động, ông bố đã mấy lần phải đi tập trung cải tạo. Phần vì từ cuối cấp hai, là khi đã tương đối lớn, Thủy rất không được tập thể ưa. Chẳng bởi một lý do rõ ràng nào, càng ngày Thủy càng hay bị mọi người để ý chê bai. Thoạt nhìn là người ta đã thấy ở Thủy có cái gì đó không rõ là cái gì, là lạ khang khác không y hệt mọi người. Cách để tóc, cách ăn mặc chẳng khác ai mà vẫn như có hàm một sự diêm dúa thâm lén. Da dễ trắng trẻo mềm mịn. Cách nói, dáng đi đều bị nhận ra là thiếu khiêm nhường. Hết lớp tám tất cả chúng tôi đều đã vào Đoàn, riêng Thủy vẫn cứ mãi là *chân bạch vệ*.

Tập thể thế nào thì tôi thế nấy. Mọi người không thân với Thủy thì tôi cũng không thân. Nói chung, chúng tôi chẳng có can có gì để mà phải mật thiết. Bây giờ lại mỗi đứa mỗi lớp càng khó gần. Vậy mà, Thủy lại đã hết sức tử tế với tôi như thế, là vì sao? Một sự thân tình hết sức là kỳ lạ, bởi vì cũng là một sự thân tình đầy liều lĩnh.

Cuốn sách đầu tiên Thủy cho tôi mượn là

cuốn *Những ngày thơ ấu* của nhà văn Nguyên Hồng. Tôi biết ông này là nhà văn đương thời hiện đại xã hội chủ nghĩa, nhưng cụ thể cuốn sách ấy thì tôi lại thấy là được xuất bản từ tận năm 1938, thời Pháp thuộc. Nghĩa là, dù sao cũng loại sách mà tôi và Thủy không được phép đọc.

"Thấy tôi làm cai ngục, mẹ tôi con nhà buôn bán". Sờ sờ, dưới ánh đèn khuya, tôi giở trang đầu. Cuốn sách khổ nhỏ, không dày, được đóng thêm bìa cứng, gáy da. Các trang đã ngả màu lá úa, nhưng tinh tươm, kiểu chữ rất đẹp và khác lạ so với những sách tôi thường thấy. Và khác lạ nhất là những gì được viết nên. "Hai thân phụ tôi lấy nhau không phải vì quen biết nhau lâu và thương yêu nhau..."

Tôi đọc cuốn cách ấy chậm rãi, thấm thía, trong ba ngày.

Theo lời dặn, tôi mang cuốn sách đến lớp và để lại trong ngăn bàn. Cũng tính viết một lá thư đôi dòng gửi kèm trong sách, nhưng ngần ngại, tôi chẳng viết.

Sáng hôm sau, giống như lần trước, trong ngăn bàn của tôi lại có một cuốn sách bọc kín trong giấy báo, nhưng không có thư. Đây là cuốn *Vỡ đê* của nhà văn Vũ Trọng Phụng.

Cũng bìa cứng gáy da, cũng năm xuất bản, cũng kiểu chữ in thời Pháp thuộc. Nhưng

dữ dội, choáng váng. Cộm lên những tình tiết, những chi tiết khiến tôi xây xẩm. Đây thì đã rõ ràng là "sách cấm" rồi, một tuần liền tôi đã đọc với niềm xúc cảm dâng lên đến ngạt thở, với niềm thần phục, và cả với nỗi lo sợ bị cha mẹ bắt gặp. Tôi cũng đã mang trả cuốn sách trong nỗi lo sợ. Để cuốn sách trong ngăn bàn, ngồi chờ qua buổi trưa, cho đến tận khi nhìn thấy chắc chắn Thủy đã vào đến cửa lớp, tôi mới rời khỏi chỗ để ra về. Mà kỳ quặc hết sức, chúng tôi không nói gì với nhau, không cả nhìn nhau nữa. Đi lướt qua nhau.

Hôm sau tôi đến lớp thật sớm, trước cả đứa trực nhật. Lần này Thủy cho tôi mượn cuốn tiểu thuyết *Đoạn tuyệt* in từ năm 1934 của nhà văn Nhất Linh. Một tên tuổi lạ lẫm, tuy nhiên từng có một lần nào đó tôi đã thoáng nghe thầy dạy văn nhắc đến và hình như thầy có nói rằng ông ta là một tay lãnh tụ Quốc dân đảng

Mãi mãi tôi không bao giờ tự cất ghĩa nổi vì sao mà hồi đó tôi và Thủy lại phải như thế với nhau. Vì sao chúng tôi không trực tiếp trao sách vào tay nhau? Những cuốn sách cấm mà Thủy để lại cho tôi trong ngăn bàn, qua suốt một đêm, luôn có nguy cơ bị ai đó phát hiện ra. Nghĩ mà phát sợ. Chúng tôi sẽ trả lời ra làm sao và sẽ ra sao nếu bị phát giác là đang đọc những Hồn bướm mơ tiên, Bỉ vỏ, Sợi tóc, Vang

bóng một thời, Lầm than, Số đỏ, Kỹ nghệ lấy tây, Làm đi... và thậm chí, Lục xi?

Không theo một trình tự nào, không có sự sàng lọc nào hết. Chắc là trong căn phòng áp mái của gia đình Thủy, sách không bày trên giá mà xếp trong rương. Và Thủy cứ lần lượt lấy ra để phục vụ tôi. Không phải cuốn nào tôi cũng thích, nhưng đọc tất. Cuốn không thấy hay thì đọc một buổi, thấy hay thì có khi đọc nhăm nháp cả tuần.

Suốt học kỳ 2 lớp mười, tôi vừa học hành và chuẩn bị thi vừa mải mê với luồng sách của Thủy. Hết cuốn này sang cuốn khác được Thủy bí mật chuyển cho tôi qua ngăn bàn. Những tác phẩm văn học đã hết thời ấy mặc dù đầy rẫy những sự cấm kỵ lại đã giúp tôi gạt đục tâm hồn mình. Những cơn cuống náo dục tình, những ý nghĩ suy đồi ngày một bớt đi trong tôi. Nhờ rất nhiều vào các nhà văn tiền chiến lỗi thời, tôi bước vào đời một cách bình thản như bao người trai trẻ khác.

Nhưng tôi và Thủy thì vẫn cứ thế. Vẫn chỉ là những cuốn sách chuyển cho nhau qua ngăn bàn. Không gán lại được vào nhau hơn. Không một bức thư. Không một lời. Không cả nhìn nhau.

Lần cuối cùng tôi nhìn thấy Thủy là vào một buổi trưa trời đột ngột nổi dông. Đang trên đường từ trường trở về nhà, tôi và mấy đứa bạn

cùng lớp dạt vào núp dưới một mái hiên. Mưa ào ào như thác đổ, càng lúc càng to. Chỉ phút chốc đường phố đã ngập nước. Từ bến tàu điện, Thủy đội mưa chạy tới. Dọc phố Cầu Giấy có bao nhiêu chỗ trú nhưng phải đứng đến nơi tôi đang đứng cô mới tránh vào. Người cô ướt thướt. Vải áo dính sát bó rít lấy mình mẩy. Tóc xõ xoã, rã rượi. Thủy đứng dựa vào tường, đưa tay vuốt nước trên mặt. Chưa bao giờ chúng tôi ở kề nhau đến thế. Tôi biết là Thủy muốn nói gì đấy với mình. Nhưng vì còn nhiều người khác ở đấy nên tôi lảng, chỉ nhìn phớt lên người Thủy rồi ngoảnh ngay đi, ngó vợ vẫn ra ngoài mưa. Như là chẳng quen biết. Chợt một tiếng sét xé thình không, nhòàng lửa quá sáng dựng đứng đất trời trong khoảnh khắc. Lẳng lẳng Thủy rời chỗ trú, đi vào màn mưa. Chẳng ai gọi cô lại cả, cả tôi cũng không. Tôi chỉ ngây người nhìn theo, sững sờ. Những năm sau này mỗi khi nhớ về thuở đó, ý nghĩ thường rọi cho tôi thấy lại một lần nữa, rồi một lần nữa chính cảnh tượng ấy. Thủy đi xa dần, xiêu xiêu trong màn mưa lấp trời. Cô rẽ ở góc phố, khuất đi, tan biến như một hạt mưa bị vùi giữa biển mưa. Trong hồi tưởng của tôi, thời niên thiếu chỉ còn nốt được đến ngày hôm đó thì lụi hẳn, buồn thảm và vĩnh viễn qua đi cùng với buổi trưa u uất chìm lịm dưới mưa ấy.

Cuốn sách cuối cùng Thủy cho tôi mượn không phải là tiểu thuyết mà là tập "Máu cuồng và Hồn điên" của Hàn Mặc Tử. Tôi đọc chưa dứt nên chưa kịp để tập thơ điên ấy vào ngăn bàn chung của hai đứa.

Bom trúng thẳng vào lán học của chúng tôi ngay sau buổi trưa mưa gió tôi và Thủy gặp nhau dưới mái hiên. Trưa ấy, tôi lớp 10 A đã tan học. Còn Thủy thì 10C kíp học buổi chiều. Non nửa lớp 10C bị vùi lấp, nhưng chỉ một mình Thủy không hồi lại được.

MẮC CẠN

Vào thời của Túc và Hảo, bỏ nhau dù đã dễ hơn xưa nhưng chưa thể dễ bằng thời bây giờ thế hệ trẻ. Hồi đó, Hảo Túc thuận vợ thuận chồng đến thế, đồng lòng đâm chung một lá đơn đánh máy, xưng *chúng tôi*, không nguyên không bị, cùng nhau thống nhất duyên cớ, lại còn cùng nhau chịu mọi tổn kém, san sẻ mỗi bên mỗi nửa tất tạt những món trà thuốc phong bao phong bì dùng để bôi trơn các cửa, vậy mà sự chia ly cũng rất lùng nhùng.

Vợ chồng sát cánh đợi chờ, mất biết bao nhiêu là công phu, nghị lực và phí tổn, mãi hoài rồi mới tới được với cái ngày thu đẹp trời ấy. Hai người được trát triệu hầu tòa. Ở đó, sau khi nghe thêm một lượt nữa lời bà chánh án khuyên răn, can gián, hòa giải, anh chị được cầm lấy bút, và bấy giờ mới thực sự là lần chót chữ ký của Hảo của Túc nằm chạm nhau.

Đôi lứa đã rẽ duyên lẳng lẳng ra về song cũng vẫn chưa thể ngay tức thì đôi ngã. Chiếc xe đạp sấm hồi mới cưới giờ đã bệ rạc, treo treo nghiêng rãng, Túc và Hảo một lần chót lại nhau dọc phố. Từ tòa án về nhà đường xa năm cây số,

và tuy rằng Hà Nội ngày thu đẹp trời thật đấy nhưng với ai chứ với họ thì thời tiết sao mà tức thở, nồng nực, oi ngọt, nắng chang chang

Hỏi rằng vì sao ở đời có sự yêu nhau, vì sao không đâu người này lại chọn người nọ, từ lạ hoắc lạ hơ tự dưng nhập một vào nhau đàn ông đàn bà, ai mà có thể trả lời. Cũng vậy, thiên hạ thối nhau, không thương nhau nữa, đường ai nấy đi, nào có bởi can cố gì.

Xưa xưa, Túc Hảo sơ khởi đánh bạn khi đang cùng nhau trên tàu liên vận. Cả hai cùng xa Hà Nội năm lên mười tám. Vì là con độc không phải nhập ngũ, lại học giỏi đỗ cao nên Túc được chọn đi Tây. Hảo thì không giỏi mấy, nhưng thuộc diện ưu tiên. Tình bạn bè giữa hai người ra đời từ trong tình cảm chung của tập thể đoàn lưu học sinh nô nức mừng vui rời ga Hàng Cỏ. Sang tới Bằng Tường, chuyển qua các toa Trung Quốc rộng rãi, sạch sẽ, tiện nghi, thật sướng, còn vui hơn. Năm ấy chưa ai có thể biết trước được là cuộc chiến tranh khốc liệt sẽ chấm dứt vào cuối mùa xuân năm sau, chỉ khắp khối biết rằng hành trình này đây đang rộn ràng đưa mình từng cây số một rời xa đất nước nghèo khó, nặng trĩu gian nguy. Cũng năm ấy, ở nước bạn, Cách mạng Văn hóa đã vào hồi thoái trào, đoàn tàu chở lưu học sinh không gặp một mảy may rắc rối. Các chàng, các nàng như thể đổi đời. Họ mập lên, họ tăng trọng, hồng

hào, rạng rỡ, vui vẻ riu rít, chan chứa lòng yêu đời, sự biết ơn và những xúc cảm lãng mạn. Lúc tăng bo qua biên giới hai nước Trung Xô thời ấy đang kinh nhau, Hảo Túc vai kề vai, cùng cả đoàn tay đưa cao cuốn sách nhỏ bìa đỏ, ca vang Đông Phương Hồng. Hảo hát giọng kim, rất hay nhưng hơi run vì xúc động quá độ, nước mắt trào. Túc cũng xúc động lắm nhưng không khóc, giọng anh trầm, khỏe. Hai người đã chính thức lọt vào mắt nhau từ cái thời khắc hữu hảo đó, trong niềm cảm động có phần hơi buồn cười ấy.

Ngay sau đấy tình cảm lại run rủi có được một tình cờ. Túc với Hảo cùng bị giữ lại ở bệnh viện của khẩu, không theo đoàn được. Túc thì do đã tuổi gần đôi mươi mà lên quai bị, Hảo thì phải chữa trị chứng ngoài da tha từ sơ tán bên nhà sang. Hai người cùng xuất viện, và trên chuyến tàu xuyên Xibia, chỉ mỗi bé bỏng họ với nhau lọt thỏm giữa những hành khách đồ sộ người Nga.

Sáu năm xa nhà hai người chẳng được sống kể, nhưng không quá cách biệt. Hảo học ở Adécbaidăng, Túc ở Acmêni. Thư từ, điện thoại thường xuyên, nghỉ hè nghỉ đông đều đặn qua lại. Trước khi về nước, Túc sang hãn Bacu phụ Hảo lo cái thùng hàng gửi tàu biển. Bấy giờ đã mất nẻo về theo đường xe lửa, hai người thu xếp bay cùng một chuyến.

Tuy chưa đến độ phải cuống quýt cười

ngay khi vừa đáp xuống Nội Bài, họ cũng không quá chùng chình ngậm nga. Tìm hiểu nhau rồi thì lấy nhau là lẽ đời cần thiết. Túc có căn hộ hầm tư thuộc vương khu tập thể thừa kế của song thân đã qua đời, còn Hảo thì tuy ruột thịt đều đã vào hết Sài Gòn nhưng bù lại có ông cụ làm lớn, từ tận trong đó vẫn đủ lực với ra thu vén hai chỗ công tác rất dễ chịu tại Hà Nội cho cả cô con gái lẫn chàng tân lang.

Sau hôn lễ, cao đỉnh tình yêu dịu đi hơi mau. Cường độ vợ chồng thuần xuống, nhập rất nhanh vào nhịp sinh nhai ngày qua ngày. Nhưng nói chung ai mà chẳng thế. Ở đời này thật ra sự trắng mặt của các lứa đôi không hừng hực cuồng náo, không nồng cháy xoắn xuýt, không kỳ thú lâu la như là người ta cứ tưởng. Có cặp chỉ trong cái nhoáy. Như Túc với Hảo là vừa phải.

Thiên hạ thường than là tháng ngày gang tấc kỳ tình thời gian chẳng chóng chẳng chầy. Điều độ ổn định, một lòng xin được hai chữ bình an, cuộc sống gia đình, hạnh phúc nho nhỏ, thản nhiên vô sự đều trôi. Trông lên chẳng bằng ai, trông xuống chẳng ai bằng mình.

Chẳng hề có điểm xấu. Tịnh không thoáng một triệu chứng nào báo trước. Nông nổi tuyệt đối vô hình. Trong đơn, trước tòa, Túc và Hảo chẳng một lời đổ lỗi cho nhau, cũng chẳng nại

ra chuyện gì từ sự đời từ thế gian. Thế gian ai chẳng như ai, người thân người dưng, xấu tốt dở hay, còn sự đời là sự đời chung, thành phố, cơ quan, khu tập thể, sướng vui, khổ sở, may mắn, vận hạn.

Nhún vai, chịu không cất nghĩa nổi sự rã đám vô vị giữa Hảo và Túc, những bạn bè từ thuở còn bên Liên Xô đùa rằng đôi uyên ương ấy bất chước cuộc đổ vỡ diễn ra trên xứ sở yêu dấu của thời thanh xuân du học. Có vẻ như vậy thật. Tuy tổ ấm đã thôi ấm cúng từ lâu rồi trước đó, nhưng đúng là vào hôm họ chính thức đám đơn thì đài báo đang âm lên sự kiện Acmêni và Adécbaidăng nổ súng giết nhau. Chuyện đực tường và thống nhất nước Đức gợi ý cho những kẻ có đầu óc hoạt kê gọi vách ngăn được dựng lên theo phán quyết của tòa tách đôi căn hộ Hảo Túc là “bức tường Bá Linh”.

Chướng ngại bằng cốt ép không dày như bê tông đúc sẵn nhưng đủ bịt bùng. Chi phí vợ chồng cùng chịu. Và dù pháp luật không định rõ nhưng vợ chồng lẳng lặng thỏa thuận, anh ở buồng trong nhường chị phòng ngoài, diện tích bằng thế song ít nhiều thoáng hơn.

Biệt lập, cách bức rãnh rẽ trong ngoài, tuy nhiên không triệt để. Phần vì kiểu cấu trúc của căn hộ hăm tư thước khu tập thể vẫn buộc Hảo Túc vào ra một cửa, len cùng một lối đi cực hẹp,

thối nấu một khoang bếp nhỏ tẹo, tắm táp lau rửa và xử lý hàng loạt tình tiết riêng tư khác trong chỉ một ô vuông khít khít không thể ngăn đôi. Phần nữa vì mùi mè hơi khí của cuộc ăn ở chừng bấy năm trời với nhau đã quện dính, đãбет bám lại như keo, không cưa ra được, cũng không cách gì quạt thổi cho hả hết.

*

* * *

Như đã thuật lại ở trên, buổi trưa ấy sau phiên tòa Túc đạp xe lai Hảo trở về khu tập thể, trời rất oi, song không phải do nổi lòng khiến hai người cảm giác ra thế mà là thời tiết nó thực sự như thế. Đang quang không gian bỗng xâm lại. Biển mây kìn kìn. Mưa ào xuống khi bánh xe đạp vừa chớm tới thềm.

Mình dính ướt, Hảo vội đi tắm. Túc bật đèn lên và cứ nguyên tóc với vai áo ẩm ngồi xuống đi vắng. Anh cầm phích xamôva. Vợ chồng anh chuyên dùng loại ấm này. Nước trà sùng sục sôi rót vào đúng kiểu cốc Nga to đại, dày và nặng, nằm vừa xinh trong cái vỏ bạc có quai, chạm khắc tinh xảo. Uống như vậy, dù không có trà đen, chanh lát với đường viên, nhắm mắt lại, mừng tượng ngoài kia tuyết rơi trắng trời.

Liên tiếp những chuỗi sấm làn rên rên trên mây, nhưng tai Túc vẫn chạm từng tiếng động khẽ trong ngách buồng tắm. Cái gáo nhựa múc nhẹ nước từ thùng phuy ra, chầm chầm xối. Túc gạt cần máy quay đĩa. *Triệu triệu bông hồng*. Bài này Túc luôn thích thật ôn, còn Hảo ưa nghe nhỏ. Túc cho hạ âm xuống một xú.

Giọng của ca sĩ và bước chân của Hảo đi vào phòng lẫn dưới nền trầm trầm tiếng mưa rơi. Cầm thấy là Hảo đang tới rất gần mình, bên bàn, nhưng Túc chẳng ngạc nhiên, chẳng hé mắt nhìn. Đã từ rất lâu rồi chẳng một lời với nhau và luôn cẩn thận tránh không bao giờ cùng nhau một chỗ trong phòng, song bây giờ chắc là Hảo cần một cuộc nghị bàn, tính toán của nả đồ đoàn, chia bồi dứt điểm. Để thoảng mặt bàn bày giấy má, Hảo lách cách đẹp nước nôi đi va nhẹ bung lọ hoa hồng ra bậu cửa sổ.

Một cú sét điếng hồn. Tiếng choang vỡ trên nền nhà. Giọng ca nghẹn cứng lại như là bị dẫm lên. Túc mở mắt. Đèn dóm tắt ngấm cả.

Hao cúi nhặt những mảnh vỡ của lọ hoa. Tăng trệt, điện cúp, tối âm âm. Ô cửa sổ sáng đùng đục. Mặt kính ướt lòng ròng, vấy cả những vệt bùn từ sân thềm bắn tóe lên.

Sau này, ngẫm lại, Túc không tài nào hiểu nổi tại làm sao lại diễn ra như vậy. Anh chỉ có thể chắc chắn được một điều là mình không chủ

định. Cả Hảo cũng vậy, không hề. Khi ấy Hảo chỉ là đã chạm rất khế vào Túc, có ý đề nghị anh dịch ra để chị lượm nốt những mảnh vỡ. Cho nên, hoàn toàn là bỗng dưng, vậy thôi, như là trút một tiếng thở dài, Túc nặng nề ôm lấy Hảo. Và ngược lại.

Suốt chiều đó, tối đó, rồi thông đêm, dòng điện không hồi lại. Ngoài trời, mưa khi tạnh khi sầm sầm thác đổ. Trong bóng tối nhòa mịt của căn phòng, dọc trên di văng, hai người chẳng ăn, hầu như chẳng uống, hầu như không một lúc nào duỗi ra để có thể tạm rời nhau. Họ riết lấy nhau, chẳng thốt một lời, im lìm mê lịm gần như chết ngất. Có những khúc lặn, cùng nhau bất thiếp đi, nhưng như là sợ lỡ đà nên lại vồ vội cùng nhau hồi tỉnh, lại cùng nhau nín thở sa nữa vào cơn mộng du âm thầm hôi hã, nóng bỏng và co giật, rục lên như lửa, mà đời họ chưa từng...

Miên man miệt mài như thế cho tới bất chợt một lúc nào đó, ánh đèn điện và đoạn cuối của *Triệu triệu bông hồng* xô Túc ngồi bật dậy, choàng tỉnh. Trời sáng bạch. Hảo đã xách xe đạp ra khỏi nhà từ bao giờ. Túc vợ vội áo quần, ào nhanh vào buồng tắm. Hộc tốc anh chạy bộ đến bến xe buýt.

Sự đời quả thật rất lạ, bỏ vợ thì không được nghỉ việc một hôm nào nhưng bỏ chồng thì được. Buổi chiều, đi làm về, Túc cấm khẩu trước

những đảo lộn mới mẻ Hảo đã kịp gọn gàng hoàn tất trong ngày. Vách ngăn giữa hai phòng hiện lên đó như bởi phép mầu. Đồ đạc thứ thì ở buồng trong vừa khiêng ra, thứ từ buồng ngoài mới chuyển vào, giao hoán, bù trừ, anh được cái này chị giữ cái kia. Rạch ròi từ chiếc bát đôi đũa, sòng phẳng, phân minh, chẳng thể nói được gì nhau.

Thực ra thì Túc cũng gượng có được đôi ba lời, song Hảo không hưởng ứng. Chị không lạnh mặt làm thinh, nhưng giọng chị bình thản, thái độ chị điềm nhiên, như không vậy, chẳng còn vương một gọn nào nữa của cái nông nổi vừa xong nửa ngày một đêm mệt nhoài. Chị quét tước, lau dọn phần căn hộ thuộc sở hữu của anh. Chị là quần áo và sắp xếp lại tủ cho anh. Một thiện chí hừng hờ với hàm ý khẳng định đây là lần chót, rằng từ đây mỗi người mỗi phận.

Cố nhiên đã thân ai nấy lo rồi mà vẫn một mái ấm thì hết sức cần cái. Ngoài bầu dưỡng khí, suốt một thời gian dài hai người vẫn còn phải chung hộ tịch, chung sổ gạo, chung nước trữ trong thùng phuy, chung chạn bát, bếp dầu, chung công tơ điện. Trăm thứ bà rằn của hậu kỳ thời bao cấp. Nhưng bởi vì đều là dân có học, lượng chữ nghĩa đầy ắp, cả hai nhà trí thức đều thấm nhuần lẽ sống phẳng phiu, ý tứ và biết điều của thời ấy, cho nên dù gì vẫn cứ chịu nổi.

Buổi đầu, Hảo cũng khá là dè chừng, chăm chấp phòng thân như thể góa phụ thủ tiết. Về nhà là vào ngay buồng mình, đập ngay chốt cửa. Tối, khóa trái. Đêm xuống cài thêm then sắt. Một bước khỏi buồng cũng phải tươm tất trang phục và đầu tóc như đi ra phố. Chị cố hết sức tránh sự ra đụng vào chạm, nhất là tại những góc có tính công cộng của căn hộ. Nhưng sự cẩn trọng lời lỏng dần, vì mệt mỏi và vì chẳng cần thiết. Túc rất mực nghiêm ngặt, quá sức dằng hoàng. Bản tính phải đạo và trình độ văn hóa đã giúp anh có được gần như ngay lập tức phẩm chất sáng giá nhất của một người lẳng giềng, ấy là đức dửng dưng.

Miễn đưa mắt, miễn động tai, miễn can dự này nọ, vô hại, ơ hờ, bình chân như vại, Túc có vẻ là người cuối cùng trong chung cư nhận thấy là Hảo đã mang bầu. Thậm chí, như là lời hàng xóm họ đùa cợt kháo nhau thì bữa ấy khi cô vợ từ nhà hộ sinh trở về, anh chồng cũ đã quá đổi lầy lăm lạ, anh ta tưởng đâu tiếng trẻ oa oa khóc ở mé bên kia vách ngăn là kết quả của một quá trình sinh sản vô tính.

Tất nhiên là thiên hạ người ta cứ thích hài hước cho vui thể thôi chứ tấn hài kịch ấy chẳng hài một tý nào. Sự đời vô cảm có gì mà vui.

Hài nhi chào đời do chữa hoang, mang họ của mẹ, thiếu ngày, kém cân. Mẹ nó lại không

có sữa và dường như chẳng biết đường nuôi con. Càng thêm tháng thể trạng của đứa trẻ như càng thêm sa sút. Nó khóc đêm khóc ngày, sà sã dai dẳng ẹ ẹ, giũa vào tai người ta.

Túc chẳng thể thấy mặt đứa bé ở bên kia vách nhưng anh bị buộc phải thu nhận tỉ mỉ từng nhịp sống ốm oặt của nó. Liên mấy tháng trời anh thống thối chịu đựng. Ban ngày không thể đứng, không thể ngồi, không thể lật nổi một trang sách, buổi tối, canh khuya nằm bên này vách anh triển miên mất ngủ cùng với Hảo nằm bên kia. Anh cảm thấy quá sức tẻ hại.

Hôm ấy, một giờ đêm, Túc chồm bật dậy, ra khỏi phòng, đi tới, đẩy cánh cửa phòng ngoài. Cửa không chốt, anh bước vào. Đèn ngủ đầu giường còn sáng. Một tay vẫn để trên vành nôi nhưng Hảo đã lịm thiếp đi. Trong nôi, con bé nhả nại khóc gần ngật. Túc cúi xuống, vén màn, ẵm nó lên. Chỉ một lát là con bé nín. Túc nhẹ chân đi lại lại trong phòng Hảo, đứng đưa vòng tay, khe khẽ lăm rầm, khe khẽ ư ử gì đó trong họng ra điều nựng nịu. Khi Hảo thức giấc, đón lấy con bé đang ngủ ngon trong tay Túc, trời đã sáng hẳn.

Từ đó Túc nghiêm nhiên vào ra buồng Hảo. Không phải anh thường trực ở bên đó nhưng cũng là mỗi tuần vài bận lần sang. Chẳng xin phép gì cả cứ lảng lạng. Hảo cũng

lẳng lẳng. Túc có thể ẵm con bé con lên dỗ cho nó khỏi quấy, có thể ngồi thừ ra bên nôi nhìn ngắm nó chơi hoặc là nó ngủ. Có thể một chốc hay có thể ngồi nán cả giờ, kệ, Hảo chẳng bảo sao. Tất nhiên không phải tuyệt đối chẳng nói chẳng rằng, thi thoảng họ vẫn đôi điều này nọ trao đổi về cái răng sữa mới mọc của con bé, về sự trán ẩm trán mát, về cháo, về bột, về các thứ thuốc men của nó. Nhưng chỉ thế thôi, không bao giờ lan sang chuyện khác, nhất là không khi nào họ đả động nửa lời tới cái ngày thu ướm át tâm tã mưa rơi năm rồi.

Nhắn cười tháo ra cất đi, sinh con, Hảo phải mang bán. Đồ đạc trong phòng cứ vội dần. Bên kia vách, phòng của Túc cũng vậy. Trừ những cửa vút đi, bao nhiêu món đồ có giá sầm từ bên Liên Xô với nhau và đã chia bôi với nhau ngày ly hôn, đều phải lần lượt cho ra chợ giới đi ở nhà người. Túc thì thậm chí cả tự điển, cả sách chuyên ngành cực quý cũng mại. Bia rượu không. Thuốc lá từ. Chẳng màng bè bạn, bỏ bằng mọi mối quan hệ. Thối hẳn chí tiến thủ. Vừa đó còn quyết liệt dốc công dốc của dự vào trận tranh giành suất nghiên cứu sinh nước ngoài, thế mà giờ chỉ để thi lấy cái bằng phó tiến sĩ nội hóa dễ như trở bàn tay Túc cũng xin kiếu.

“Tôi chẳng thiết gì, đời thế là hài lòng rồi”, họa hoàn có cơ hội trút tâm tình với một ai đó,

Túc bảo vậy. “Con trai con gái đều được, nhưng mà gái đầu lòng là nhất”. Người cha, anh chồng nào không nói thế, song nghe từ Túc thì quá là nực cười. Tự anh cũng biết vậy. Bởi vì rốt cuộc, ngày qua tháng lại đời anh vẫn thế thôi, một tay đàn ông nhàu nhĩ khuôn mình nhỏ mọn vào phần diện tích được chia và vào cỏi độc thân thâm xít. Kề bên anh, con gái của Hảo mặc dù hết ốm lại đau vẫn đã tuần tự biết lẫy, biết bò, chập chững biết đi, bi bô biết nói, và rồi cũng tới được vườn trẻ, tập bước vào đời. Nhưng đối với những chặng nhỉnh dần lên đáng yêu ấy của nó, dẫu có vẻ được phép can dự mà tình thực Túc chỉ là kẻ châu rìa. Anh có thể làm tất cả vì con bé, tùy, Hảo chẳng đời hỏi, chẳng khước từ. Chỉ có điều, dù không nói ra, nhưng với chị, hiện diện của anh chẳng thể cho anh một gờam trọng lượng nào trong cuộc đời đứa bé và cố nhiên trong đời riêng của chị.

Ý chí ấy thể hiện rõ ở những giao du của Hảo, đặc biệt là từ khi đã qua được giai đoạn nuôi con vất vả nhất. Chị không quan hệ rộng, nhưng chị có những bạn tốt ở nhiều giới, một số ít trong đó là bạn rất thân. chị tình chí nghĩa giúp đỡ mẹ con chị về mọi mặt. Cho nên vẫn món lương mọn ba cọc ba đồng, cơ quan thì xập xệ xuống cấp, chị đã từ từ ra khỏi cảnh túng bấn, chưa thật khá, nhưng là đã chớm có tiền.

Hè năm đó, một ngày nọ, Hảo đã khiến Túc tái người đi khi điếm nhiên đề nghị anh nhượng lại cho chị căn buồng của anh. Đang rất buồn bực bởi nỗi Hảo đã vừa gửi con bé con vào Sài Gòn với ông bà ngoại mà chẳng hề để anh được một chút ý kiến ý cò, Túc bậm môi lại, lặng ngắt hồi lâu, rồi bật lên, hét vào mặt Hảo rằng sẽ bán, bán ngay, nhưng không bán cho cô với những cái thằng của cô, không đời nào, nghe rõ chưa, đồ...! Bỏ lưng, anh đã sầm cánh cửa, lão đảo bỏ đi.

Nhân còn đọng một đồng ngày phép, anh liền rời xa hẳn Hà Nội cả tuần lễ để lang thang ngâm nghĩ, để dịu lòng. Trở về, nhẹ nhàng rón bước vào buồng của mình, khi bật đèn lên, anh sững người, đánh rớt túi xách. Vách ngăn cốt ép trét hắc ín đã bị thế bằng một bức tường xây.

Tường gạch kiên cố, vừa dày miết kỹ, vậy mà cuộc nhậu ở phòng Hảo vẫn dội tiếng sang, không ồn gì lắm nhưng mà nhức nhối.

Túc bước vội khỏi phòng. Anh muốn vùng chạy khỏi căn hộ, thoát mình thật mau ra ngoài đêm. Nhưng mà chân không vững, như say, khi loạng choạng đi dọc qua khoang bếp hẹp để tới cửa chính Túc bất đồ xô phải Hảo, ngã người vào người Hảo. Đáng lý xin lỗi thì Túc lại phũ phàng đẩy mạnh Hảo ra, và rồi đột ngột, bất ngờ với cả chính mình, anh rít lên,

văng ra nguyên vẹn cái từ mà tuần trước còn văng dở chừng. Hảo lạng người đi như là bị đánh vào mặt.

Lời đã thốt ra không nuốt lại được, lú lười, kinh hoàng, Túc bước giật lùi trở lại phòng của mình. Anh toan sập cửa lại, nhưng Hảo đã ở đó, ở ngưỡng cửa, gương mặt tái xanh, môi mím chặt, và toàn thân run rẩy, đứng không vững, cơ hồ sắp ngã.

Đám bạn ở buồng bên đều đã lơ mơ, đều đã ngả nghiêng, nhưng vẫn tiếp tục vui đến tận khuya. Chẳng ai nhận thấy là Hảo đã biến mất, hoặc có thấy thì cũng tảng lờ, nhận chìm sự thể ấy vào trong rượu và tiếng ồn ào. Người khách ra về sau cùng đủ tỉnh táo để tắt đèn trong buồng Hảo, nhưng chỉ khép hờ cánh cửa chính của căn hộ. Tảng sáng, trời nổi một luồng gió lớn, cánh cửa ấy mở tung ra, rồi lại giập dũ tự đóng sầm lại... Ấy là cuộc vui cuối cùng, trận nhậu sau chót. Sau đêm đó, những người bạn kia không bao giờ còn trở lại. Nhưng mà rất đổi lạ lùng là không chỉ bọn họ mà toàn bộ bàn dân thiên hạ khu tập thể ngay sáng hôm sau đều đã tưởng tận căn nguyên cái vẻ mẫn nguyện uể oải trong những bước đi uyển chuyển, dáng người dung đưa thường ngày của Hảo.

Sau khi Túc bay vào Sài Gòn với lá thư tay ủy quyền của Hảo đưa được con bé con trở ra, người ta đùa rằng nếu chỉ một mình con bé

thì không giải quyết được gì nên nó nhất thiết cần cộng thêm một đứa em cho thành số chẵn để giúp mẹ nó với người chồng cũ có thể dễ dàng chia nhau.

Lần mang thai thứ hai của Hảo khác nhiều so với lần trước. Nom nặng nề vất vả hơn hẳn, và tinh thần yếu đuối, không tự lực được, phải dựa nhiều vào Túc. Anh qua lại phòng bên thường xuyên hơn, chăm nom con bé con và đỡ dần việc này việc khác cho Hảo. Cả lo đưa chị tới nhà hộ sinh rồi rước về cũng một thân anh

Người ta mừng cho Túc và người ta không nhin được cười. Con bé con không chỉ có thêm một đứa em mà hai đứa, hai thằng. Vẫn là số lẻ.

Người ta nói là đời riêng của Túc đã hoàn toàn mắc cạn. Không thể từ bỏ khu tập thể để đến với miền xa đất mới, mà lùi lại năm tháng xưa cũng không thể được. Bức tường xây ngăn đôi căn hộ, ai nấy đều biết chắc là Hảo không đời nào cho dỡ bỏ.

Bấy giờ lại đang những ngày giữa thu nặng nề mưa bão, khu tập thể úng lụt. Các căn hộ tầng trệt ngập nước tới chấm bụng người lớn. Giường của bốn mẹ con Hảo như chiếc mảng nổi trên sóng nước. Túc ùm ùm lội và bơi lợ liệu tiếp tế, nuôi nấng. Nhìn anh, người cha của những đứa con không cùng họ, thân thể mặt mày ướt át, đầm đìa bùn nước với mồ hôi, người

ta không thấy là anh khổ sở, không nghĩ rằng anh bất hạnh.

Cố nhiên thời nay, bây giờ, nghe kể khổ kể xấu thời bao cấp đã mệt lỗ tai, nhưng xưa, khi đang ở ngay trong cái thời bao cấp đó của Hảo và Túc, có mấy ai cho rằng mình đang trải một đoạn đời cực ời là cực. Con người ta thuở ấy cũng như con người ta muôn thuở chỉ lo sống, cứ thế sống, sống và chỉ có sống mà thôi.

CÁI BÚNG

Năm ấy tôi vừa qua tuổi mười sáu, và lần đầu tiên trong đời, tôi đang yêu. Yêu cô bạn học. Có phải là quá sớm không?

Nhưng dù vậy, dù rằng còn thơ dại cả hai, bởi nổi ở tuổi ấy cả hai nào đã biết gì đời, tôi và Hiền vẫn một lòng yêu thương nhau say đắm, say đắm mà trong lành.

Không thể nhận ra khoảnh khắc đầu tiên của mối tình. Chỉ biết rằng sau mấy năm cấp ba cùng một lớp với nhau tới một thời gian nào đó chúng tôi chợt nhận thấy là cuộc sống của chúng tôi thuộc cả về nhau. Có bao nhiêu là cô gái trong lớp, trong trường và trong cõi đời này nhưng tôi chỉ thấy có một, chỉ một ánh mắt, chỉ một giọng nói, điệu cười, một vóc dáng. Và tôi cũng cảm nhận được rằng tôi là duy nhất mà Hiền cần, rằng Hiền chỉ yêu tôi thôi, tôi là của Hiền. Để có thể trọn đời bên nhau, chúng tôi cùng nhau nộp đơn xin vào khoa Hóa của Đại học Tổng hợp, mặc dù chỉ có Hiền là thực sự yêu thích và học giỏi môn đó. Nhưng không sao cả, tôi sẽ gắng. Trái ước nguyện ngành nghề một

chút, song sẽ không bao giờ phải xa Hiền.

Những tháng cuối cùng của đời học trò trôi qua tuyệt diệu. Cả một trời bao la những hứa hẹn tốt lành mở ra trước mắt.

Hôm đó chúng tôi vừa thi xong môn cuối cùng của kỳ thi tốt nghiệp phổ thông. Ai nấy thở phào. Chia tay nhau ở cổng trường, Hiền hẹn: "Tối nay chúng mình đi chơi đi anh. Em chắc là mẹ sẽ cho phép". Tôi sững sờ. Lần đầu tiên Hiền xưng em, gọi anh. Lần đầu Hiền hẹn hò buổi tối.

Tối ấy, chẳng những cho phép hai đứa đi với nhau, mẹ của Hiền còn thuận để hai đứa được cùng một xe đạp.

Trong niềm hạnh phúc lâng lâng, bỗng bay, tôi đạp xe và tôi cảm thấy được không phải là sức nặng mà là sự mềm mại nhẹ nhõm, vẻ duyên dáng nhẹ nhàng của người con gái tôi yêu. Hẳn là bạn cũng biết đấy, ở cái tuổi mười bảy của chúng tôi hồi ấy người ta yêu nhau không hề gọn đục. Càng yêu nhau người ta lại càng trở nên không còn là những thân thể cụ thể đối với nhau.

Tuy nhiên, dường như chính sự thuần khiết ấy đã biến tình yêu ở tuổi đó thành mộng ảo, mong manh đến nỗi thường là không chịu đựng nổi dấu chỉ là một cái búng thoi của sự đời.

Tối hôm ấy, giờ này qua giờ khác, hai đứa

chúng tôi chờ nhau lang thang trong thành phố. Đêm hè. Đường phố dần vắng lặng. Đèn đường rải rác, mập mờ bóng cây, bóng người. Đường như chỉ còn tiếng hai chúng tôi trò chuyện. Tôi nói với Hiền. Hiền nói với tôi, nghe tôi. Chúng tôi khẽ cười. Chúng tôi im lặng, rồi lại nho nhỏ cất tiếng.

Chợt, ngay đằng sau vang lên những giọng khàn khàn, những giọng rông rỗng. Đang nói, Hiền lặng thinh. Tôi ngoái cổ lại. Gần chục chiếc xe đạp dàn hàng ngang đang áp theo chúng tôi. Những đốm lửa thuốc lá soi lên gỗ ghế những bộ mặt. Tôi đạp mau, đám người đằng sau cũng đạp mau. Tôi chậm lại để họ vượt qua, họ liền chậm lại. Đường Hoàng Diệu vắng lặng, tối mờ và thật là dài. Còn xa mới tới ngã năm Cột Cờ.

Tôi chẳng biết xử trí ra sao. Cái lũ đang đeo dính chúng tôi không có ý định cà khịa, họ không gây sự, không giở trò côn đồ, họ coi như tôi không có, họ chỉ những nhằng theo Hiền. Họ ồm ồm hỏi han những câu vớ vẩn, cợt nhả những lời trêu chọc trơ trẽn và không ngớt rộ lên cười khoái chí tán thưởng nhau.

Ngay cả những bậc lão luyện mà lâm cảnh này cũng phải cam lòng chịu nhẫn, hướng hồ tôi. Đành im thin thít cậm cúi đạp. Hiền run rẩy nép vào tôi. Có lẽ cũng như tôi, Hiền đang thở không ra hơi. Sợ hãi và hổ thẹn tê điếng cả người.

Tuy nhiên chúng tôi không phải chịu đựng lâu. Đám anh chị nhanh chóng mất hứng trước sự im lặng nhần nhục của đôi thiếu niên con nhà lành. Bực mình và chán ngấy, họ bỏ cuộc, tất cả dừng xe lại.

Tôi vội đạp dần lên. Tim nện thùm thùm. Được một quãng xa, đạp chậm lại, tôi gắng trấn tĩnh, lấy lại hơi thở và bản khoản tìm lời an ủi Hiền. Không ngờ lại có tiếng đạp rào rào đuổi lướt tới. Nhưng lần này chỉ một tên trong bọn rượt theo chúng tôi. Lên ngang xe tôi, y áp cả vào. Một gã to con, vai rộng, quần soóc bò, áo phông, đầu húi cua, xe đạp đua. Tôi nén sợ, đạp từ từ, thủ thế.

- Ê! - Gã nọ ghé mặt vào sát mặt tôi. Tuổi gã chừng ba mươi hơn, gò má cao, hàm rắn căng, râu quai nón, giọng rất trầm - con bé của mày nom ngon quá. Thịt thơm và chắc phải biết, đúng không? - Gã nói từ tốn, đủ nghe.

Tôi tái người.

- Này! - Gã vỗ vai tôi - thế hai đứa chúng mày đã... nhau chưa?

Uốn lưỡi, nhả hết liều lượng của cái động từ động đục ấy vào mặt chúng tôi, gã đang hoành tợn xe lại, phóng đi.

Xây xẩm mặt mày, chỉ chút nữa là tôi đánh đổ xe. Tôi và Hiền đứng lặng đi rất lâu trong khúc đường tối, không nhúc nhích, không nhìn nhau, không nói nổi với nhau nửa lời.

Khi về đến trước nhà, Hiền xuống xe, lý nhí nói gì đó, rồi lúi lũi đi vào cổng. Tôi quay xe, đạp nhanh về nhà.

Mối tình từ đó rơi hẫng. Chúng tôi tránh mặt nhau. Tôi thi và đỗ vào Tổng hợp Hoá. Còn Hiền, Hiền rút đơn, không thi vào Tổng hợp nữa mà thi vào trường khác.

Thậm chí nhiều năm sau gặp lại ở ngày hội lớp, chúng tôi vẫn tránh ánh mắt của nhau. Hiền mỉm cười gượng gạo. Tôi thì vội nhìn lảng đi, thái độ trở nên ngượng ngập khó chịu, bởi vì không thể nào khác được tôi lại nhớ đến cái động từ ghê tởm đêm ấy, và tôi biết rằng nó cũng đang dội lên trong tâm trí Hiền.

Chuyện như vậy chắc là bạn thấy khó tin? Nhưng tôi như thế thật đấy. Và tôi nghĩ chẳng riêng tôi, bạn cũng vậy thôi, thỉnh thoảng bạn vẫn vướng phải những chuyện mà người khác chẳng buồn để tâm nhưng bạn lại xúc động sâu xa, bạn không thể quên, như là một vết tự thương của sâu vào lòng, khó bề chữa khỏi. Ấy là những nỗi đau vô cớ, những bất hạnh mơ hồ, những đắng cay chua xót không đầu, những nỗi nhục, những mặc cảm không có duyên do, không tài nào ai hiểu nổi vẫn thường đầy rẫy trong cuộc đời mỗi người.

CŨ XƯA

Ngày ấy, hình như cha luôn có điều cần nói với Tâm, nhưng không nói. Là Tâm đoán thế, chẳng chắc lắm. Bởi vì, thật vậy, giữa một người cha và một thằng con thì phỏng có gì nhiều nhận để mà quanh quẩn chuyện trò. Cha Tâm lại vốn kiệm lời. Có thể nói, ông cực độ im lìm. Trong căn phòng chật chội, hai chục thước vuông, không cửa sổ, thừa muối và thiếu khí trời, ngày đêm sống dồn ních cả gia đình lại với nhau, thỉnh thoảng Tâm mới nghe thấy thấy đôi lời của cha, nhưng cũng chỉ là những lời mà tất nhiên ai cũng phải nói mỗi ngày. Mọi sự trong nhà, ông như chẳng can dự. Từ khi phải về hưu non dường như quanh năm suốt tháng ông chẳng đi đâu, chỉ ngồi. Mình ông một chỗ bên bàn nơi góc phòng, với ấm trà, chẳng nói năng gì, âm thầm tự buông trôi. Đêm, ông trở dậy, bật đèn bàn lên, lặng ngồi, nhiều hôm tận sáng.

- Đây, lại cha bảo này... - Ông nói - Cha muốn...

Nhưng mà ông chẳng bao giờ mào đầu được. Từ hôm Tâm có giấy gọi nhập ngũ đã mấy

lần cha anh *lại cha bảo này* như thế. Tâm chờ. Mãi không thấy cha cho biết cha muốn gì, Tâm chẳng gặng.

Ngày mồng bốn Tết, ngay trước hôm Tâm lên đường, buổi chiều, cha bảo anh đi dạo cùng ông. Thời tiết ẩm thấp dù không mưa. Đúng hơn là mưa bay nên không trông thấy, nhưng mặt đường thì ướt và trơn. Một cuộc đi dạo thẩn thờ. Hai cha con sóng đôi, chẳng nói rằng, im lìm rời khỏi khu phố nghèo, vá chằng vá đụp của mình để đi vào vùng trung tâm chật chội, khúc khuỷu, xạm màu rêu xế bên Bờ Hồ. Tâm có cảm giác như là cha vừa đi vừa lạng đi. Cái áo bạc-đờ-xuy cũ mềm của cha thủng lỗ chỗ. Tâm đỡ khuỷu tay cha, đưa ông sang đường

- Thành phố chiến tranh - Cha Tâm thốt lên thật khẽ - Như bên bờ vực.

Hai cha con vào một quán cà phê "chui" nằm ẩn trên tầng áp mái một ngôi nhà cũ nát ở kế rạp Chuông Vàng. Cửa quán là chèn đậu đen, nhưng vòng ra sân sau, lên cầu thang thì là cà phê phin. Một khoang gác ọp ẹp, khuất tất. Dăm bộ bàn ghế tồi tàn, thấp tẹt. Khách khứa lạng lờ như những cái bóng, nhòa mờ, không ai nhìn rõ ai. Người ta có thể tùy hứng lần đến đây uống cà phê vào bất kỳ giờ nào trong ngày, và người ta có thể ngồi trốn đời ở đây cả ngày, ngày này qua ngày khác. Cà phê Định Mệnh, ai

đó đã gọi cái quán vô danh này như thế, lâu ngày thành tên.

- Xưa, Hà Nội là một thành phố giàu nữ tính, rất nồng nàn và nhạy cảm. Bây giờ... - Như thường vẫn thế, cha Tâm bỏ lưng câu nói

Bàn của hai cha con kê kê một ô cửa sổ hẹp không có khung gỗ, giống như là một lỗ thủng. Trông ra thấy sàn sàn nhấp nhô cả một vùng ướn át những mái nhà phố cũ và những sân thượng, sân sau, những căn gác lửng. Một Hà Nội cũ xưa, tróc lở, nom là lạ, được nhìn thấy từ phía sau lưng.

- Quán cà phê này có từ xưa lắm rồi. Xưa sang trọng hơn nhưng cà phê cũng như bây giờ thôi - Cha Tâm nói - Chắc là con không biết. Quán này vốn của ông bà ngoại con... Hôm 19 tháng Chạp, ông bà đã tản cư, mẹ con vẫn còn ở lại. Cha tới đây, ngồi ở chính chỗ này này. Đèn vụt tắt, súng nổ... Thế là cha và mẹ cùng ở lại trong Liên khu 1. Số phận đã định đoạt cho cha mẹ như thế, và cho cả các con nữa... Mẹ đã bao giờ kể với các con chưa: cha và mẹ vốn là bên lương bên giáo. Cho nên, nếu không có kháng chiến thì đã không có con và các em con. Kháng chiến thành công, bỗng con về thì cả hai gia đình nội ngoại đều đã di cư vào Nam...

Từ khi biết nghĩ, biết nhớ Tâm nhớ là chưa lần nào được cha gần gũi. Đối với hai đứa

em gái của Tâm, cha luôn lặng lẽ bộc lộ sự thương yêu chiều chuộng. Nhưng tình cảm của ông với quý tử đầu lòng là Tâm thì như có một bức tường chắn. Càng lớn lên Tâm càng nặng mặc cảm rằng mình đã làm cha thất vọng. Đường như cha đã mong mỏi, cha đã đòi hỏi ở Tâm một điều gì đó mà anh không thể hiểu, có hiểu cũng không cáng nổi. Từ cái năm Tâm không vượt qua được lớp tám, phải lưu ban, luôn luôn là mẹ chứ không bao giờ là cha đi họp phụ huynh hay ký *sổ liên lạc* cho Tâm. Còn nhớ có lần cha quyết định dành thì giờ dạy tiếng Pháp cho Tâm mỗi tối. Nhưng chỉ được một tối, ông ngừng ngay. Ông lộ một vẻ ngao ngán không giấu giếm. Cha coi mình là đồ bỏ, Tâm thường nghĩ thế.

- Năm 54, đã mừng cho tương lai của các con. Ngỡ rằng bao nhiêu nỗi khổ của đất nước, thời cha mẹ đã gánh, các con sẽ lớn lên, vui sống trong hòa bình. Nào ngờ nạn nước chưa dứt. Lại đến lượt thời các con...

Sau ngày mai, trận mạc chờ Tâm. Chiều nay, anh rúc vào xó này nhấm nháp những giọt đắng và nghe nghiền ngẫm ngậm ngùi những chuyện gì đâu. Anh ngồi, lặng thinh, nhìn cái gạt tàn đã được dụi đầy tràn những dầu mẩu thuốc lá, nhìn tách cà phê đã cạn, nhìn những cái bóng ở các bàn bên, nhìn ra trời chiều. Hà

Nội xuân sang, ngấm mình trong mưa.

Cha Tâm gọi thêm hai ly cà phê. Bao Tam Đảo đã hết, ông lấy trong túi ra một bao khác. Tâm diêm nhiên bóc bao thuốc, rút một điếu. Cha xòe diêm châm lửa cho anh. Xưa giờ đừng nói bia rượu, chỉ một ngụm cà phê thôi Tâm cũng không được phép, huống hồ thuốc lá. Nghiêm khắc, nhưng cha Tâm hiếm khi nặng lời, càng không khi nào phạt đòn con cái. Chỉ một lần, ông cho Tâm một bạt tai. Ấy là khi ông bắt gặp Tâm và mấy thằng bạn ngồi phì phèo thuốc lá ở quán nước đầu phố. Ông hầu như không hề biết rằng con trai ông đã mười sáu tuổi, đã mười bảy tuổi, và thậm chí đã mười tám.

Ông từ chối ký đơn tình nguyện nhập ngũ của Tâm. “Học hành cho xong đi. Muốn trở thành một quân nhân thì trước tiên phải có học thức”, ông nói vậy, không buồn nhìn lá đơn. Ông không biết và không hề muốn biết rằng ở phòng tuyển quân của Khu đội người ta đã gần như nhắm mắt con trai ông. Hết lần đơn này tới lần đơn khác của Tâm đều bị gạt. Cay đắng, tủi phận, song Tâm vẫn nghiêng rằng, nhắm nạy. Lượng người xung phong vào bộ đội không phải là ít, lắm bữa đông nườm nượp, có cả phụ nữ, hầu hết đều được toại nguyện. Chỉ trừ Tâm. Con trai một, lại đang học dở cấp ba. Đơn tình nguyện không có chữ ký của phụ huynh. Thêm

nữa... Một cán bộ ở Ban tuyển quân do phải tiếp Tâm quá nhiều lần đã đành thực tình nói thẳng: “Thực tiễn chiến trường chưa cần phải huy động tới học trò con một. Với lại nói thật, lý lịch gia đình cậu ấy mà, rất những sự tày đình: có đảng phái phản động, có quan lại Nam triều, có địa chủ, có viên chức cao cấp của ngụy quyền. Lại còn hầu hết đi Nam! Lý lịch thế, để cậu ở hậu phương cũng ngại chứ đừng nói ba lô tăng vống lên đường đi Bê”. Ông động viên: “Bù lại cậu có tinh thần cao. Thế là tốt và cứ yên tâm. Chẳng chóng thì chầy. Ngay lập tức thì khó, nhưng gì chứ đi đánh Mỹ thì chẳng lo hết lượt.”

Vào lứa tuổi của Tâm, nổi sầu muộn và niềm chua xót có thể giúp người ta phát triển dài người ra như là được bón thúc. Chân, tay, tóc tai, cổ và cằm, các đốt xương. Mình mấy mọc thêm nhiều thứ, thừa thãi, bơ phờ. Và vừa bải hoải, trĩu nặng ừ ừ, vừa luôn thấy rậm rịt bứt rứt, nôn nao cồn cào, y như thể phải thường xuyên canh cánh ngậm trong lòng một cơn sốt âm ỉ. Về đêm thì ngủ mê, nói mơ và rên rĩ, một mình vật vã trên gác xép, tự mình cào mình đến nổi sáng ra ngực đầy vết xước. Mẹ Tâm mua lá ở hàng thuốc nam, sắc lên, ép anh uống, ngày một bát, rồi tăng liều lên, ngày hai bát. Mẹ bảo:

- Chịu khó uống. Cho dịu mộng mị, con ạ.
Cho khuây đi...

Như vậy là chẳng những không ký đơn cho Tâm, cha anh còn giấu biệt không để mẹ biết việc anh xin nhập ngũ. Khiến cho mẹ nghĩ rằng vì Loan. Mẹ đã gán cho Tâm nỗi đau tình ái. Mẹ nghĩ rằng anh tương tự cô gái dưới gầm cầu thang, mới vừa nhập ngũ hồi cuối thu.

Lạ lòng là đơn tình nguyện của Loan lại được chấp thuận dễ dàng. Cô cũng đang học dở lớp 10 như Tâm và còn thua anh một tuổi. Lý lịch thì chắc chắn là cũng đầy mắc mứu và đầy uẩn khúc. Gia đình Loan mới chuyển tới phố này được ba năm. Chỉ có mỗi hai cha con, neo đơn, nghèo túng, chỗ ở là một cái hộc thụt sâu vào trong gầm cầu thang, nơi ngày trước chứa than và củi. Cha của Loan, người trong phố kháo rằng từng là ông chủ một tờ báo phản động ở Hà Nội thời tạm chiếm và sau hòa bình lập lại đã phải cải tạo. Người ta đồn vậy có lẽ bởi vì thấy ông kiếm sống bằng đóng sách cũ. Cho tới tận trước hôm ngã bệnh qua đời, ông vẫn ngày ngày nhẩn nại tha một cái va ly rách nhét đầy những cuốn sách vô bổ ra bày bán nãy chỗ này mai chỗ khác ở những góc vỉa hè. Tuy nhiên, không cần biết rõ quá khứ của ông, thoát gặp cũng có thể cảm thấy ngay rằng thực ra ông chẳng phải là một người bán sách rong nào cả, và rằng trước kia hai cha con ông đã sống một cuộc sống hoàn toàn khác. Trong sự nghèo khổ

của cha con nhà họ rõ ràng có ẩn một cái gì đó không rõ là cái gì, không bình dân, không như người.

Cùng lớp nhưng Tâm và Loan chẳng phải chỗ bạn bè mật thiết. Loan không được tập thể ưa. Mà tập thể thế nào thì Tâm thế nấy. Chẳng vì một lý do rõ ràng, Loan luôn bị mọi người để ý. Bản thân Loan chắc cũng khổ tâm và đã cố giữ sao cho khỏi lạc khỏi nếp chung, mà không được. Nhìn Loan người ta thấy rằng ở cô có cái gì đó là lạ khang khác không y hệt mọi người. Cách để tóc, cách ăn mặc chẳng khác ai mà vẫn như có hàm một sự diêm dúa thâm lén. Da dẻ trắng trẻo, mềm mịn. Cách nói và dáng đi đều thiếu vẻ mộc mạc. Tâm nhớ là ngay từ bữa đầu vào lớp, Loan đã vấp phải lời xì xào của những bạn cùng bàn rằng đi học mà rẩy nước hoa đây người như quân tư sản. Cứ bước đi một bước là Loan liền để lại đằng sau mình cả một vệt dài hương thơm. Nhưng cô một mực thể trước lớp là chưa hề bao giờ xoa sức lên mình dù chỉ là một ty ty thôi bất kỳ một thứ xa xỉ phẩm nào. “Mà thực tình là tôi không cảm thấy gì cả, - Loan nói, rân rân nước mắt - Có cảm thấy cũng không biết làm thế nào. Tự như vậy chứ tôi không cố tình...”

Với Loan, Tâm hết sức gìn giữ một dáng vẻ nguội lạnh, hững hờ và xa cách. Đến nỗi

trong suốt bao nhiêu lâu cùng nhà cùng lớp thế mà hai đứa chưa từng một lần vào chơi nhà nhau. Chạm nhau trong sân, trong bếp, nơi máy nước, nơi cầu thang, thường là Tâm giả tảng chẳng thấy, lơ đi, hoặc không thì cũng chỉ qua quýt nửa vời vài ba lời gì đó trống không. Dửng dưng, lãnh đạm một cách tối tăm.

Hôm đưa đám cha của Loan, cả lớp Tâm góp tiền mua được một vòng hoa. Một cuộc tang ma lèo tèo. Thân quyến người chết mỗi một mình Loan. Người đến viếng thưa thớt. Tâm cũng chỉ nói được lý nhí vài lời gì đó nhạt thếch đại khái là để chia buồn. Mai táng cha xong, Loan cũng rời bỏ căn phòng dưới gầm cầu thang. Cô gia nhập lực lượng Thanh niên xung phong của Thành đoàn, vào Khu Bốn. Cô đi chẳng gửi lời chào Tâm.

Nhưng từ ngày Loan đi bỗng dưng tình bạn chưa bao giờ có với Loan lại khiến Tâm chao đảo. Bỗng dưng anh trở thành đa cảm, và vô cớ mà tâm trí anh chùng hấn xuống trong uỷ mị. Thậm chí có đêm Tâm nằm mộng thấy Loan. Cô đến với anh vào quãng hai giờ sáng, thời gian thâm kín nhất của giấc ngủ, rồi cô biến mất khi đồng hồ đổ chuông báo thức. Một làn hương mơ hồ như là hương thơm từ giấc mơ cứ mãi vương vấn trên căn gác xép.

Tuổi trẻ của Tâm và sức vóc của Tâm phải

chịu những cơn co thắt ngày càng dồn dập. Ở trên lớp không buồn nghe giảng, về nhà chẳng thiết ngó ngang tới bài vở, và mỗi tuần, không sao đừng nổi, phải quyết trốn học chỉ ít một buổi. Lang thang, Tâm đi lẫn mình vô định vào trong các phố dọc phố ngang chẳng chịt để lan man tìm một hướng đi.

Mẹ anh có lẽ đã âm thầm hiểu thấu lòng anh hơn cả bản thân anh. Chính là mẹ đã thuyết phục cha ký vào lá đơn tình nguyện thứ tư. “Đừng nên ngăn nữa mình ạ. Thiết tha thế có gì xấu đâu. Nó mong đi bộ đội cơ mà. Và nó thương nhớ con bé ấy. Yêu nước thì cũng như là yêu nhau, có khác gì đâu mà ngăn. Mà ngăn làm sao được hử mình”. Mặc dù cha mẹ nói chuyện rất khê tiếng, nhưng vì nằm ngủ ở gác xép ngay sát bên trên nên vào lúc nửa đêm khi bất chợt thức giấc, Tâm đã nghe thấy.

Cha mẹ cùng ký. Và cả đêm, Tâm nghe tiếng mẹ khóc khê khê. Tiếng cha rầu rầu an ủi mẹ. Thỉnh thoảng lại bật ho.

Sáng hôm sau cha cùng Tâm tới Khu đội. Dọc đường, ông bảo: “Cha mẹ muốn con học lên, vào đại học, với lại thấy sức vóc con yếu ớt, tâm tính cũng còn non dại, nên dùng dằng không ký đơn cho con. Nhưng thấy lòng con đã quyết, cha cũng mừng... Làm trai sinh ra gặp thời loạn lạc không thể đứng đưng với vận nước. Nước mất

thì nhà tan, ấy là châm ngôn truyền đời... Có điều, con ạ, cha không hoàn toàn an tâm. Cha sẽ chỉ an tâm nếu như biết chắc được rằng con quyết tâm ra đi chiến đấu là bởi con thật sự thấy con đường mình chọn là đúng đắn và tất yếu chứ không phải chỉ vì con muốn thoát khỏi tai tiếng gia đình, muốn chạy khỏi những phiền muộn riêng tư..."

Chiếc đồng hồ treo tường thông thả gõ chuông. Ông chủ quán Định Mệnh bật công tắc đèn. Ngọn đèn đỏ dòng dọc, trông rõ sợi tóc trong bóng. Ngoài trời, màn mưa mờ mỏng như lớp sương vàng nhạt sa phủ trên thành phố, làm nhòa ánh sáng những vệt đèn đường.

- Ta về thôi con nhỉ - Cha Tâm nói và vẫn ngồi yên - Thế là đã qua mất một ngày... Và vậy là mai con đi. Mai con đi rồi...

Cái buổi chiều tối ấy, cái quán cà phê ấy và nói chung, tất cả những ngày xưa cũ ấy sống mãi suốt đời Tâm, nhưng chắc chắn anh sẽ không bao giờ muốn nhớ lại và nhắc lại làm gì nếu như không vì muốn có một lần trở về với tình cha con nhiều đau đớn của một thời.

GIANG

Năm ấy tôi mười bảy tuổi, binh nhì, chiến sĩ của tiểu đoàn 5 tân binh. Tiểu đoàn chúng tôi luyện quân ở Bãi Nai. Bảy giờ đã là vào cuối khóa huấn luyện ba tháng, kiểm tra xạ kích, đạt điểm cao nhất đại đội, tôi được thưởng hai ngày phép. Đại đội trưởng linh động cho tôi miễn *bình tuần* tối thứ sáu. “Đã được lãi một tối càng phải liệu mà về cho khuỷp giờ điểm danh đấy nhá”. Anh dặn tôi thế, ra ý đe.

Chuyến về nhờ bám được xe quân sự chạy trên đường 6 nên phi cái vù đã tới nhà. Chuyến trở lại phải chen xe khách. Chín giờ tối chủ nhật mới điểm danh mà chỉ dám nấn ná cố cùng tới 12 giờ trưa là phải bứt khỏi nhà chạy nhào ra bến Kim Mã. Chen lên được một chuyến xe vào thời buổi gian khó ấy khổ sở đến thế nào khỏi bàn. Thêm nữa lại ngày giáp Tết. Do may mắn và cũng là do ẩu tả ngồi lên nhau trên nóc xe nên đến nhập nhoạng tối thì tôi nhảy được xuống thị trấn Lương Sơn. Đói mèm, rét run, lại luố quố trượt chân ngã, tuột tung quai dép và lấm be bét.

Trật trường tôi dò tới cái giếng xây ở đầu trấn để rửa ráy qua loa tý chút và xâu lại dép. Chỉ có một người đang múc nước ở giếng. Trời mưa nhưng rất mỏng, như sương, và chưa tới hẳn nên từ khá xa tôi đã nhận ra một cái dáng con gái. Khi tôi tới bên giếng, hai thùng tôn của gánh nước đã được đổ đầy, cô gái cuộn dây gầu, tra đòn gánh vào hai móc xích, và trước khi lên gánh, cô đội lại chiếc nón mà lúc cúi múc nước cô đã bỏ ra để ngửa bên thành giếng. Với con mắt linh mười bảy tuổi nhanh như chớp tôi lờm ngay thấy tên cô nàng viết bằng mực tím ở trong vành nón, cả tên, cả họ, cả đệm, và cả lớp học của cô nữa. Phạm Nhật Giang. 10 B.

Không để ý đến tôi, cô đặt gánh lên vai. Tôi nói, vội vã, nhưng thần nhiên, như thật:

- Kia, Giang. Cho anh mượn cái gầu đã nào.

Cô gái hạ gánh, nhìn tôi.

- Chào anh, anh bộ đội... - Cô nói, ngập ngừng, nhưng có lẽ chưa kịp ngạc nhiên - Gầu đây anh.

Tôi xòe hai bàn tay bê bết bùn ra.

- Ôi, anh bị lấm hết rồi! - Cô gái khê thốt lên - Thôi, để em.

- Ừ. Nhờ Giang vậy, chứ không thì bẩn hết cả dây.

Cô gái múc lên một gầu, hai gầu, xối từ từ

cho tôi rửa kỹ hai bàn tay. Khi tôi định đón lấy chiếc gầu, cô bảo:

- Cái gầu này khó mức lắm. Để em giúp anh

Cô lại thông nhanh sợi chảo xuống bóng tối sâu hút bên dưới rồi thoăn thoắt, mềm mại, kéo gầu nước lên. Nhưng sự ân cần của cô còn hơn thế. Mỗi gầu nước mức lên cô không xối cho tôi tự gột mà cúi mình xuống, một tay nghiêng gầu nước dội nhẹ nhẹ, một tay cô cọ bùn đất ở bàn chân, ngón chân, bắp chân tôi. Ngây ra, tôi đứng yên, sững lặng cảm nhận cái ân tình hồn nhiên và bất ngờ ấy. Rất lâu, hai đứa chẳng nói gì, cô gái lặng lẽ gột rửa cho tôi, tôi thì bất động. Cô cọ kỹ cho tôi cả đôi dép dúc.

- Tươi rồi đấy, anh - Cô gái nói trong bóng tối.

- Cám ơn nhé, Nhật Giang!

Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:

- Ô kìa. Ừ nhỉ, sao anh biết tên em?

Tôi cười, không đáp

- À, em biết rồi. Anh tọa độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?

- Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.

- Chắc anh đóng ở gần đây.

- Chả gần lắm, tận xóm Đuộm
- Bao xa anh?
- Giang không phải người đây à?
- Vâng, em mới Hà Nội lên - Giang đáp,
và chợt cô rủ tôi:

- Nhà em đang trọ ở ngay kia, anh vào
nghỉ một lát.

Tôi do dự :

- Chín giờ, đơn vị điểm danh rồi... mà còn
non chục cây.

- Còn sớm, mới sáu giờ kém mà, anh.

Tôi muốn hộ Giang gánh nước, nhưng cô
không chịu. Tôi theo sau cô vào sâu một cái ngõ
tối. Một mình Giang một túp nhà nhỏ, mái
gianh vách đất. Không có đồ đạc gì. Một chiếc
giường đơn, một ngọn đèn hoa kỳ trên chiếc
chõng tre, bộ ấm tích, điều bát. Một chiếc xe
đạp Phượng Hoàng dựng ở gần cửa.

Tôi mở túi phòng hóa đeo bên hông lấy gói
bít cốt mẹ dúi cho hồi trưa, và rót chè tươi trong
ấm tích ra bát. Bít cốt chiêu với chè tươi, định
thế. Thấy vậy, đang lúi húi xâu lại quai dép cho
tôi, Giang vội kêu lên:

- Ôi, em quên. Có cơm mà, để em dọn mời
anh.

Tôi gạt đi, nhưng Giang nài tôi chịu khó
chờ cô xuống bếp hâm lại cơm canh mà ăn uống
cho chắc dạ và nóng sốt.

Trong lúc chờ Giang, tôi ngả phứa ra giường cô, châm thuốc hút và lim dim mắt, thả khói. Chợt cửa ra vào mở. Một người đàn ông cao lớn bước mạnh vào. Tôi giật bắn mình, bật chồm dậy. Ông nọ vận đại cán vải dạ xanh sẫm, giấy da Cô-xu-ghin, quần hàm ve áo hai sao hai vạch.

- Cậu là ai? Đâu chui vào đây? - Nghiêm sắc mặt, ông trung tá hỏi, chăm chăm nhìn.

Tôi dập gót:

- Báo cáo, tôi...

Vừa khi đó Giang bùng mâm cơm đi từ sân sau vào.

- Bố về rồi đấy ạ, - Cô vội vã nói - Bố ơi, đây là Hùng, bạn học lớp 10 với con. Anh ấy đóng quân gần đây. Chúng con tình cờ gặp nhau vừa nãy.

Ông trung tá dịu nét mặt, nhưng giọng vẫn nghiêm:

- Đóng gần đây à? Đồng chí đơn vị nào?

- Báo cáo thủ trưởng, tôi ở C7 K5 đoàn 91.

- Thế đồng chí đi đâu, sao giờ này còn tụt tạt ngoài đây?

- Báo cáo thủ trưởng, tôi về phép lên. Đơn vị chín giờ mới điểm danh.

- Thế đồng chí định để đúng điểm danh mới có mặt à? Phải về đơn vị sớm hơn chứ.

- Kia bố, - Giang kêu lên - Bố để cho anh

ấy ăn cơm đã. Bố cũng ăn luôn với bọn con đi.

- Không đâu, tớ không ăn đâu! - Tôi hoảng lên - Tớ phải chào đây, Giang!

Ông bố Giang mỉm cười, vỗ nhẹ vai tôi, bảo:

- Từ đây về xóm Đạm sáu cây, còn kịp. Cậu ăn cơm đi, ngồi chơi với Giang. Bạn học lâu ngày gặp nhau. Nhưng rồi phải rảo chân lên. Vẫn phải về kịp trước điểm danh, rõ chưa!

- Thì bố xin hộ cho anh ấy, bố! - Giang nói, nũng nịu - Bố gọi cho cấp chỉ huy của anh ấy. Chúng con học cùng từng ấy năm, gặp nhau chuyện tới khuya chẳng hết.

- Không được, - Ông bố cười, lắc đầu - Bạn hữu gặp gỡ thế này là quý, nhưng con không có được những nhặng con cà con kê giữ bạn lại quá lâu. Đừng có để bạn phạm kỷ luật.

Ông nhìn đồng hồ

- Sáu rưỡi rồi, - Ông nói - Hai đứa khăn trương cơm nước đi. Tối nay bố không ăn với con được. Bố phải qua đơn vị. Phải họp khuya đấy. Con một mình ở nhà cửa giả cho cẩn thận.

Ông bước tới bên cửa, cầm lấy ghi đông chiếc xe đạp, và nhìn tôi, ông nói:

- Hùng ngồi chơi nhá. Nhưng nhớ giờ giấc đấy.

- Kìa bố, bố lấy xe đạp ạ! - Giang kêu lên - Con định đưa anh ấy về đơn vị cơ mà, bố! Bố

chịu khó đi bộ, bố nhá. Chỗ bố gần ngay đây mà.

- Không! Đừng mà... - Tôi hãi quá - Giang
dừng vậy...

Ông trung tá cười, bảo:

- Con gái con lúá thế đấy. Chiều bạn hơn
bố. Nhưng bố nhất trí, bố để xe cho hai đứa.
Chứ mà cuộc bộ thì con làm Hùng chậm giờ
mất. Có điều đường đồi ban đêm hai đứa lại
nhau cho cẩn thận, đừng có phóng nhanh kéo
ngã. Đưa Hùng tới đơn vị rồi lúc quay về một
mình con cứ đạp từ từ, nhìn đường. Nhưng cũng
gắng đừng có thông dong quá đấy. Trời lạnh thế
này. Với lại con về khuya bố không yên tâm
đâu.

Tôi ấy, tôi lái Giang vào sâu trong Bãi
Nai. Đồng rừng tối âm, lạnh lẽo. Con đường
đồi quanh vắng, không ngừng uốn lượn và gấp
khúc. Gió bắc lúc thuận lúc ngược, nhưng mà
tôi không thấy mệt, tôi đạp mãi miết. Tôi chưa
khi nào đèo con gái. Cả hồi năm ngoái học lớp
10, được bố mẹ ưu tiên sắm riêng cho hẳn một
cái Mipha tha hồ tung hoành phá phách, tôi
cũng chỉ đạp xe rong phố với những thằng bạn.
Chưa từng bao giờ có một nữ nhi ngồi sau xe
tôi, áp mình tin cậy vào tôi như thế này. Đây là
lần đầu.

Chiếc Phụng Hoàng nặng trĩu mà chẳng
nặng một chút nào. Tôi guồng căng đạp, bám

theo vết trắng mập mờ của con đường, lên dốc, xuống dốc, quanh rẽ, lạng tránh, lao rất nhanh và phanh giạt cục. Giang ngồi vững và thật êm sau tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi mới nói chuyện, mà chỉ Giang nói. Giang là trò Trưng Vương, vừa tốt nghiệp lớp 10 trong năm, hiện giờ đã là sinh viên của trường Tổng hợp. Nhà cô trong ngõ Chợ phố Khâm Thiên. Túp nhà ban này là bố cô mượn của một người quen ở thị trấn để đón cô lên ăn Tết cùng ông. Mẹ cô mất năm ngoái, anh trai thì mới vừa đi Bê tháng trước.

- Tết ra chơi với bố con em, anh nhé. Nhà chỉ hai bố con mà cái thị trấn khỉ ho cò gáy này thì buồn ơi là buồn. Em sẽ nói khó để bố vào hẳn đơn vị đón anh. Rồi chúng mình xin phép bố lĩnh về Hà thành vài hôm. Bố em chiều em lắm, sẽ đồng ý thôi. Mà bố đã thuận thì nhất định thủ trưởng đơn vị anh cũng nhất trí.

Chúng tôi chia tay ở chân đồi Gừng, đầu con đường mòn dẫn vào xóm Đạm nơi đơn vị tôi trú quân.

- Hay là Tết em trốn vào đây với anh?

Giang hỏi, và không hiểu sao lại thở dài.

Tôi cứ đứng mãi ở ven đồi. Mặc dù không thể nhìn thấy gì trong màn đen dày đặc đêm cuối năm, tôi vẫn cứ nhìn mãi theo Giang. Chia tay, tôi đã không nói được một điều gì cả, đã không kịp nghĩ một lời nào. Cả địa chỉ của Giang nữa cũng không hỏi rõ. Chỉ biết Khâm Thiên, ngõ Chợ.

Hai hôm sau, tối ngày 27 Tết, tiểu đoàn tôi nhổ neo rời Bãi Nai. Hành quân qua Thường Tín, lên tàu ngay, không có 15 ngày phép thông lệ của lính Bê dài. Đây là một đợt tăng cường rất lớn cho chiến trường. Cả một Sư cùng lúc lên đường, gấp gấp tiến quân, vượt ngàn dặm Trường Sơn vào Nam. Vừa đặt chân lên đất Tây Nguyên đã vào ngay chiến dịch. Các đơn vị của Sư đoàn phiên hiệu khác đi nhưng vẫn giữ nguyên đội hình từ ngoài Bắc. Tiểu đoàn của tôi đánh trận mở màn, và đại đội của tôi là mũi chủ công. Trước giờ nổ súng, đích thân tham mưu trưởng sư xuống kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của chúng tôi. Mặc dù ông xuống “kiềng” cùng với một nhóm khá đông trợ lý và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nài nịt như mọi người, tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính tô châu, nhưng trong bóng rừng nhập nhoạng tôi vẫn nhận ra ông ngay. Ông chính là “ông bô” của Giang!

Tôi toan lĩnh, song ông trông thấy tôi tức thì. “Kìa, Hùng, Hùng đấy hả Hùng!”. Giọng ông ngạc nhiên, mừng vui. Ông thân thiết xiết chặt tay tôi và không nén được, ông cảm động ôm lấy tôi. “Giang nó cứ nhắc cậu mãi, Hùng ạ. Nó cứ buồn vì không gặp lại được cậu trước khi chúng ta lên đường”. Ông bảo: “Giờ đây Giang nó ở lại ngoài đó có một mình”.

Gặp gỡ trước giờ nổ súng tất nhiên là chỉ thoảng nhanh, chỉ kịp nói mấy câu thể thôi. Tôi thì không nói được gì cả. Tôi chỉ áp ứng. Cả cái tên Hùng do con gái ông phịa vội ra, tôi cũng không thể cãi chính.

Thời khắc gấp gáp không thể nấn ná, nhưng trước lúc đi, tham mưu trưởng sực nhớ một điều và vội vội ông nói với tôi: “Giang nó có gửi cháu tám ảnh của nó, nhưng tiếc quá, lại không mang theo đây. Để bữa sau vậy, Hùng nhé...”

Không có “bữa sau” ấy. Tôi không còn có dịp được gặp lại tham mưu trưởng. Cả tới mùa khô sau, được điều lên trình sát sư đoàn, tôi vẫn không thể nào gặp lại được ông. Tham mưu trưởng của chúng tôi đã hy sinh vào cuối mùa khô năm đầu tiên sư đoàn chúng tôi lâm trận.

Chiến tranh, đời lính, tuổi trẻ, mọi sự là như thế, chỉ thể thôi, thoảng nhanh. Thoảng nhanh nhưng không tắt lịm. Chỉ thể thôi nhưng để rồi sau này cứ nhớ mãi. Trở thành nỗi đau. Những nỗi đau mất mát âm thầm.

Chắc là bây giờ Nhật Giang vẫn còn nhớ đến tôi, người lính trẻ vô danh hơn ba chục năm về trước. Tôi thì không bao giờ quên cô ấy, mặc dù thực ra là có gì đâu một tình cờ như thế, một gặp gỡ vắn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thật mà năm tháng cuộc đời cứ mãi chồng chất lên muốn xóa nhòa.

MỐI NGỜ

Ba năm cấp III hầu như môn học nào cũng cứ hết một niên khóa là đổi thầy, riêng có toán thì từ đầu lớp 8 tới gần cuối lớp 10 chúng tôi chỉ học với mỗi thầy Xương. Thầy Xương thấp người, đặc biệt gầy gò và đặc biệt là một ông thầy nghiêm. Là giáo viên chủ nhiệm nhưng thầy chẳng hề chiếu cố cho thành tích học tập của riêng lớp tôi lấy mảy may. Bài tập về nhà mỗi ngày, bài kiểm tra hàng tuần, hàng tháng, thi giữa học kỳ, thi cuối năm thầy đều chấm chẳng chút gượng nhẹ. Dĩ nhiên đã là lứa học trò được thầy Xương giảng toán cho thì dù kém cỏi đến mấy cũng không ai có thể cứ bết bát mãi, tới tận tới thế nào rồi cũng phải dần dà sáng được lên, do vậy điểm *một*, điểm *hai*, với cả điểm *đê rô* tuy rằng chưa ai tránh khỏi nhưng không nhiều. Có điều điểm khá giỏi cũng vô cùng lác đác. Chủ yếu, thường nhật với cả lớp là điểm *ba* toán. Trong lớp chỉ chừng chục đứa là được *bốn* toán tương đối đều đặn. Còn điểm *năm* thì nói chung là đừng có mơ, đấy chẳng phải là điểm giỏi nữa mà là điểm dị thường.

Giờ đây nhớ lại hồi đó thấy buồn cười thật. Phải xa Hà Nội, sơ tán về vùng đồng bãi Khoái Châu cực chết đi được, thiếu thốn, kham khổ, gian nan đủ đường, đáng lý mau mau chóng chóng và phiên phiên với nhau cho rồi thì thầy trò chúng tôi lại cứ nhất định phải làm cho sự học hành thêm vất vả và rắc rối. Qua loa không được. Chỉ đúng không thôi cũng không xong. Phải khác thường cơ, phải độc đáo. Sợ nhất là bị gọi lên bảng chữa bài tập. Không làm được đã đành, làm được hẩn hối, ra đáp số rành rành, trong bụng chắc mẩm không mắc một sai sót nào, vậy mà vẫn bị thầy phẩy tay xua xuống: “Về chỗ! Tôi chán anh. Anh lười nghĩ lắm. Chỉ biết dập khuôn. Ăn hại. Ba điểm!”. Trái hẳn với các thầy dạy văn, thầy dạy môn toán của chúng tôi không chịu nổi cái thói học trò rầm rập nhuần nhuyễn lặp đi lặp lại thầy và sách. Thầy bắt người ta phải nghĩ. Nghĩ sai cũng được, còn hơn là để cái đầu bất động cái não tù đọng.

Ấy vậy mà rất lạ, môn học khó nhằn nhất, giờ học tưởng chừng khô khan nhất lại là sinh động nhất. Giỏi hay không giỏi môn toán, tất cả chúng tôi đều cảm thấy thoải mái hơn khi buổi học chuyển từ môn văn hay một môn xã hội nào đó sang giờ của thầy Xương. Dù sao thì trong giờ đó thầy Xương cũng không bắt bạn phải đọc thuộc lòng một cái gì đó. Thầy không bắt ne bắt

net chữ xấu chữ đẹp, không bắt lỗi viết tắt với tẩy xóa, và thầy cho phép trình bày cách giải riêng nếu như quả là bạn có cách riêng. Ở lớp chúng tôi cái sự trò vắn lại thầy, trò tuyên bố có cách giải bài hình bài đại bài lượng hay hơn cách của thầy là chuyện thường. Chẳng những không lớn tiếng hay lạnh giọng bác bỏ, ông thầy của chúng tôi còn sôi nổi lao vào tranh luận với trò ngay bên bảng đen. Tất nhiên cũng có lần thầy đâm câu với lý sự của đứa học trò bướng bỉnh, nhưng ngay sau đó hoặc sau nhiều ngày ngẫm nghĩ, thầy thừa nhận trước lớp rằng quả thật cách giải của trò là hay và độc đáo hay hơn của thầy.

Học hành như vậy hẳn là cũng có cái hay, song nói chung lợi bất cập hại. Bởi cung cách “tự do tinh thần” lạ đời của thầy Xương đã ám vào lớp chúng tôi không chỉ trong giờ toán. Lắm đứa lớp tôi vào giờ văn, giờ sử cũng bày đặt ý kiến ý cò này nọ, quên rằng như thế là phạm điều tối kỵ. Bài lịch sử, bài giảng văn đầu xuôi đuôi ngược thế nào thầy đã đọc cho chép đầu ra đấy, chỉ việc gao cho thuộc lòng rồi hót lên từ đầu chí cuối vậy mà nhiều đứa vẫn cố tình một mình một lối khác hẳn thầy. Cả khi làm tập làm văn cũng vậy, đứa thì chuyên trị lạc đề, đứa thì thường xuyên mắc phải cái tật là cứ tự ý trích dẫn những câu thơ đoạn văn không hề

có trong sách giáo khoa để bê vào bài luận. Thật đúng là tự chuốc lấy vạ.

Tuy nhiên cách học toán kiểu ấy vẫn gây họa nhiều nhất cho chúng tôi ở chính môn toán. Thực lực giỏi giang thế nào chưa biết, nhìn kết quả học tập môn này qua điểm số thì lớp chúng tôi luôn đội sổ toàn trường. Mà như thế quá là không công bằng. Những đứa bạn của tôi học ở các lớp 10 khác khả năng toán chắc chắn không hơn tôi thế nhưng điểm số của chúng lại đã luôn luôn khiến tôi phải thêm muốn.

Tình trạng môn toán điểm số thấp ảnh hưởng xấu đến thi đua của lớp đã đành, nhưng nghiêm trọng hơn, tình trạng ấy đe dọa tương lai của tôi. Khi đang lớp 8, lớp 9 thì vấn đề còn chưa bức thiết, nhưng lên lớp 10 rồi thì đã thành mối nguy thực sự. Bởi hồi đó, chiến tranh, học trò xong lớp 10 chỉ thi tốt nghiệp phổ thông, không thi đại học. Các trường đại học tuyển sinh dựa chủ yếu trên kết quả học tập của năm lớp 10. Chẳng dễ dàng nhưng cũng chẳng quá khó khăn. Không chỉ học sinh loại xuất sắc A1, A2 mà cả tiên tiến A3 đều chắc chắn sẽ nhận được giấy gọi vào đại học. Để đạt A3 chỉ cần quá nửa các môn học có điểm tổng kết *bốn*, với điều kiện toán và văn không môn nào điểm *ba*. Văn thì tôi đã cảm chắc không *năm* thì *bốn*, nhưng toán...

Đã gần cuối học kỳ hai lớp 10 mà tôi thấy mình rất có thể chỉ được ba toán tổng kết năm. Không đạt A3, cổng trường đại học bị thu hẹp lại một cách đáng sợ, ấy vậy mà nguyện vọng của tôi đâu chỉ là vào đại học. Tôi luôn khát khao được đi du học nước ngoài. Mọi tiêu chuẩn khác tôi đều trên mức yêu cầu, chỉ cần đạt A3 nữa thôi, là sẽ thăng thang con đường đời, không sang Liên Xô sang Đức sang Tiệp thì cũng Hung, Bun, Ru, Ba Lan học đại học, rồi làm phó tiến sĩ, làm tiến sĩ. Triển vọng tươi sáng ngàn ấy và đã chắc như đinh đóng cột, vậy mà tôi bị vương thầy Xương!

Thầy Xương quá xương. Thầy đại gàn. “Xã hội cần là cần cái thực học của các em cho nên điểm số phải đúng với thực chất ấy thì mới có giá trị, nhỉnh hơn lên dù chỉ một chút thôi là dôi trá, cả thầy cả trò chúng mình cùng dôi trá”. Thầy đã nói vậy ngay ở tiết toán đầu tiên dạy chúng tôi từ lớp 8. Chỉ nói một lần, không nhắc lại, và miễn bàn luận, bắt di bắt dịch.

Thầy nổi tiếng dạy giỏi, lại cao tuổi nhất trường, Ban Giám hiệu chắc chắn là không thể có ý kiến gì. Phụ huynh lại càng không. Thời đó phụ huynh khác bây giờ. Quan tâm và lo lắng đến sự học hành của con cái đến mấy đi nữa cũng tuyệt đối chẳng ai lại nghĩ đến chuyện thò tay nhúng mũi vào bảng điểm của chúng. Dẫu có

ngihtới cũng vô phương, hoàn toàn không thể. Nói gì tới chúng tôi, học trò. Muốn được điểm khá thì gắng lên. Gắng lên lắm rồi vẫn dậm chân tại chỗ thì đành chịu thôi, họa có trời cứu.

*

* * *

Phải chăng, lớp 10A, mà cho chính xác là riêng tôi, đã được "trời cứu"? Đã gần kết thúc niên khoá, chỉ hai tuần nữa là các lớp 10 sẽ nghỉ học để ôn thi thì thầy Xương bị đột quỵ. Sức yếu lại không ngừng cố sức trong hoàn cảnh chiến tranh sơ tán trăm bề gian nan, thầy đã không thể kham nổi tới cùng.

Vào mấy tuần lễ cuối cùng ấy, thầy dạy toán đồng thời kiêm thầy chủ nhiệm của lớp 10 A chúng tôi là cô giáo Hiền. Cô Hiền cũng đã lớn tuổi và lâu năm trong nghề, nhưng dĩ nhiên là cô rất khác thầy Xương. Trước nhất là cô rất chuẩn. Thời gian học chỉ còn hai tuần nhưng cô vẫn kịp chấn chỉnh nề nếp nội qui sinh hoạt học tập của 10A mà cô đánh giá là "không bình thường". Dựa hẳn vào chi đoàn và ban cán sự, nhấn mạnh ý thức tự giác, cô nhanh chóng xác lập lại kỷ cương về tất cả mọi thứ: giờ giấc, chỗ ngồi, trực nhật, vệ sinh lớp học, hâm hào, mũ rơm, túi cứu thương, v.v... Đặc biệt là vấn đề

phát biểu nói năng trong giờ học. Cô kiên quyết gạt bỏ cái thói trò tranh luận với thầy. Hãy học cho thuộc. Hãy trả lời vào trọng tâm. Bài làm phải sạch sẽ, chữ nghĩa ngay ngắn, trình bày, diễn giải lớp lang, tuần tự, gắng theo cho đúng những bài toán mẫu, đừng có mà bày vẽ sáng tác cách này cách nọ mất thì giờ.

Quan niệm giáo dục của cô thiết thực và vắn tắt, do vậy cô hết sức chê trách cách học toán, làm toán bấy lâu của lớp 10 A, nhưng rất công bằng cô thừa nhận học trò 10A nói chung khá toán hơn hẳn các lớp 10 khác mặc dù điểm tổng kết lại có nguy cơ thấp hơn hẳn. Tranh thủ hai tuần cuối cô ráo riết cứu vớt tình trạng này. Chúng tôi được gọi lên bảng chữa bài tập nhiều hơn, làm bài kiểm tra 15 phút nhiều hơn để lấy điểm.

Đến kể kỳ nghỉ ôn thi, được sự đồng ý của Ban Giám hiệu, cô Hiền quyết định dành hai tiết cuối ngày thứ bảy cho lớp 10 A được đặc cách làm bài sát hạch lần chót. Chỉ là bài kiểm tra 90 phút, song cô nói rõ là có ý nghĩa cực quan trọng đối với điểm tổng kết toán của mỗi người.

Nghiêm khắc mà tốt bụng và đầy thông cảm, cô Hiền ra đề không dễ nhưng không khó. Vừa chép xong đề, tôi đã phác được cách làm và tôi biết chắc lần này, với cách chấm của cô Hiền, mình nhất định *năm* điểm.

Hình học và lượng giác học nhất, tôi làm trước, và qua 50 phút đã xong, tuyệt đối hoàn hảo. Còn lại là bài đại số, sở trường của tôi, mà đề ra lại không có chút gì thách đố, 40 phút, quá ung dung. Không bắt tay vào làm ngay, tôi hơi ngả người ra sau, nhẹ nhàng nghĩ ngợi cách giải. Còn 30 phút.

Bất ngờ, tỉnh không hề có chủ định, tôi chợt lóe ra trong đầu một ý tưởng. Tôi chớp lấy bút, cắm cúi vào giấy nháp. Cách học toán kỳ cục trong suốt ba năm làm trò của thầy Xương đã vô thức ám vào tôi và gây họa cho tôi ở thời điểm quyết định nhất: tìm tới cái khó, cái khác thường vào lúc lẽ ra phải nhất thiết chọn lấy sự dễ dàng, sự thông thường.

Tôi làm, háo hức, mải mê. Và tôi sai. Cách giải thần kỳ đưa tôi tới một đáp số kỳ cục và nuốt của tôi toàn bộ thời gian làm bài. Khi bừng tỉnh, trở lại với sự thông thường thì đã hết giờ.

Chín mươi phút là chín mươi phút, không oong dờ gì hết, buông bút. Ngày nay thế nào không biết, học trò hồi đó là thế. Nếu làm xong sớm, được phép để bài đó ra khỏi lớp, chưa xong làm đến cùng, nhưng không được cố thêm một phút. Mà là hoàn toàn tự giác. Cô giáo không ngồi đấy trông coi, cũng không thu bài. Lớp trưởng làm việc đó. Tôi là lớp trưởng.

Khởi nói nông nổi của tôi khi đó. Như cái

máy vậy, tôi đi lần lượt các bàn thu bài của bạn mà không nghe thấy gì, không thấy gì hết. Nếu là thầy Xương, bài đại số làm lạc hướng của tôi không chắc đã bị sổ toẹt, nhưng cô Hiền thì khác. Với cô đáp số phải đúng. Nhờ bài hình và bài lượng tôi có thể được cô ưu tiên cán bộ lớp mà đẩy lên điểm bốn, nhưng đã chắc gì.

Tôi mang chồng bài lên bàn cô giáo và kiểm lại. Như mọi khi, lớp học sau khi làm bài kiểm tra xong náo lên ào ào bàn tán tranh cãi nhau cách làm, cách giải, đáp số. Cô Hiền thì vẫn chưa trở lại lớp. Tôi đếm số lượng bài đã nộp. Ba bảy, ba tám, ba chín. Kể cả bài của tôi nữa là tròn bốn mươi. Sĩ số của lớp là 40.

Bài thứ ba mươi chín, ở trên cùng chồng bài là của thằng Tân. *Nguyễn Văn Tân*. Tên tuổi của thằng bạn đập vào mắt tôi. Ý nghĩ đó đến thình lình, và hành động của tôi khi ấy xin thể là hoàn toàn vô thức. Chỉ là tiện tay, tôi bình tĩnh lấy bút máy thêm dấu sắc vào chữ "*Tân*". Thông thả, liêu lĩnh tôi gập bài làm của tôi lại, nhét sâu vào túi quần.

"Chỉ có ba mươi chín bài", tôi quay xuống nói to với cả lớp. "Còn thiếu một. Ai chưa nộp bài, nộp đi!". Bọn bạn mải luận bàn chẳng đứa nào để ý. Tôi nhắc lại lần nữa. Vẫn không ai quan tâm. Tôi gọi bí thư chi đoàn, gọi lớp phó lên. Cùng kiểm lại. Đúng là thiếu một bài. Cô

Hiền trở vào lớp. Tôi nộp cô chồng bài và báo cáo tình hình.

"Em nào chưa nộp thì nộp ngay bây giờ còn kịp", cô Hiền rất nhẹ nhàng. "Thừa thiếu chút thời gian, cô sẽ bỏ qua, không trừ điểm đâu". Cả lớp vẫn tĩnh bơ. Cô Hiền đợi. Vẫn vậy. "Thôi được rồi. Ba mươi chín bài! Các em về đi, sẽ rõ cả thôi". Cô nói chậm rãi, nhưng sắc mặt cô nhợt hẳn. Cô báo cán bộ lớp và đoàn ở lại. Buồn giận, thất vọng, nhưng cô vẫn cố đến cùng lòng vị tha. Hạ đòi hỏi đến mức tối thiểu, cô yêu cầu chi đoàn và tập thể lớp phải thuyết phục nhau thế nào đó để "bạn đấy" nộp trong ngày thứ bảy, cùng lắm là chủ nhật, tự giác đến tìm cô nhận lỗi, một mình và lẳng lặng thôi cũng được, cô sẽ tha lỗi.

Cố nhiên, mặc kệ lớp họp, chi đoàn họp, hai ngày trôi qua, không một ma nào tới tìm cô Hiền. Không những hèn nhát mà kẻ đó, cả lớp đều nhát trí như thế, còn là kẻ ngu ngốc và mù quáng tới tột cùng.

Cô Hiền chấm rất nhanh bài kiểm tra. Thứ hai cô đã giả bài. Đây là buổi tập trung cả lớp cuối cùng trước khi vào nghỉ ôn thi. "Để tránh hậu quả nghiêm trọng, cô Hiền nói, em nào trót phạm lỗi hãy đứng dậy ngay bây giờ, vẫn còn kịp!". Cả lớp vẫn lặng phắc. Không ai đứng dậy hết.

Vạch mặt kẻ đó nào có khó khăn gì. Cô

Hiền cầm tập bài, gọi tên, đọc điểm và trả tận tay từng người. Một, Phạm Quang Minh, bốn điểm. Hai, Trần Thị Liên, bốn điểm. Ba, Lê Văn Chính, bốn điểm. Bốn, Hà Thị Hạnh, năm điểm, em làm tốt lắm. Lần lượt, tên từng người vang lên trong im lặng sững sờ của cả lớp. Và tới tôi. "Ba mươi chín, *Nguyễn Văn Tấn*. Bài của em đây. Cô rất vui, trưởng lớp của chúng ta làm bài rất xuất sắc. Năm điểm!

Hết! Cô Hiền nói. "Số lớp ta bốn mươi. Hôm thứ bảy không ai vắng mặt. Hôm nay, ai không được trả bài?"

Ở góc cuối lớp một bàn tay đưa lên. "Thưa cô em, em chưa có ạ". Giọng hoàn toàn ung dung, như không. Và điều đó đã thực sự làm bùng nổi giận dữ ở cô Hiền. "Em đứng dậy! Em đứng dậy ngay! - Cô giáo nửa quát nửa như mếu - Để cô xem em là ai. Em đứng dậy!".

Cả lớp chết lặng nhìn thẳng Tân. Cao lêu đêu, mặt đầy trứng cá, tay học trò cứng nhất của thầy Xương đứng như trời trồng, với cái vẻ ngơ ngẩn ngơ nghếch, rành là không hiểu đầu của tai nheo chuyện gì. Một cái vẻ khiến không ai có thể chịu nổi.

*
* *
*

Đời là thế. Tôi kể lại cái mẫu chuyện thời tít tắp xa mù bốn mươi năm về trước đó chỉ để mong các bạn đồng cảm với triết lý giản đơn và cụt lùn ấy. *Tân* và *Tấn*. Chỉ một dấu sắc, chỉ thế thôi, mà có tính sống mái hai số phận con người.

Nhờ cái dấu sắc ấy mà tôi sang Liên Xô học. Xong đại học lại học tiếp. Học nữa. Bây giờ bằng cấp cỡ như tôi ở nước mình chẳng ít nhưng cũng chẳng nhiều. Trông lên chẳng bằng ai trông xuống chẳng ai bằng mình.

Còn hấn, Nguyễn Văn Tân, mãi gần đây, đi dự hội lớp hội trường, tôi mới được biết hồi đó Tân vẫn được cô Hiền và nhà trường thương tình cho dự thi tốt nghiệp. Thi đỗ, nhưng mắc lỗi ấy, điểm hạnh kiểm thấp, nên không vào được đại học. Hấn nhập ngũ. Hấn giỏi toán, rất giỏi, các ông chỉ huy nhận thấy ngay. Hết hạn tân binh, Tân được phiên chế vào binh chủng tên lửa phòng không. Nghe nói chỉ một thời gian ngắn thủ lửa Tân đã trở thành một trác thủ siêu hạng. Nghe nói tên của hấn, Nguyễn Văn Tân, đã được vinh danh toàn quân bởi Tân đã góp công đáng kể vào kỳ tích của bộ đội Hà Nội phá nhiều máy bay B52.

Chỉ là nghe nói bởi vì không mấy ai trong đám học trò 10 A ngày ấy đã gặp lại Tân. Chưa

kỳ họp lớp nào Tân tới dự. Có lẽ vì cái vết nhơ từ đời nào đời nào đó vẫn còn cho nó ngượng ngùng, trong đám bạn bè cũ có người nói vậy. Tôi cũng nghĩ thế. Song cũng có người cho rằng trái lại cả lớp 10 A phải nên ngượng mặt trước Tân mới đúng, Tân không nhơ nhục gì hết mà chính chúng ta. Lúc đó chúng ta đã chỉ quàng quàng nghĩ đến bản thân mình, bài làm của mình, điểm số của mình, số phận của mình mà không nghĩ đến bạn, do vậy không nhận ra sự vô lý hiển nhiên của cái vụ không nộp bài ấy. Một là Tân nó rất giỏi toán, thừa sức làm tốt bài kiểm tra ấy, hai nữa, con người nó đâu có thể hành động hèn kém như vậy.

Cả cách nghĩ tốt về Tân như thế, tôi cũng thấy đúng. Và tôi thiết nghĩ, nếu đúng là Tân đã có công trạng lớn trong trận chiến bảo vệ Hà Nội, thì cái dấu sắc của tôi và cái oan mà Tân phải cứng lưỡi đón nhận hồi cuối lớp 10, không phải là không có ích.

THÁCH ĐẤU

Vài ba năm một lần, chọn tiết cuối thu, chẳng nhân dịp gì, chẳng vì một cái chuyện gì cả, tôi lên đường về thăm làng Mơ. Vì sao lại phải cuối thu tự tôi cũng chẳng biết nữa, nhưng mà cứ thế thôi, thường là ngay sau ngày đầu tiên gió heo may. Xưa đạp xe, giờ thì xe máy, nhằm hướng mặt trời sẽ lặn. Qua Nhón, qua Phùng, qua núi Sài Sơn, qua đồng Bưng Cấn, rồi ngược xa lên nữa phía Ba Vì.

Đã ba chục năm hơn rồi còn gì, và dù mỗi năm mỗi chút đổi khác nhưng mà nhìn chung thì vẫn vậy, đất trời vẫn thế, con đường, dòng sông, đồng ruộng. Loáng thoáng những mái mễ nào đó ở phố huyện song chẳng bao lâu. Trường cấp III mái ngói đã thay cho mái gianh, nhưng cảnh trường vẫn đơn sơ như thế. Những hàng xoan mà chính tay chúng tôi đã đốn xuống để lát nóc hầm nay lại thấy mọc bao quanh sân. Xế cổng trường vẫn là đầm sen thuở nọ. Đường liên huyện vòng qua bên kia đầm gặp ngã ba Đồng Rạng với lối nhỏ rẽ phải mà tất nhiên là cũng không có gì thay đổi chạy về làng Mơ của tôi.

Làng Mơ trên đồi Giàng. Gần trăm bậc tam cấp xẻ vào vách đồi đá ong dẫn lối lên đình. Dưới chân đồi phía bên cổng đình trông xuống là đồng bằng trải rộng. Vào những buổi chiều tà, nhất là những buổi chiều thu, sương mù dâng cuộn cuộn dẫu làm lu mờ mắt tầm nhìn nhưng lại khiến cho đồng bằng dường như càng rộng ra hơn, và sau sương, những làng Ached, làng Chàng, làng Ngọt bọc kín trong các lũy tre hiện lên mờ mờ nom như những chiếc thuyền buồm cổ xưa đang từ từ trôi trên biển chiều. Ở đây, khi ráng chiều còn chưa lụi hẳn sau Ba Vì, đằng đông, phía trời Hà Nội bởi quang sáng đèn điện mà đường đã bình minh. Từ đây về Hà Nội đường cái quan thì xa nhưng đường chim bay thì gần. Bom nổ trong lòng thành phố sấm nổ tức thì thúc dội về làm rừng mình mặt đất dưới chân tôi. Bao nhiêu bom nổ bấy nhiêu cột khói, hồi ấy từ trên làng Mơ đồi Giàng này tôi nghe thấy và đếm thấy rõ mồn một.

Gia đình tôi hồi ấy chia hai ngả. Chị gái và em trai theo mẹ sơ tán lên Thái Nguyên, còn tôi theo cơ quan cha về làng Mơ. Ở nơi sơ tán chẳng bao lâu thì cha tôi được điều sang Đông Âu làm việc, thành ra nguyên ngôi nhà gạch ba gian địa phương bố trí cho riêng ông thuộc cả về tôi. Cha mẹ thuận tình để tôi được một mình ở lại làng Mơ. Đã năm cuối cấp, tôi không muốn

phải chuyển trường, với lại mười tám tuổi đầu rồi thừa sức lo thân. Mà thật ra nào có phải lo gì. Mức sống con nhà cán bộ “bìa A Tôn Đản” đâu chẳng hề thừa mứa nhưng dư đủ để cho tôi ngày ngày ngoài sự học hành chỉ phải gánh thêm mỗi một việc là rong chơi.

Êm ấm và sáng tươi biết là nhường nào quãng đời ấy. Không chịu thiếu thốn, không một chút vất vả nhọc nhằn, hoàn toàn vô tư lự, tôi dễ dàng ưa thích đời sống nông thôn. Cảnh vật miền quê được ghép vào tâm trí tôi y như được trang trí trong những truyện ngắn thời ấy viết về đề tài nông nghiệp. Đồng lúa, lũy tre, dòng kênh, bãi dâu, dế mèn, bướm bướm, tiếng sáo diều, tiếng gà gáy, tiếng kèn hợp tác, tổ chim sẻ, hang chuột đồng, khoai luộc, ngô nướng, ngó sen... Lao động, hát ca, không một giọt mồ hôi nước mắt.

Thậm chí chiến tranh cũng mang gương mặt tươi vui giúp làm rộn rã thêm lên những tháng ngày bình yên của tôi hồi đó. Hồi đó cứ vài ba hôm lại được thấy một trận không chiến trên lưng trời, rồi cứ vài ba hôm lại một tên Mỹ vọt khỏi máy bay đeo dù sa xuống sông, xuống ruộng. Dân quân thúc kèn gọi cả làng đi bắt giặc lái. Tiếng hò reo vang dậy. Mặc dù tiếng gầm hú của các loại ma Mỹ nhiều lúc nghe dựng cả tóc gáy, nhưng tôi chẳng đời nào chịu

hèn nhát chui hầm, luôn luôn tôi liều lĩnh chạy lên đỉnh đồi Giàng để thỏa thích xem cho tường tận hết tâm mắt toàn cảnh những cuộc giao tranh hùng tráng trên trời xanh giữa máy bay và máy bay, giữa máy bay và cao xạ.

Hồi ấy giá mà học hành kha khá hơn một chút thì tôi đã thật sự là thoải mái mọi nhẽ. Nhưng cũng y tình trạng của tất cả những năm học trước đó, suốt năm lớp Mười tôi đội sổ hầu hết các môn. Đại số, hình học, lượng giác, văn, sử, tiếng Nga, vật lý... tất tật, không tài nào tôi kham nổi, tôi không hiểu cái gì hết. Tự mình mà phát nản mình. Có điều là tôi chẳng bận lòng. Bằng vào vị thế gia đình mình thì gì chứ cái sự vào được đại học, nếu thiết tha, đối với tôi chẳng quá khó. Nhưng tôi cũng chẳng thiết. Đang được tự do một mình một cõi, cứ ung dung mà hưởng chứ tội gì phải âu lo nghĩ ngợi mệt đầu. Vả lại, dầu học hành bết bát tôi vẫn cứ là trai Hà Thành độc đắc trong lớp. Không thơm cũng thể hoa nhài, ngoại trừ điểm số các bài kiểm tra còn thì tất cả các phương diện khác tôi ấn đứt mọi người. Mặc kệ học lực thế nào, tôi tin chắc trong mắt mọi người tôi chẳng hề là cái thứ lệt đệt, trái lại. Đám học trò chồn quẽ lẽ tất nhiên không thể nào lại không phục tôi, không thể nào lại không mến chuộng con người tôi. Chẳng hạn như là bọn con gái. Chẳng hạn như là Duyên.

Phải nói là vừa thoát gặp, Duyên đã cảm tôi. Mới sơ tán về, nhập học vài hôm, tôi đã gần như là giằng được Duyên ra khỏi những bạn học đã nhiều năm rồi của cô. Cứ vậy nghiêm nhiên chẳng cần phải có cử chỉ gì, kể cả sự tử tế làm quen, tôi đã nhanh chóng chiếm lĩnh tình thân mến của cô gái xinh nhất trường, xinh nhất cả trong vòng vài mươi dặm quanh đây nữa.

Bây giờ điểm lại quả tình tôi cũng không thể nhớ hết được những nét hấp dẫn của mình hồi đó. Nhưng tôi nhớ tất cả những chiêu chuộng Duyên đã dành cho tôi. Khác với thời nay, học trò hồi đó, nhất là ở quê, rất ngại và rất tránh cái chuyện bạn bè trai gái chỉ hai đứa, vậy mà Duyên đã dễ dàng chịu cho tôi tự nhiên như không ra mặt sóng đôi với mình. Tôi thì tất nhiên chẳng xá gì ai. Ngay ngày đầu vào lớp là chọn ngay chỗ ngồi cạnh Duyên. Dọc đường đi học, tan trường cũng vậy, luôn luôn tôi và Duyên. Trong lớp, ngồi sánh vai, tôi thoải mái quay cốp bài kiểm tra của Duyên. Bài tập về nhà, Duyên cũng cáng gần như tất cả cho tôi. Khi ốm phải nghỉ hoặc khi trốn học, tôi cậy Duyên ghi chép bài vở. Những hôm lao động, phải việc nặng là tôi ngấm nhờ Duyên. Đời tôi, trước đây cũng như về sau này, không hề có được một người bạn nào thân thiết và tận tình cho bằng Duyên hồi ấy.



Hồi ấy ở làng Mơ, nếu không kể tôi là dân Hà Nội sơ tán về thì chỉ được mỗi Duyên học nổi lên cấp III. Ở đây hồi ấy lên được cấp III là cả một sự không vừa bởi lẽ làng Mơ vốn không phải đất học. Trong làng, con trai con gái gia cảnh dù thuận lợi thế nào cố lắm cũng chỉ nổi cái bằng lớp Bảy là tốt rồi. Vậy mà Duyên thậm chí về sau đã vào đến đại học, thậm chí sang học hành đỗ đạt thầu tợn bên Đông Đức. Có thể nói rằng ở Duyên mọi sự đều không như là lẽ ra cô phải như thế.

Có thể ngày nay đã khác rồi chứ còn thời đó tại miền quê tôi sơ tán về đẹp thiên nhiên không nuôi dưỡng vẻ đẹp của con người. Vất vả lam lũ, thiếu ăn đứt bữa từ nhỏ, từ nhỏ đã phải quần quật làm lụng, quanh năm suốt tháng đầu tắt mặt tối, tóc cháy da sém, các cô gái trong vùng hầu hết kém nhan sắc. Một mái tóc mượt mà, một gương mặt ưa nhìn, một nước da sáng đều là lạ lùng. Đến như Duyên thì đã thành ra là một sự quá đáng, một điều trớ trêu. Còn hơn cả trớ trêu nữa, bởi nổi xinh xắn như thế mà cô lại là con gái bếp Vẹ, một con cóc già gớm guốc, xấu xí thô lậu không ai bì nổi. Chẳng những vậy, ông bố của Duyên còn là phần tử xỏ

nhằm giày đi lính cho Tây thời tạm chiếm. Cái tạo trở về lão ta vẫn tiếp tục làm cho lý lịch của con gái thêm nặng căn bởi cái tội nhất quyết không chịu vào hợp tác. Trong khắp cả hai xóm của làng Mơ hồi ấy chỉ duy nhất hai bố con bếp Vệ là hộ cá thể.

Nhà, lão cũng cất riêng ra một xó. Hồi ấy hai xóm làng Mơ đều ở cả về phía đông đồi, độc có mỗi mình nhà của bố con bếp Vệ, chẳng thuộc xóm nào, nằm lẻ loi bên mạn tây lưng đồi. Nhà ba gian, sơ sài, mái tranh vách đất. Quanh nhà không rào giậu cũng chẳng vườn tược gì, chỉ hai cây cau cạnh giếng, một cây ổi ở đầu hồi. Nhà của nom tuyềnh toàng như vậy nhưng bếp Vệ là kẻ kiếm được, có của ăn của để. Ngôi nhà của lão bề ngoài có vẻ như bị xa lánh, thực ra rất được thiên hạ ái mộ, bởi vì đây là quán cuộc lủi độc nhất của cả vùng. Cuộc lủi, song bếp Vệ nấu lậu công nhiên. Muốn uống chơi một chút hay muốn cho say nhè một giấc cả chục mâm cứ dò đến lò bếp Vệ. Thường thì người ta xách chai đến mua về, nhưng cũng có thể tùy hứng lần đến ngồi nhâm nhi trốn đời suốt ngày ở gian giữa túp nhà tranh. Chỉ có điều tuyệt đối không được gây ồn làm ảnh hưởng đến cô con gái của chủ quán đang miệt mài đèn sách ở gian trong.

Cái sự lão Vệ cấm cung con gái là một trong những đầu đề để đàm tiếu của dân làng.

Từ ngày lên thầu tới cấp III, Duyên được bố tha hết việc nhà, không phải làm lụng gì hết, chỉ học. Học chí chết, học tới ngày. Hồi ấy bởi vì chôn quê chưa được lốm đốm ánh điện như bây giờ nên ngọn đèn dầu ở bàn học của con gái bếp Vệ nơi góc tây đồi Giàng luôn luôn một mình một chấm sáng vò vờ rọi rất sâu vào canh khuya, thiên hạ có thể nom thấy được từ rất xa, ngay cả trong những đêm dài trời mưa. Tội nghiệp cô gái. Chăm chỉ cỡ cô ta quá thể là đáng thương. Dân làng kháo rằng bếp Vệ bắt con gái còng lưng học, học đến không ngóc đầu lên được như thế là cốt để sau này có thể thay mặt lão ngóc đầu lên. Đến nỗi những sinh hoạt ngoại khóa của trường của lớp, trừ phi không thể không tham gia, còn thì Duyên đều bị bố bắt phải bỏ. Bạn bè cả trai lẫn gái ở lớp đều bị ông bố của cô làm cho không dám bén mảng đến tìm cô ở nhà. Chỉ duy có tôi là lão không làm dữ, và chỉ khi bạn bè với tôi thì Duyên mới phần nào được nói lỏng lỏng cũi.

Không hiểu vì sao mà được như thế, tôi cũng chả cần biết. Sáng sớm tôi vòng qua bên kia đồi đón Duyên cùng đến lớp. Buổi trưa đưa cô về. Bếp Vệ thế nào cũng phải nhất thiết rước tôi vào nhà, tử tế mời mọc cho bằng được tôi nếm chơi một món nhắm nào đó lão vừa nấu. Với toàn thể thiên hạ lão đều mày tao, với tôi,

lão gọi cậu. Bẩm cậu. Lão còn thân tình, rất đổi tin cậy cho tôi chiều chiều đón Duyên qua “nhà riêng” của tôi để học nhóm.

Đĩ nhiên vẫn chủ yếu là Duyên phải học. Tôi thì chẳng cố, có cố cũng chẳng vào. Nhưng mà tôi rất thích được ngồi ôn bài vở với Duyên, hai đứa bên nhau trong căn nhà vắng.



Dạo đầu, mới sơ tán về, buổi sáng đi học, tôi cùng Duyên theo lối tắt qua đồng Rạng, ngang cổng làng Ngọt gặp Hưởng, ba đứa cùng nhau đến lớp. Sang học kỳ hai lớp mười, được cha gửi từ bên Tây về cho một chiếc xe đạp Mipha cực điệu, ngắt ngưỡng tôi diện lên chạy sáng chóc con đường quê. Tôi có xe, Hưởng từ đấy một mình đi con đường nhỏ qua đồng lúa. Tôi thì lại Duyên theo đường huyện, vòng vèo, xa hơn, nhưng ngày mưa không đoạn nào bị lầy lội, ngày nắng được bóng cây che. Chỉ có hai đứa với nhau thôi cực kỳ dễ chịu mà lại luôn luôn là chúng tôi đến lớp trước Hưởng.

Hưởng “gà nòi”. Hưởng “thiên tài nhà quê”. Cả hai biệt danh ấy đều là tôi đầu tiên gán cho niềm tự hào của lớp. Không chỉ của lớp, Hưởng còn là của toàn trường, của cả huyện

nữa. Đỗ đầu thi toán giỏi trong tỉnh, Hưởng lên thi ở cấp toàn miền Bắc và cũng đoạt giải, nhì hay ba gì đó. Song tay trạng nguyên này là đứa tôi ghét đặc. Giỏi thì làm cái gì chứ. Giỏi nhất lớp nhưng cũng khó coi nhất lớp. Thấp bé, đen đúa, còm nhom. Quanh năm tứ thời chân đất, quần áo có lẽ chỉ độc một bộ, vá chằng. Đến lớp mà như đi cày. Mà cũng đúng thế, Hưởng chính cống một anh thợ cày, tan trường là xuống ruộng, con trâu đi trước cái cày theo sau. Là bí thư chi đoàn nhưng rất kém đường nói năng, lời lẽ đã vụng về lại nặng trịch cái giọng làng Ngọt không giống ai.

Tuy nhiên, sau này ngẫm lại, tôi phải tự thừa nhận rằng thái độ của mình hồi ấy coi thường Hưởng chẳng qua là vì tức tối, mình đốt hấn giỏi.

Nói gì đi nữa, những điểm Năm của Hưởng vẫn đã khiến tôi rất mặt. Không hiểu bằng cái tài thánh nào, thời gian đâu ra mà giữa chồng chất bao nhiêu công việc đồng áng phải cang, hấn vẫn hết sức chĩnh chu bài vở, trăm thứ bà rằn kiểm tra với thi thử hấn vẫn luôn điểm cao nhất lớp. Khi còn bộ ba trên đường đi học với nhau tôi đã bức mình không chịu được cái lối của Hưởng chỉ cứ mãi hoài có mỗi chuyện học với chuyện điểm, ôn bài với truy bài. Chịu mãi rồi cũng có hôm không chịu được.

“Đã bao giờ mày thấy cái ổ điện chưa mà cứ luôn mồm *ôm* với lại *oát* thế hả?”, tôi nhạo. Và cục cằn làm hẳn chừng hững: “Mày giỏi kệ mày. Tao với Duyên cũng đã ôn bài cả chiều qua, lâu lâu rồi, thừa hiểu rồi, quái gì mà phải cần mày làm thầy”.

Thú thực là ngay buổi đầu tiên đi với Duyên đến trường, qua cổng làng Ngọt gặp Hưởng nhập vào đi cùng, tôi đã lập tức thấy khó chịu. Tôi thích là thích Duyên chứ nào thiết cái thứ mà cô ta gọi là “bộ ba chúng mình”. Mà Hưởng cũng vậy, tôi nghĩ, tuy bằng mặt nhưng trong bụng ắt hẳn hằn chằng khoai gì tự dưng có thêm thằng tôi xen vào. Trước khi có tôi xen vào, trên đường đi học ngang qua cánh đồng này, chỉ có Duyên và Hưởng. Hai đứa đã đi cùng nhau như thế từ ngày mới vào cấp II, đã hằng bao nhiêu năm rồi, đã thành cái lệ của hai đứa, phải nói là khăng khít. Tuy nhiên tôi nhanh chóng nhận thấy là thật ra cũng chẳng phải khăng khít gì lắm. Đôi bạn quá trái nhau. Không chỉ ả cao anh thấp, ả trắng nõn anh gầy gò đen xít, mà tính nết cũng cộc cạch..

Duyên tâm tính vô tư, hồn nhiên, nhẹ nhõm. Cứ ra khỏi nhà, xa khỏi ánh mắt của ông thân sinh hung tợn là cô hơn hớn lên ngay, vui vẻ ríu rít nói cười đủ chuyện. Còn Hưởng thì cứ hễ sự trò chuyện mà lạc ra khỏi hai đề tài làm

bài với làm ruộng là hết ý, là ngậm hột thị. Với tôi đã đành, với Duyên hẳn cũng chỉ biết ấp úng với lại cười trừ. Khi vào trong lớp, tuy ít lời nhưng Hưởng chẳng phải đứa lậm lý, cũng như mọi đứa bạn khác thôi, nói năng, chuyện trò, chơi đùa, cãi lộn. Song cứ ở bên Duyên là hẳn tự dưng vừa như người lớn hẳn lên lại như nhãi ranh hẳn đi. Lời lẽ lúc rụt rè lúc cứng như gỗ, cử chỉ lụng vụng, lóng ngóng. Tôi thấy rõ là hẳn sợ cô bạn của mình, luôn luôn e mất lòng, chẳng bao giờ làm trái và nói trái ý cô. Có thể nói là trong nội bộ của bộ ba chúng tôi, cô nàng thì hết mực chiều tôi, còn anh chàng thì hết mực chiều cô nàng.

Đến cái hôm được tôi thông báo rằng kể từ sáng mai đừng đợi nhau nữa, “mày cứ đường đồng này mà đi, tao lại Duyên nên phải đường cái đi vòng”, Hưởng không nói gì cả. Dĩ nhiên là hẳn không vui rồi, tôi biết, nhưng bởi Duyên vui vẻ tán thành ý tôi, tách hội ra như thế cho thuận đường, đỡ sức và đỡ thời gian, đúng không, thì cũng như mọi khi, cô muốn thế nào hẳn phải chiều thế nấy.

Và lại, có gì là trọng đại. Ban đầu trong lớp mọi người có bàn ra tán vào chút ít, chỉ trở, trêu chọc này nọ, nhưng cũng chỉ thế thôi, ai mà để ý mãi. Duyên thì rõ là rất thích đi học bằng xe đạp. Mất đi cái nếp quen thuộc ngày

ngày có Hưởng trên đường tới trường đã chẳng làm cho cô phải băn khoăn một tẹo nào. Tôi thì tất nhiên cũng chẳng hơi đâu mà áy náy. Dù không thể không tự thừa nhận rằng mình đã cố tình chơi trội Hưởng, nhưng còn quan hệ của hấn với Duyên, tôi tự thấy là mình đã chẳng hề ác ý chọc gậy bánh xe. Mà sự thực là thế. Không lẽ chỉ vì mấy cây số tôi đưa Duyên tạm tách ra mà hấn phải lấy làm điều để mà nặng nề với nhau, đúng không?

Thế nhưng Hưởng lại đã lấy làm điều. Bề ngoài hấn vẫn vậy, nghiêm túc học hành, nhiệt tình công tác lớp công tác Đoàn, với bạn bè không ít lời hơn không nhiều lời hơn, không vui hơn buồn hơn. Nhưng tôi thừa biết là hấn buồn. Duyên và mọi người không để ý nên không thấy, còn tôi thì tôi để ý. Âm thầm hấn ức tôi hấn giận Duyên. Không có biểu hiện nào để bảo rằng như thế cả, nhưng tôi tin chắc là như thế. Đôi khi cũng muốn có một cử chỉ nào đấy để làm lành, song không biết nên cử chỉ thế nào cho phải, với lại tôi nghĩ mình có làm cái gì đâu mà phải làm lành. Tôi thấy Hưởng không quân tử. Tôi nghĩ thằng này vật tính. Đã vậy, tùy thôi, với tôi những lần bán cờ thế này chỉ cái phẩy tay.

Mùa xuân năm ấy lạnh lẽo và mưa phùn lê thê như thể tiết thu mưa dầm. Trên các ngã

đường tới trường ngang qua những cánh đồng khúc thì trơn như đổ mỡ khúc đen xì bùn lầy. Trước giờ vào lớp, thầy cô, bạn bè hầu như ai cũng bị ngấm mưa và ngấm lạnh, ướt át, thâm tái, nhiều người túi dết với quần áo lấm lem vì trượt ngã. Nhưng mà mùa hè năm ấy lại như về sớm hơn lệ thường. Tháng tư, đã gió nồm lộng thổi. Nắng vàng ruộm, trời trong xanh. Buổi sáng đến trường, tôi đạp xe lai Duyên, trưa về Duyên chở tôi. Buổi chiều đều đặn học nhóm hai đứa ở nhà tôi. Cửa sổ rộng mở trông xuống dốc đồi và trông ra mênh mông đồng bằng bát ngát.

Tiết trời tuyệt diệu và niềm vui lâng lâng cứ dửng đỉnh cùng tôi thông dong ngày qua ngày, từ lúc rạng mai cho tới tận khi mặt trời lặn hẳn.

*

* *

Nhưng rồi một buổi chiều như là bỗng dưng sức nhớ ra, Duyên bảo: “Ôn tập nước rút thế này thì phải học nhóm với Hưởng chứ, không thì chết, không vững kiến thức mà thi đâu”. Đến hôm đấy chúng tôi đã học được gần chót chương trình, chỉ còn phải tới trường nốt một tuần nữa là sẽ nghỉ để ôn thi. “Thôi, từ

chiều mai đừng học ở đây nữa, chúng mình đi xe đạp xuống dưới Ngọt học ở nhà Hưởng nhé”, cứ như không, Duyên bảo với tôi thế, dễ dãi, nhẹ nhõm. “Chúng mình phải chịu khó xuống đây với Hưởng, chứ còn rủ nó lên đây học cùng, chẳng may bố mà biết thì chết”.

Hồi ấy không có thi tuyển vào đại học, chỉ có kỳ thi tốt nghiệp phổ thông, và các đề thi hàng năm cũng không dữ dằn ghê khiếp vượt quá sức người như thời nay. Dù vậy thân phận học trò thì vẫn cứ thấy sợ khi kỳ thi tới gần, ngay cả đến thằng tôi cũng biết chồn, cũng tự nhủ sẽ dốc sức ra ôn luyện. Mà với Duyên vẫn để không chỉ là thi đỗ, cô còn quyết đỗ cao, điểm ưu cả bốn môn, bởi như thế thì mới hy vọng át đi được phần nào cái lý lịch tối sẫm. Cho nên lúc bình thường có thể không cần đến Hưởng lắm, nhưng đã tới giai đoạn nước rút, rà duyệt và củng cố lại kiến thức một lần chót, Hưởng trở nên cần thiết hơn bao giờ. Có Hưởng ôn tập cùng, có Hưởng kể bên giúp đỡ, sẽ vững tâm được, sẽ chắc ăn hơn. Tôi hiểu suy nghĩ của Duyên. Nhưng tôi thấy bức mình. “Đấy đếch cần sát cánh với cái thằng chuyên đời học gạo ấy!”, tức tối tôi gạt phắt đề nghị của Duyên. “Đấy muốn dựa dẫm nó, nhờ vả nó thì đấy cứ việc, nhưng cuộc bộ mà đến nhà nó nhá, chứ chẳng ai xe cộ đâu mà hầu, đừng có hòng!”

Phút chốc, một lời như vậy, chúng tôi từ nhau.

Trong tuần lễ cuối cùng ấy của niên khóa, Duyên lại lối cũ đi ngang đồng rộng, qua làng Ngọt gặp Hưởng, cùng nhau tới lớp. Tôi một mình sáng đi trưa về đạp xe. Buổi chiều, Duyên chịu khó cật công đi xa xuống dưới làng Ngọt để học nhóm với Hưởng.

Được vài hôm thì bếp Vệ nhận ra sự việc. Lão sang nhà tôi. Ở trần, đầm đìa mồ hôi, nồng nặc hơi men. “Bẩm cậu. Vậy ra con Duyên nó không bên này với cậu?”. Tôi nói chúng tôi đã tách nhóm, bây giờ Duyên chuyển xuống học nhóm dưới làng Ngọt. “Ra là cái con mất nết ấy nó dối bố nó! Học dưới Ngọt, tức thị là nó học với thằng con nhà Hào, có phải?”. Bộ mặt thô sần đỏ bầm, lão vằn mắt lên, giọng rượu, khàn đặc: “Thằng con nhà đó tôi đã mấy bận đe thẳng mặt rồi rằng khôn hồn chớ có mà tơ tưởng con Duyên nhà tao. Không có là tao thiên! Không có là tao chặt đầu, như là hồi nọ Tây nó chặt đầu thằng bố!”. Lão nói là ngay bây giờ sẽ đi lòng hai đứa, trừng trị *thằng đó* và tấp lụ lôi *con đó* về. Chẳng muốn can lão làm cái gì, mà không hiểu sao tự dưng tôi lại can: “Ông cứ kệ cho hai đứa nó học với nhau đến khi thi xong đã. Thằng Hưởng nó học giỏi lắm cho nên cái Duyên nó mới cần học cùng với thằng Hưởng”.

Đã phùng phùng hơi men và đang khùng lên câu giận, lão già cụt ngụy quân vẫn lập tức nghe thấu được ra cái lẽ phải đây khôn ngoan của tôi.

Vậy là nhờ tôi, Duyên và Hưởng hai đứa đã may mắn thoát nạn. Rõ là tôi đã rất tử tế. Vậy mà... Càng nghĩ tôi càng uất. Càng cố tỏ ra không thêm lưu ý gì đến hai đứa tôi càng thấy căm. Một mình làm lũi, buồn giận không để đâu cho hết. Ngày lại ngày lòng nặng ghen tức, chẳng biết trút vào đâu, học không vào được.

Nhưng rốt rồi cũng có được một cơ hội để tôi hả cơn.

Hôm ấy, buổi học sau cùng trước khi nghỉ ôn thi, chi đoàn tổ chức đăng ký tình nguyện Ba sẵn sàng. Bí thư Hưởng thay mặt toàn chi thảo một quyết tâm thư chung gửi lên đoàn cấp trên. Nội dung bức quyết tâm thư mới thảo ấy được đọc lên để mọi người góp ý kiến bổ sung. Đại khái là quyết tâm sau khi tốt nghiệp sẽ sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, nhận bất cứ nhiệm vụ gì, dù khó khăn gian khổ thế nào cũng không quản ngại...

"Nhưng tại sao lại phải nhấn mạnh : sau khi tốt nghiệp?", tôi lập tức lên tiếng khi Hưởng vừa đọc dứt

"Thì thế chứ sao... Gì thì cũng phải tốt nghiệp xong đã chứ"

"Thế mà dám gọi là sẵn sàng à?", tôi đập ngay. "Đã gọi là sẵn sàng tức là phải ngay bây giờ, ngay lúc này làm ngay!".

Hưởng lúng túng: "Thì đúng thế... việc trước mắt, việc chúng mình phải làm ngay là thi cho tốt chứ còn gì?".

Tôi cười vào mặt hắn: "Thôi đi! Sẵn sàng là sẵn sàng chiến đấu chứ lại sẵn sàng thi! Mày nói khôn thế. Mày thừa biết là hiện nay đang đợt tuyển quân mà. Trong lớp này, chỉ mày với tao đã mười tám. Thế nên mày có dám làm như tao ngay sáng mai lên huyện đội nộp đơn tình nguyện không? Có dám không? Không thì im đi, đừng có mạnh mồm sẵn với lại chẳng sàng!". Tôi hả hê nhìn bao quát cả lớp, nhìn thẳng mặt Duyên, và nhìn chằm chằm Hưởng. "Thế nào?". Ráo riết, tôi gặng. "Thế nào mày, Hưởng?"

"Cũng được...", Hưởng đáp, bối rối, cực kỳ thiếu cả quyết. "Được thôi...".

Đến giờ, đã bao năm qua rồi, tôi chẳng sao còn nhớ được tử mĩ chữ nghĩa của lá đơn tình nguyện nhập ngũ mà tôi đã viết chiều hôm ấy, song chắc chắn là tôi đã viết ra toàn những dòng lửa cháy, những câu văn dài sục sôi tâm huyết. Có thể nói là từ lâu trước đó tôi đã xác định rồi, tôi đã tự biết rằng đảng nào mình cũng sẽ tình nguyện nhập ngũ, sẽ trở thành phi công tiêm kích, trở thành sĩ quan tên lửa, trở

thành thuyền trưởng tàu phóng lôi. Đã định bụng như thế, lại thêm lời thách đấu, tôi càng quyết lòng hơn bao giờ hết. Cha mẹ đều ở xa, tôi không ngần ngại mạo chữ để viết những lời như đinh đóng cột khẳng định sự đồng thuận của gia đình.

Sáng hôm sau, y hẹn với Hưởng, tôi đạp xe lên huyện. Chẳng thấy mặt Hưởng đâu. Thằng hèn, tôi nghĩ, và càng thêm cả quyết, tôi mạnh mẽ bước vào trụ sở huyện đối với lá đơn tình nguyện trên tay. Nào ngờ lời thách đấu của tôi hôm trước đã đến tai nhà trường và cơ quan cha tôi, họ nhanh chóng thông báo với ban tuyển quân để ngăn cản tôi. Thành ra chẳng những không chấp nhận đơn, cán bộ tuyển quân lại còn cạo tôi nữa. Ra trận đánh Mỹ không phải là cái chuyện để các cậu mang ra thách đố sĩ diện của nhau. Cậu tình nguyện nhưng phải gia đình đồng ý mới được. Đây là cậu mạo chữ ký bố mẹ. Còn cậu Hưởng cậu ấy con một, lại gia đình liệt sĩ nên càng phải được gia đình bằng lòng. Vậy mà bà mẹ cậu ấy vừa mới tới lúc sáng sớm đây này, khóc quá là khóc. Cho nên các cậu thôi ngay đi. Xạc tôi một trận, ông sĩ quan lại hạ giọng khuyên: "Gì chứ đánh Mỹ thì chả đi đâu mà vội, chả đi đâu mà sợ mất phần. Cứ chờ đợi, sẽ tới lượt. Trong khi chờ thì gắng mà học cho tốt với lại bạn bè với nhau cho tử tế".

Bị từ chối, nhưng tôi chẳng buồn gì chuyện đó. Thay cho chí anh hùng không được toại nguyện tôi đã có niềm đắc thắng lớn lao do đã hoàn toàn trên điểm Hưởng về phẩm giá. Đáng tiếc là cả lớp đã nghỉ học nên tôi chưa có ngay được cái hả hê giữa ba quân thiên hạ chỉ tay vạch mặt con người hấn, kẻ phải cạy đến nước mắt bà mẹ để rũ bỏ ý thức danh dự. Tôi thực sự nóng lòng mong ngóng ngày thi, ngày hấn phải cùng tôi mặt đối mặt...

Ngày ấy đã tới, cuối tháng năm. Tôi xăm xăm đạp xe đến trường, hăng hái mạnh bạo có lẽ hơn hấn tất cả các thí sinh khác. Song, tôi đã không có ngay được cơ hội thanh toán nợ nần danh dự. Phần vì theo chữ cái tên riêng chúng tôi không được bố trí vào cùng một lán, phần vì hai ngày bốn môn, căng thẳng, nhọc mệt, âu lo, chẳng ai còn tâm trí đâu nữa mà nghĩ lan ra những chuyện bên ngoài bài thi.

Dĩ nhiên, học hành như tôi thì thi cử quái gì. Hai ngày, cả bốn môn, đều cần bút, đều gần như là để giấy trắng nộp bài. Nhưng thực tình tôi cóc cần.

Buổi chiều, u uất, chán chường, mệt nhoài sau môn thi cuối cùng, vừa ra khỏi cổng trường, tôi trông thấy Duyên và Hưởng bên đầm sen. Duyên ngồi trên bờ. Hưởng đang từ dưới đầm lội lên, trên tay một ôm gần chục bông sen

hông. Vút xe đạp bên vệ đường, tôi chạy cắt bờ ruộng, lao xộc tới chỗ hai đứa. Không nhìn Duyên, hùng hổ tôi túm ngực áo Hưởng:

“Thế nào thằng thiên tài nhà quê? Mày gạo sống gạo chết bấy lâu chỉ để về sau được cày trên bàn giấy, thoát phạm kéo cày dưới ruộng, đúng không? Vậy sao còn mạnh mẽ tình nguyện với lại sẵn sàng? Mày hèn, mày trốn lủi không dám cùng tao lên huyện đội thì mặc cha mày, nhưng sao mày lại còn ton hót để cản đường tao?”

“Không phải thế! - Duyên kêu lên, chạy tới giằng tay tôi - Hai người thách thức nhau ngay trước lớp chứ có phải thầm thì kín đáo gì đâu mà bảo là ton hót với cản đường cơ chứ”.

“Im mồm!” - Tôi xô mạnh, đẩy Duyên ngã ngồi xuống.

Bó sen đổ xuống, vung tóe ra. Hưởng nhào đến. Chỉ đợi có thế, tôi đâm móc hàm hấn. Hưởng nhà nghèo phải học chậm một năm, còn tôi bị lưu ban một lần hồi cấp hai, nên lớp mười mà cả hai đều đã mười tám tuổi.

Song, tôi khỏe hơn Hưởng là cái chắc. Tôi nện hấn ngã dúi, rồi nhảy tới, đè sáu chục ký lô lực lượng lên tấm thân nhỏ con gầy guộc của Hưởng, đâm tới tấp, không thương tiếc, nhằm giữa mặt.

“Thằng bản tiện, thằng hèn, thằng công tử

bột đáng khinh...", tôi nghe thấy thế, hình như Duyên đã gào lên như thế. Nhưng khi các bạn học và những người qua đường xúm tới gỡ chúng tôi ra, loạng choạng đứng dậy, ôm cái mặt mình bị Hưởng đâm rách môi vỡ mũi nhìn quanh, thì tôi đã chẳng còn trông thấy Duyên đâu nữa. Tôi đây lại là thằng hèn ư? Có phải lời rửa xả của cô ta là nhằm vào tôi không? Thằng đáng khinh, thằng bẩn tiện!



Cả lớp chỉ mình tôi trượt vở chuối. Hưởng thì cố nhiên điểm thi đầu bảng khối mười của cả tỉnh. Nhưng mà tôi đã tuyệt nhiên cạn sạch lòng ghen lỵ. Chẳng hiểu là do đâu. Như thể là cuộc ẩu đả bên bờ đầm sen đã nặn hết ra khỏi tôi những giọt độc của thứ tình cảm bẩn tiện ấy. Lặng lặng tôi rời khỏi làng Mơ, chẳng chào ai. Gia đình bố trí để tôi lên khu sơ tán của mẹ, chờ kỳ thi năm sau...

Kỳ thi năm sau may mắn trót lọt, mặc dù điểm số chỉ nhàn nhàn, tôi được sang Liên Xô du học, Tốt nghiệp về nước vừa vận ngày toàn thắng. Tôi dạy đại học vài năm rồi lại sang Nga học nghiên cứu sinh, làm luận án phó tiến sĩ. Rồi nữa, luận án tiến sĩ. Bây giờ thì cuộc đời tôi

đã thật hoàn hảo, tuy nhiên theo một ngả có thể nói là hoàn toàn khác với chí lớn anh hùng thời trai trẻ học trò.

Hồi ấy Duyên cũng đã đỗ kỳ thi tốt nghiệp phổ thông với điểm số chắc là rất cao. Song, cao đến mấy thì cũng thật khó hiểu cái sự người ta chấp thuận để cho cô ôm một cái gốc gác, một cái lý lịch tệ hại như vậy bước chân vào đại học. Lại còn là đại học nước ngoài.

Sau bảy năm lưu học ở Đông Đức, Duyên về làm việc ở Hà Nội và thế nào mà cũng cùng dạy một trường với tôi, chỉ khác khoa. Gặp nhau, cũng mừng, cũng chút bối rối, nhưng nói chung thì tôi không thấy trỗi lên một tình cảm đặc biệt gì. Đến khi nhận thiệp mời dự đám cưới của Duyên với một giáo sư ở cùng khoa với tôi, thì cũng như với mọi đám cưới bạn bè khác, tôi cũng chẳng mấy bận lòng.

Thành ra, thật khó cắt nghĩa niềm lưu luyến của tôi với làng Mơ. Tuổi trẻ đã nguội đi từ lâu, lòng dạ uể oải, trái tim buồn ngủ, nhưng hình như vẫn có gì đó trong tôi chưa lụi hẳn. Vài năm một lần, cuối thu, tôi về làng. Có khi cũng chẳng vào thăm nhà ai. Chỉ leo trăm bậc tam cấp đồi Giàng, lên đỉnh ngắm cảnh đồng bằng mờ trong sương thu.

Nhưng bao giờ trước khi ra về tôi cũng vào thăm nghĩa trang liệt sĩ của xã ở bên mạn

đông đôi Giàng. Gần hết các bạn trai cùng lớp mười với tôi hồi ấy yên nghỉ tại nghĩa trang này. Hầu hết hy sinh ở mặt trận phương Nam. Nghe nói nhiều người chỉ là tên tuổi trên bia mộ thế thôi chứ hài cốt chưa được tìm thấy hoặc là gia đình chưa có điều kiện vào Nam đón về. Mộ của Hưởng là như vậy, chỉ tên trên bia mộ, hài cốt chưa tìm thấy. Tôi không hỏi, mà cũng không biết hỏi ai xem duyên do thế nào mà hồi ấy sau khi học xong lớp mười, Hưởng vẫn đã vào bộ đội.

Tất nhiên không phải là tôi hoàn toàn không hiểu. Vào những năm tháng anh hùng ấy chúng ta ai cũng chí lớn như ai, nhưng rồi ra mỗi người lại bước đi trên những ngã đường tuyệt đối khác xa nhau. Cái đó người ta vẫn gọi là số phận, là định mệnh. Đời tôi chẳng hạn, chỉ chút nữa thôi đã hướng khác rồi. Có thể là tôi đã vào bộ đội, đã lâm trận, trực tiếp chiến đấu ở hàng đầu. Đáng lẽ tôi đã là một con người nào đó, vậy mà tôi lại là tôi như bây giờ đây. Sự đời là thế, không có gì là khó hiểu, dù vậy, thú thực tôi vẫn không hoàn toàn hiểu nổi vì sao lại thế.

BỘI PHẢN

Thảo đẹp hay không đẹp, đàn ông dọc phố không ra miệng bình phẩm, ít nhất là riêng tôi chưa từng nghe thấy một lời nào như vậy từ họ. Tôi chỉ thấy họ nhìn chị. Những tay sĩ diện cao, thiên về đứng đắn, tất nhiên không nhìn, tránh nhìn, nhưng chỉ cần kém mực thước đi một tý thì không làm sao cưỡng mắt được, không tài gì thấy Thảo lại có thể nhìn nhìn.

Thị hiếu như thế thật là không công bằng. Ở phố này, là giai nhân, thiết tưởng trước nhất người ta phải chăm chị Diễm hoa khôi trường Ngoại ngữ, kế nữa thì như là chị Bích bác sĩ, chị Hoa diễn viên múa, hay là chị Thúy bán bách hóa, rồi chị Lan, chị Đào, chị Hậu, ... nhiều. Tại sao lại là Thảo?

Tôi thì lẽ dĩ nhiên là tôi biết Thảo, nhưng là biết thế thôi chứ thực ra chẳng quen biết gì. Cũng khó có thể xem nhau là láng giềng, mặc dù chung số nhà. Hồi đó cha tôi tiêu chuẩn Tôn Dân, cùng với ông Lâm, cán bộ đồng cỡ, hai gia đình được trên cho hưởng trọn diện tích ngôi nhà chính, một biệt thự Tây hai tầng kiểu cách.

Chúng tôi dùng cổng lớn mặt phố. Còn gia đình Thảo và năm hộ nữa thì sống ở dãy nhà phụ sân sau, họ thường đi lối cửa ngách thông ra ngõ hẻm. Đời sống của những “người sân sau” ấy chẳng khác nào như là mặt trái của ngôi biệt thự. Chỗ chui ra chui vào của cả sáu gia đình đều chật chội khổ sở, già trẻ lớn bé đóng hộp. Tất cả nấu nướng cùng một khoang bếp, tắm táp cùng một hốc tường, phơi phóng, hít thở, đấu hót, cãi cọ, chuyện gẫu, nuôi lợn, nuôi gà tất cả trong cùng một khoảnh sân tù hãm. Tất cả đều nghèo túng. Tất cả đều đầu tắt mặt tối.

Chúng tôi thì khác. Như tôi, từ bé đã được cha mẹ cho ở phòng riêng. Anh tôi, chị tôi cũng thế, mỗi người mỗi phòng, tự mà bày biện, tự mà sắp xếp, tung tẩy tự do, một mình thoải mái.

Phòng tôi, ban công trông xuống sân sau. Từ ban công cúi nhìn, mắt chạm ngay cánh cửa liếp căn hộ gia đình Thảo, một căn buồng hũ nút không cửa sổ, ngày xưa là cái ga ra. Nhà họ neo người, chỉ hai bố con. Bà mẹ mất đã từ nhiều năm trước. Ông bố lệt bệt đau ốm, thường xuyên liệt giường. Được hai người anh thì một tử trận một đang ở tù. Sinh kế trong nhà cậy cả vào Thảo. Học hành dang dở chẳng có nghề gì, Thảo đi đêm về hôm đắp đổi đủ nghề. Nghe nói toàn những nghề rất mật với rất là những cái

lối kiếm tiền *không biết nhục*. Các bà các chị ở sân sau những khi quần tụ trong bếp hay rỗng rần châu chực bên cái máy nước gió giọt vẫn ưa khởi những tai tiếng của Thảo ra làm đầu câu chuyện. Sống ở trên lầu, dù có buồng kín rèm và đóng chặt cửa sổ, chúng tôi cũng không thể tuyệt đối bỏ ngoài tai tất tạt những mớ lao xao hắt lên từ cuộc chung đụng nghèo khó ở dưới sân.

Nhưng cũng là lảng máng biết vậy chứ những mảnh đời sân sau ấy chẳng bận tới tôi. Nếu như riêng Thảo đã có thể phần nào khiến tôi để ý thì cũng chỉ vì là hồi đó tôi cứ mãi lấy làm lạ về cái nhìn của những thằng bạn và những ông anh trong phường. Tôi tin thẩm mỹ của mình không khờ khạo, tôi cũng biết nhìn như ai chứ chẳng lẽ lại không, nhưng tôi chịu không thấy được ở Thảo có gì đáng ham hố. Trong cuộc trần ai kiếm sống Thảo hoàn toàn chìm lặn giữa bao người, chẳng một nét nào nổi bật, chẳng thể ăn đứt được ai, nhất là ở một địa bàn dồi dào sự xinh tươi như khu phố của chúng tôi. Những lúc này lúc khác gặp Thảo, ở cổng nhà, ở trong sân, ở ngoài đường, thường là tôi giả tảng chẳng thấy, lơ đi, cùng lắm thì cũng chỉ chiếu lệ đôi ba lời gì đó trống không ra điều chào hỏi.

Sống thân tọa hưởng phúc ấm gia đình.

dầu óc tôi nhẹ nhõm, tâm tư tôi sạch bong, không khi nào phải hoài hời nghĩ này nghĩ nọ cái gì hết. Cả với những người thân yêu ruột thịt tôi cũng bằng quan hướng hồ với một thân phận mù mờ sống chìm khuất mé sau nhà như Thảo.

Vậy mà rồi rốt cuộc chính là vì Thảo nên vào mùa hè năm đó, năm tôi mười bảy tuổi, tôi đã lẳng lặng bội phản người chị gái của mình, và rồi sau đấy, lại vẫn vì Thảo, tôi phản bội tiếp cả người anh trai. Đến bây giờ, khi cái uẩn khúc gia đình ấy bị lộ ra, mặc dù đã bao năm trời trôi qua, mọi sự đã an bài, anh trai tôi và chị gái tôi vẫn không tha thứ, anh chị tôi từ mặt tôi.

Cho đến tận bây giờ, trong ký ức tôi, ký ức một đời sống mờ nhạt, thông thường, không hề biết tới những xáo trộn, không chịu lường vướng với ai một chút nợ lòng nào, vẫn cứ còn thỉnh thoảng phảng phất hiện lên hình bóng của Thảo và hiện lên hình bóng của mùa hè năm ấy, một mùa hè râm ran tiếng ve sầu, ngạt ngào hương thơm hoa sữa, một mùa hè đã xa lác xạc từ tận những năm nào năm nào.

*

* *

Mùa hè năm ấy, chị tôi đi lấy chồng. Chị không hề hay, nhưng tôi thì tôi biết, biết tổng từ trước lễ cưới một vụng lén tày đình của ông anh rể: song song với yêu chị tôi, anh còn cặp với một người đàn bà khác. Khuất tất khó tha đó của anh chính tôi bắt quả tang. Chính tôi dự vào cuộc vây lừa đêm ấy ở Bách Thảo. Và mặc dù chưa phải là đã tóm được rành rành trai trên gái dưới, nhưng cũng gần như vậy.

Trai gái thời nay nghe kể về những “vụ việc” khó tin thời ấy hẳn phải lấy làm buồn cười lắm, nhưng vào thời chúng tôi những chuyện như thế chẳng có gì là buồn cười.

Thật ra thì thời nào Hà Nội của chúng ta cũng là thành phố của tình yêu. Xưa hay nay chẳng bao giờ là không nhan nhản những đôi lứa đang dập dìu. Có điều, thời hiện đại bây giờ người ta luyện ái nhau một cách vừa thoải mái thoáng rộng lại vừa kín đáo. Không cần phải là hạng con nhà người ta cũng có thể có phòng riêng. Không phòng riêng thì ngăn riêng, những góc nhỏ xinh xinh ấm cúng để tư tình. Nhưng trước kia thì khác. Trước kia ngay trong nhà mình người ta cũng chẳng đào đâu ra một góc cón con cho riêng mình. Các mối tình vì thế phải hướng ngoại, gần gũi nhau ở bên ngoài bốn bức tường. Bởi vậy mà lại có vẻ nướm nướp, có

vẽ lộ liễu hơn hẳn thời hôm nay. Hồi đó, đôi nào hơi chậm chân thì chỉ mới đầu tối đã chẳng hòng gì kiếm nổi trong công viên một ghế đá còn rỗi. Trong những góc thật khuất, mỗi băng ghế thậm chí có thể có đến hai cặp đồng sở hữu. Không còn ghế, thiên hạ kê dép ngồi phệt, san sát, ngổn ngang, kín nghịt mọi bãi cỏ. Mùa hè, các công viên nội thành đều quá tải, người ta đành đưa nhau sang tận mạn tối đen bên kia hồ Tây, bãi Tứ Liên, đê Nhật Tân. Người ta lẩn vào cả trong vùng đồ nát quanh nhà máy điện Yên Phụ. Lắm đôi gần như bạ chỗ nào cũng xong miễn tối tối, vắng vắng và kín kín một chút. Các chàng các nàng mê mẩn quên giờ giấc, quên lời thầy mẹ dặn dò, quên những bất trắc lúc canh khuya, quên cả chuyện có thể gặp chúng tôi đi tuần.

Anh rể tương lai của tôi đã gặp phải chính một rắc rối như thế đêm ấy. Một đêm không trăng sao. Nửa đêm về sáng lại mất điện, Bách Thảo um tùm cây cối tối mịt mùng. Tôi cùng mấy anh em trong tổ dân phòng khối phố rẽ vào đó kiểm tra đột xuất giấy tờ của các đôi. Bốn bề tối cam nhưng tình mắt chúng tôi vẫn lập tức phát hiện thấy từ bên hồ có người đang dắt xe băng nhanh qua bãi cỏ. “Đứng lại! Dân phòng đây!”. Người kia lao vụt cái xe ra khỏi vệ cỏ, phóc lên yên và cuống cuống đạp phóng đi.

Chúng tôi rầm rộ đuổi theo. Chiếc xe nọ thực mạng phi trên lối nhỏ ven hồ và vùn vụt ngoặt gấp vào khúc quanh dưới chân núi Nùng, mất hút. Những luồng sáng đèn pin rọi với theo cho thấy kẻ trên xe tháo thân có một mình. Bực tức, chúng tôi xấn tới chỗ mà ban nãy gã đó đã dắt xe chạy ra. Ánh đèn châu lại chiếu sáng vạt cỏ bên một gốc xà cừ. Vẫn còn một chiếc xe đạp và vẫn còn một người bị rớt lại đó. Một ả. ả đứng xoay lưng lại những luồng sáng đèn pin. Có lẽ do quá hoảng, riu chân nên cô nàng không chạy được, tay dắt xe mà không dắt đi nổi. "Tuột xích hử?", anh tổ trưởng dân phòng lên tiếng. ả nọ làm thinh. Tổ trưởng cau: "Đừng có mà lơ tơ mơ giả câm giả điếc nhá!". Anh nạt: "Đêm hôm mò vào đây làm gì? Quay đây xem cái mặt nào! Giấy tờ đâu? Cô là ai?".

Là Thảo. Buông tay khỏi chiếc xe, Thảo xoay người lại, ngẩng đầu lên.

Làn tóc như sóng, xõA xuống. Cái áo cánh nửa hàng cúc không cài. Tất cả những luồng sáng như nín thở, như ngây hết ra, mãi rồi mới loạc choạc chiếu tán đi. "Tưởng ai!", tổ trưởng của chúng tôi nói, thở dài. Anh rọi đèn ra đằng sau Thảo, soi lên chiếc xe đạp vừa đổ ngã vào thân cây. Im lặng một lát, anh nói, nhát gừng, giọng rất khàn: "Xe cô, nó vô. Xe nó, nó khóa trái, ôm chìa chạy mất dép... Cái thằng đó

thằng nào thế, sao thằng đều thằng hèn thế mà cũng theo?". Nhưng chỉ hỏi vậy thôi, chẳng hỏi gì thêm, anh quay lưng bỏ đi. Mọi khi, trường hợp như thế này, đối tượng phải bị điệu về trụ sở dân phòng để lập biên bản. Sẽ không có chuyện như nớ. Vậy mà trận này với Thảo, chẳng hiểu tại làm sao mọi người rất nường tay. Chẳng cần vặn gì, chẳng tra xét gì cả, anh em trong tổ im ắng rút theo tổ trưởng. Mỗi mình tôi nán lại.

Kỳ cách tôi dùng dao nhíp cạy khóa chiếc xe. Bánh trước cái khóa dây, bánh sau khóa càng cua, đều không có chìa. Thảo im lặng đứng bên soi đèn cho tôi. Sau thoáng chốc sưng sốt ban đầu, tôi đã mau chóng nguội hết kinh ngạc, dù sự thể thật quá khó tin. Chiếc xe Mipha bị lẳng lại đây là của Hằng, chị gái tôi. Chị Hằng vẫn thường đổi xe cho anh Quân, để anh ấy diện, còn chị, chị ưa cái Thống Nhất cà tàng của anh. Ban này, khi những vệt đèn pin rọi rượt theo tay đàn ông, soi trúng lưng trúng gáy y, tôi đã ngờ ngợ. Quả nhiên, đích thị, là anh Quân. Chỉ tuần sau thôi là anh ấy với chị tôi *tổ chức*, thiệp mời đã in xong, mấy bữa nay tôi đang có nhiệm vụ đi rải.

Tôi ném thìa lia hai cái khóa khốn nạn ra thật xa trên mặt hồ. Vừa khi đèn đã cạn pin. Trong Bách Thảo dòng điện vẫn chưa hồi. Thảo

không nhìn thấy mặt tôi, có lẽ chẳng biết tôi là ai, mà chị cũng chẳng hỏi, chẳng nói năng gì, chẳng cả cảm ơn nữa. Đón lấy ghi đông từ tay tôi, nhưng suýt thì chị làm đổ xe. Hương hoa sữa về khuya gần như sánh lại, ngào ngạt, bứt rứt trong không khí. Ở vòm lá bên trên chúng tôi, một con ve sầu lên tiếng muộn màng vào lúc nửa đêm. Trong bóng tối, tôi chỉ thấy được Thảo trắng trắng mờ mờ, gương mặt, cánh tay, bờ vai.

Thực tình tôi không biết là tại làm sao mà lúc ấy mình lại như thế. Bỗng nhiên, hoàn toàn bất ngờ với chính mình, tôi đưa tay lên ngực Thảo, và rất run, những ngón tay tôi lụng vụng, lóng ngóng, sờ tìm, cài lại được một, rồi hai cái cúc áo. Thảo đưa tay lên gỡ nhẹ tay tôi. Ngay lúc đó trong Bách Thảo đèn sáng trở lại, nhưng chỗ chúng tôi đứng vì rất khuất nên ánh đèn không rọi vào được, vẫn tối đen.

*

* *

Sự việc đêm ấy, có nguyên cả một tổ dân phòng chúng tôi chứng kiến, tưởng là nhất định sẽ ầm lên, vậy mà chìm hẳn. Chẳng ai bảo ai mọi người như thể đồng lòng bao che cho Thảo. Bản thân anh Quân thì lẽ dĩ nhiên là đã rất kín

miệng, nhất là anh bình tĩnh. Sau đêm đó, để nghe ngóng, anh chỉ nhăng ra có đúng một hôm thôi không tới. Chị Hằng tôi và cha mẹ tôi chưa kịp lấy làm lạ, tôi đã lại thấy anh mở cổng đất xe đạp vào nhà. Vẫn chiếc xe đạp Đông Đức xanh nõn chuối ấy của chị tôi. Thái độ của anh rất dối dàng hoàng, hoàn toàn là như không vậy. Chẳng phải là anh giả dồ. Tính anh như thế. Dáng vẻ nhũn nhặn, ăn nói cầu hòa, nhưng anh luôn có đức tin tuyệt đối vào bản thân mình, một lòng tự tin kín đáo nhưng chắc nịch. Tôi tự hỏi không biết là anh đã bắt đầu lòng thông với Thảo từ khi nào, trước hay là sau khi quen biết chị Hằng. Chắc là sau, chắc là anh ấy *tăm* được Thảo nhân những lần đến với chị tôi.

Chẳng thể ghét anh ấy được. Chẳng thể khinh được, trái lại. Anh ấy lừa dối chị tôi nhưng bù lại cũng hiển nhiên là anh yêu chị ấy. Yêu dàng hoàng, yêu minh bạch, và đã yêu liền một mạch nhiều năm rồi. Còn chị Hằng thì phải nói là đã yêu hơn cả yêu. Chị có vẻ như là muốn chết đi được vì được yêu. Lắm khi bắt gặp cái nhìn của chị hướng tới anh, tôi phát sợ. Một cái nhìn đắm đuối, van vỉ, chứa chan lòng ngưỡng mộ, sự trung thành.

Trước ngày cưới cả tuần chị tôi sống trên mây. Ngày cưới chị như ngây đi. Làm sao mà tôi dám nhân tâm nói hở ra một lời nào có thể

làm lật ngược mặt của chị cái niềm hạnh phúc nom đến là thương tâm ấy? Không phải chỉ trong những ngày của hôn lễ mà mãi nhiều năm về sau tôi đã tuyệt đối không hé răng. Trong cư xử hàng ngày tôi cũng luôn giữ được vẻ bề ngoài thật là bình thường với chị. Cả với ông anh rể nữa. Tôi không biết là anh có biết tôi *biết* không nhưng tôi đã cố tỏ ra như là chẳng hay biết gì hết. Sớm thích nghi với vị thế một thằng em vợ, tôi sống thiện chí, không hề nói gì hay làm gì khiến anh khó nghĩ. Ngay cả với việc anh về ở rể, tôi cũng dễ dàng đồng ý theo mọi người. Tôi chỉ không chịu chiều ý cha mẹ muốn tôi đổi chỗ nhường cho cặp tân hôn căn phòng của tôi rộng hơn.

Nhè ngay cái phòng trông xuống sân sau ấy mà xây tổ ấm, ai đời lại như thế bao giờ! Tôi thấy có cái gì thật quá đáng, một cái gì ang ác trong hạnh phúc của anh Quân chị Hằng, trong tiếng họ nói họ cười, trong cái cách hai anh chị sau ngày cưới rảo quanh suốt lượt hàng xóm láng giềng, chào hỏi và ra mắt. Khi hai người gõ cửa căn buồng ga ra, tôi đứng ở ban công nhìn xuống. Nghịch cảnh quá thể bi hài. Đã thế, vào thăm nhà Thảo đương khi ông thân của chị bệnh nặng nên cặp mới cưới còn tốt bụng tha theo một túi nặng những đường những sữa với cả một bịch các thứ thuốc bổ. Nhiều năm sau

này khi vỡ nhẽ mọi sự, chị tôi không uất anh Quán mà uất tôi. Chị hận nhất là cái chuyện ngày hôm đó tôi đã mặc kệ chị bị hố, bằng quan nhìn chị lễ mễ quà cáp tươi rói theo chồng vào thăm nhà “con đĩ”. Chị bảo sự im lặng đáng sợ ấy của tôi là biểu hiện tối đa một lòng dạ bạc bẽo. Tôi không biết làm sao phân trần. Chị tôi máng vậy cũng chẳng sai. Dừng dừng ơ hồ, thần nhiên vô sự, cái tật đáng khen ấy ở tôi hình như ngay từ hồi đấy đã rất trầm trọng. Thế nhưng tình thật mà nói thì không phải tôi không biết bản khoán là gì. Còn đây bản khoán nữa là khác.

Trò đời đối với tôi quả là quá kỳ lạ. Anh rể tôi rõ ràng đã mặt thốt phốt tỉnh Thảo, nhân tâm thoải mái vui duyên mới ngay kể nhà Thảo vậy mà chẳng hiểu sao đã chẳng hề kích lên ở chị một mảy may nổi oán hờn. Âm thầm chị bưng bít cho anh, kệ cho anh được ung dung mặc sức, không hề có thoáng qua một lời, một cử chỉ, một biểu hiện nào lộ ra là đã từng biết anh. Chị chỉ đã lảng lạng tránh đi, như để khỏi nhìn thấy anh ấy, khỏi trông thấy, nghe thấy sự sung sướng, sự mãn nguyện của anh ấy, của chị tôi. Ban ngày không bao giờ Thảo có nhà, song cũng thường xuyên đi vắng suốt tối, nhiều hôm phải giờ gần sáng mới lần về. Qua những lời bàn tán vọng lên từ dưới sân, tôi biết Thảo vừa

được nhận vào làm nhân viên hợp đồng ở Quốc doanh chiếu bóng, song tôi cũng biết là chẳng một rạp xi nê nào trong thành phố có suất chiếu muộn đến như vậy

Đêm hè, mặc màn ngủ ngoài ban công, tôi có thể nghe thấy gần như tất cả những động tĩnh của Thảo, từ lúc vừa lạch xạch dất xe đạp về cho tới tận khi đã ngã lưng. Mọi sinh hoạt của Thảo, xách nước, nấu cơm, giặt giũ, thay chăn chiếu và vệ sinh cho ông bố già đau ốm đều ẩn vào đêm. Le lói, giữa canh khuya, cả khu nhà chỉ một mình căn buồng của chị còn thức, im lìm vệt sáng đèn vẽ hờ theo khe cửa. Đôi tai đã trở nên quá nhạy của tôi có thể nghe thấy tiếng cánh cửa liếp của căn buồng ga ra nhẹ nhàng hé mở, nghe thấy Thảo bước ra sân. Tôi có thể nghe thấy ở chỗ hốc tường góc cuối sân, sau manh chiếu che buồng tắm chậm chậm tiếng nước dội, từng gáo nhỏ một, se se.

Từ sau cái đêm ở Bách Thảo, bỗng dưng tôi thành ra như là người đa cảm. Một trạng thái tựa tựa như cơn sốt âm ỉ khiến tôi vừa bơ phờ bải hoải, lại vừa chộn rộn bứt rứt. Vốn chẳng ưa thích gì lắm phim ảnh mà dạo đây tôi lại năng đi xem. Nhưng chỉ đến duy nhất rạp Bắc Đò bên gậm cầu, một cái rạp hạng bét. Mua vé xong, bao giờ tôi cũng đợi buổi chiếu bắt đầu được vài phút mới vào. Hướng dẫn chỗ ngồi cho

khách không phải khi nào cũng là Thảo, nhưng tôi cầu mong là chị và lạ thay đã luôn luôn được như thế. “Xin quý khách đi lối này. Xin hãy thấp người xuống”, chị nói, thâm thì. Chỉ những dịp ngắn ngủi chẳng nhìn thấy gì ấy, trong bóng tối nóng ngọt, rối bời, loang loáng ấy, là tôi được nghe Thảo nói với chính tôi và được vài bước chân đi sát kề, gần như nép vào chị.

Nỗi niềm thâm lén của tôi cứ mờ mờ mịt mịt như vậy mãi mãi. Thảo chắc là chẳng hề biết đến sự hiện diện của tôi cả trên ban công lẫn trong rạp chiếu bóng. Nhưng, như là để bù lại, tôi luôn nằm mộng thấy Thảo. Thảo thường đến với tôi vào quãng trước hừng đông. Buổi sáng, thức dậy, một làn hương mơ hồ như là hương thơm của giấc mơ vẫn còn vương vấn mãi.

*

* * *

Năm ấy, sau Tết ta, ông thân của Thảo qua đời. Người ta bảo rằng ông cụ mất đi thật là đúng lúc. Chỉ nán lại thêm dăm bữa nữa là cụ sẽ phải gánh theo xuống mồ trọn vẹn điều nhơ nhục của cô con gái.

Nhưng mà cái điều nhơ nhục ấy thực ra là một mối tình. Mối tình của Thảo với Minh, anh

traí tôi. Đang là nghiên cứu sinh ở Liên Xô, Tết ấy anh Minh được gia đình triệu về, để lấy vợ. Cố nhiên không phải là lấy Thảo. Tôi chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra làm sao nữa. Hồi đang ở nhà chưa đi du học, ông anh tôi tính tình còn khệnh hơn cả tôi, có bao giờ mà anh lại để mắt đến Thảo. Ý trung nhân của anh là chị Diễm, một bóng hồng thuở tha, đoan trang kiều mỵ vào cỡ nhất cả khu phố. Ông bố của chị cấp ngang thứ trưởng, và chính là do ông thứ trưởng ấy bị đột quỵ mà anh Minh phải cấp tốc về nước tổ chức cưới chạy tang.

Chẳng khác nào là một dị bản của đám cưới anh Quân chị Hằng, hôn lễ chị Diễm anh Minh cũng đã định ngày, cũng thiệp mời đã gửi, và cũng thế, phút cuối cùng, lại là Thảo xen vào. Chỉ có điều là ở dị bản anh đàn ông đã không bỏ của chạy lấy người, không im lìm chùi xóa nhẵn nhụi dấu vết cuộc đàn dêu. Có thể là vì mới từ xứ tự do luyện ái trở về nên anh Minh tôi không úp mở gì hết, chẳng chút ý tứ giữ gìn. Vừa chân ướt chân ráo về nước đã bập liên vào Thảo và đã lập tức yêu cuồng lên. Sự bội tình của anh mau chóng rành rành ra trước mắt thiên hạ. Hầu hết nữ phái, nghĩa là già nửa dư luận trong phố sôi lên phần nộ, cả mẹ tôi nữa, và nhất là chị Hằng tôi. Nhưng anh trai tôi, con người của học hành, đạo lý và khuôn phép đã

trở nên đặc biệt cứng đầu, ngày một thêm bặt mạng. Sự việc âm ỉ lên chỉ tổ giúp anh gặt nhanh mọi do dự. Công nhiên dẹp bỏ đám cưới, anh tàn nhẫn cắt đứt với chị Diễm. Anh gần như phô trương thái độ bất tuân phụ mẫu và bất cần thiên hạ. Còn non tháng nữa mới phải quay sang Liên Xô, anh đã dứt khoát rời khỏi nhà cha mẹ, chuyển tới ở nhờ nhà bạn. Giận điên người, song thân tôi tổng hết ra cửa mọi thứ của nả và quà cáp anh tải từ bên tây về. Minh liền khuôn tất xuống phòng Thảo. Trước lúc bỏ đi, đứng ở cổng, anh xác xược tuyên bố rằng nếu không vì ngại cho Thảo bị người ta đồn ép thì anh đã chẳng xá gì mà không vào sống với Thảo một phòng. Chờ bốn chín ngày của ông cụ xong là cưới! - Anh tôi hùng hổ dọa thế. Bấy giờ tuy phải ngả theo quan điểm chung của cả nhà, mà thực lòng tôi phục anh tôi sát đất.

Và có vẻ như là anh tôi thật chí làm liều. Có vẻ như anh chẳng còn thiết gì bản luận văn đang dang dở ở bên Nga. Ngày nào anh cũng về nhà, nhưng chẳng lên với gia đình, chỉ cứ buồn Thảo chui vào, ngồi chơi đến chớm khuya mới tạm biệt. Ngày nào mẹ tôi và chị Hằng cũng ít nhất một trận làm dữ, nhưng Minh, Thảo mặc kệ, hoặc đóng chặt cửa, hoặc xe máy dong nhau ra phố. Hôm giỗ bốn chín ngày ông bố, Thảo

biện mấy mâm mời suốt lượt các gia đình trong cùng số nhà. Gia đình chúng tôi chẳng ai xuống, cố nhiên là trừ anh Minh. Anh ở bên Thảo từ sáng tới tận tối, xăng xái chạy ra chạy vào đi lên đi xuống phụ giúp chị. Anh thay mặt chị đón khách tiễn khách. Anh qua lại các mâm trong nhà ngoài sân, mời nước, mời thuốc, tiếp rượu, chuyện trò thưa gửi. Như là một với Thảo, anh xưng *chúng tôi*, và tự nhiên như tây gọi Thảo bằng *em của anh* trước mặt mọi người.

Tôi thần thờ đứng ngoài ban công rất lâu, nhìn, vô hạn buồn nản. Anh Quân đã đứng cạnh từ lúc nào, tôi chẳng biết. “Nó giở bố nó hay nó làm lễ lên giường với ông anh cậu thế, tôi đồ cậu phân biệt được đấy?”. Nhếch mép, Quân cười. Một cái cười khẩy, tuy nhiên méo xệch. Anh châm một điếu thuốc và lập tức sặc sụa. Nồng nặc xộc lên mùi rượu. Xưa giờ, rượu và thuốc lá là hai cái thú ông anh rể của tôi đặc biệt gớm ghét. Nom anh bơ phờ, mặt mày xạm hắc, tái dại.

Tôi và anh Quân tuy chưa bao giờ là quá thân mật nhưng đã luôn hữu nghị với nhau. Thời gian trôi qua mới hơn nửa năm song tôi đã gần như quên hẳn cái hành vi bần tiện của anh ở Bách Thảo. Cả những khi thấy anh lúi húi tỷ mẩn lau chùi kỹ cọ chiếc xe đạp Mipha ấy tôi cũng gắng không cho một ý nghĩ mai mỉa nào

gợn lên trong lòng. Thực tình là tôi chẳng muốn nhớ. Dù sao đi nữa thì anh Quân cũng quá thật người tử tế. Với cha mẹ tôi, anh hết sức hiếu thảo, chu đáo mọi bề, không chê vào đâu được. Với chị Hằng, anh tận tình yêu thương, nhất là từ khi biết mình sắp thành bố trẻ con. Tôi không nghĩ rằng anh đóng kịch. Hoàn toàn không có vẻ gì là kịch. Và chẳng kịch để làm gì.

*

* *

Tối hôm ấy tôi đi ngủ sớm mong trốn khỏi những ý nghĩ trong đầu và tiếng ồn dưới sân. Nhưng mãi mới thiếp đi được. Quãng nửa đêm lại bị thính giác lay thức. Có ai đó lên vào phòng, tôi sát giường. Tôi om, nhưng tôi biết ngay đấy là Quân. Anh đứng im bên giường tôi một lát rồi nhón bước quay trở ra. Tôi đếm được từng bước chân cực kỳ rón rén của anh xuống cầu thang, tôi nghe anh lẹp nhẹp đi qua sân sau. Ngồi dậy trong màn, không cần phải ra hẳn ngoài ban công, tôi cũng biết là anh dùng bước trước cửa buồng của Thảo. Anh không gõ mà cào cào như mèo vào cánh cửa liếp. Tôi thậm chí nghe được tách một cái tiếng công tắc đèn bật lên. Cánh cửa nhà Thảo hé mở ra rất nhẹ. Tôi không thể biết phản ứng của Thảo sẽ

như thế nào: hét lên, nức lên, gào khóc, nguyên rủa, xua đuổi... tôi chỉ hiểu rằng ngay bây giờ đây, ngay tức thì thôi anh Quân sẽ lộ tẩy chân tướng, đồng thời tai tiếng cũng sẽ đến với gia đình tôi, chị Hằng tôi sẽ khổ sẽ nhục, ngay bây giờ.

Nhưng, tình không có gì xảy ra hết. Chỉ có tiếng cánh cửa khép lại. Im ắng hoàn toàn. Không có tiếng chân anh Quân quay lên. Tôi mở cửa lách ra ban công. Đã quá nửa đêm. Mưa phùn rét mướt. Sau cánh cửa đóng chặt, buồng Thảo còn để đèn, nhưng chỉ một lát thì tắt, cửa vẫn đóng chặt, kín bưng. Có lẽ do khí lạnh và hơi ẩm mà tôi trở nên bất động và vô cảm, tôi không nghĩ gì hết, cứ đứng ì người ra thế ngoài ban công. Hồi lâu, rét run tôi đành loạng choạng trở về giường. Giấc mơ quen thuộc lúc gần sáng không còn đến với tôi nữa, thay vào đấy là tiếng chân anh Quân rón rén lên cầu thang mà tôi nghe thấy vào lúc gần sáng.

Giờ đây ngẫm lại những ngày tháng đó, thú thực tôi không hiểu nổi con người mình. Cùng một lúc cả chị tôi cả anh tôi cả cha mẹ tôi bị người ta lừa dối vậy mà tôi nín thinh đứng ngoài cuộc, khách quan nhìn ngó và lắng nghe. Những đêm đen vụng trộm của ông anh rể thì cứ lặng lẽ tái diễn. Đêm ấy, đêm sau, rồi lại đêm sau nữa... Rất êm, rất khéo, tuy nhiên

hành tung của anh vẫn là rất liêu lĩnh và lộ liễu. Nửa đêm, tiếng chân xuống cầu thang. Tiếng chân đi ngang qua khoảnh sân sau lép nhép bùn. Tiếng mèo cào vào cánh cửa. Tiếng cửa mở ra thật nhanh, khép lại thật nhanh. Gần sáng, lại những tiếng động đó nhưng ngược trình tự. Cửa mở ra. Tiếng chân nhón bước lên cầu thang... Vậy mà chẳng ai hay. Hai kẻ báng bố ấy mới may mắn làm sao. Cả khu nhà với bao nhiêu những tai những mất đã không hề bị đánh động. Còn chị Hằng tôi, bụng mang dạ chửa mà đêm đêm cứ ly bì mê mệt chẳng khác nào uống quá liều thuốc ngủ. Rốt cuộc chỉ một mình tôi sống trong đêm với cái cuộc tình dễ sợ và ảm đạm như cửa loài ma ấy. Cả khi thức cả khi ngủ lẫn khi chập chờn, tâm trí tôi luôn luôn mấp mé, châu chực ở sát bên cặp tình nhân tham tàn, hai con người man dại đó, như thể pháp phông canh chừng cho họ.

Nhưng mỗi sáng ra, trở dậy, ngó vào buồng ăn, thấy anh Quân chị Hằng thân thương bên nhau, điểm tâm và trò chuyện, tôi không sao nuốt nổi suất quà sáng của mình. Và bởi sức người có hạn, không kham nổi nữa, tôi xin cha mẹ cho phép chuyển vào nội trú trong ký túc xá sinh viên.

Mẹ tôi nhất định không bằng lòng, buồn bực trách cứ tình cảm gia đình của anh em

chúng tôi quá ư nhạt nhẽo. Nhưng cũng nhờ những lời mẹ phàn nàn nên tôi mới được biết rằng không chỉ anh Minh và tôi mà cả anh Quân cũng đang muốn bỏ nhà ra đi. Anh rủ tôi được điều vào Sài Gòn giữ chân trưởng ban đại diện của cơ quan ở trong ấy. Mặc dù chị tôi còn vài tháng nữa là sinh, mặc dù cha tôi thừa sức can thiệp để anh không phải đi, nhưng anh đã nhất quyết. Anh đã định ngày, ngay đầu tuần sau. Đã đặt vé xe lửa. Mẹ tôi vừa bực vừa thương anh Quân gần tính, vì việc chung quên tình riêng, bỏ nơi đây đủ sung túc xông vào trong đó chuốc lấy kham khổ, chấp nhận cuộc sống “nhá bo bo đắp đổi qua ngày”.

Song thân tôi đã luôn sai lầm về anh Quân. Chị tôi cũng vậy, cả tôi nữa, không bao giờ có thể lường hết được bụng dạ anh ấy. Tôi cứ nghĩ anh buộc lòng phải ra đi như vậy là để chấm dứt một lần cho xong với Thảo. Anh ấy đã không còn cách nào khác, tôi nghĩ như thế. Thế nhưng, cách ứng phó của anh với đời thực ra là đa dạng và uyển chuyển hơn tôi tưởng rất nhiều. Bởi vì, rốt cuộc, anh Quân đã không hề phải trốn chạy đi đâu hết. Người phải lầm lũi trốn đi là Thảo.

Bỗng dưng, Thảo từ bỏ cửa nhà, biến đi biệt tích. Đột ngột, một buổi sáng, căn phòng ga-ra của chị đã thuộc sở hữu của nhà hàng xóm

kề vách, cả đồ đạc nữa. Có lẽ chỉ những láng giềng sân sau của chị là biết trước sự tình. Chúng tôi, những người ở nhà trên thì không hề hay. Ngay tôi cũng bị bất ngờ, tôi không cảm thấy gì hết, không nghe thấy gì bất thường dưới phòng chị đêm chị ra đi. Điều duy nhất tôi lấy làm lạ là không nghe tiếng ông anh rỏ lặn mò xuống đó đêm ấy.

Còn ông anh trai của tôi thì có thể nói như là bị trời giáng. Hôm trước anh còn tối chơi, còn ngồi hết buổi tối trong phòng của Thảo. Hôm sau, thậm chí cả một phong thư, một lời nhắn nhủ Thảo cũng không để lại cho anh tôi. Toàn bộ của nhà đồ đạc Thảo nhượng lại cho người ta thật mau và thật êm để lấy có vài chỉ, lại lặng thinh khăn gói lặn không sủi tăm như thế, hẳn là đi vượt biên rồi, mọi người trong khu nhà đều nói vậy. Anh tôi tê điếng, tái dại, loạng choạng bỏ lên nhà nằm lịm.

*

* *

Anh trai thì suy kiệt tinh thần, anh rỏ sắp lên đường, chị gái bụng mang dạ chửa, tất nhiên tôi không thể lập tức bỏ vào ở trong ký túc xá. Đây là những ngày khó chịu không tả được. Không khí trong nhà khiến tôi khó thở.

Tuy rằng mừng trong bụng với việc Thảo đã chịu “buông tha” cho anh Minh nhưng mẹ tôi, chị tôi vẫn thấy sự đứt tình trắng trợn và trơ trên ấy xúc phạm quá xá danh dự gia đình chúng tôi. Cứ bữa cơm tối đông đủ cả nhà là hai người cảm phần nói chuyện về Thảo. Cha tôi thì nóng ruột và giận dữ vì sự kém cỏi bản lĩnh của anh Minh. Gay gắt chỉ trích trạng thái tinh thần lệt bệt kéo dài của anh, cha tôi đòi hỏi và thúc bách anh mau vực mình lên, nhanh chóng thu xếp để trở sang Nga mà lo cho xong cái sự nghiệp phó tiến sĩ. Anh tôi lúc cãi lại, lúc lý ra thăm lắm, lúc vùng vằng buông bát buông đũa bỏ về phòng riêng nằm vật.

Tôi thì vẫn như thông lệ, chẳng nói năng gì, không can dự. Tôi chỉ ngấm quan sát anh Quân. Tôi thấy anh quá ư điềm nhiên, một vẻ điềm nhiên mà tôi nghĩ là trên mức cần thiết. Anh từ tốn lên tiếng dàn hòa mọi người, khuyên mẹ tôi và chị Hằng quên “cô ta” đi, xin cha tôi bớt giận, thông cảm cho nỗi đau của anh Minh, vân vân và vân vân. Nhưng chẳng cần phải là kẻ thâm trầm sâu sắc gì cho lắm, tôi cũng bắt gặp được những thoáng chốc bản thân trên gương mặt anh. Càng cận ngày anh lên tàu vào Nam những thoáng chốc như thế tôi càng bắt gặp nhiều hơn. Dù có tài thánh cũng không ai trên đời này có thể hoàn toàn giấu tiệt được

thực chất tâm trạng mình, nhất là tâm trạng do dự, nổi phân vân, sự ngần ngại

Đến khi chỉ còn một ngày nữa là khởi hành thì ông anh rể tôi bỗng nhiên thay đổi. Anh công khai trở nên dăm chiêu. Anh ưu tư ra mặt. Anh rối bời vì âu lo cho tình trạng sức khoẻ của chị tôi. Rồi bất ngờ anh tuyên bố anh không thể ra đi, hoàn cảnh gia đình lúc này đang rất cần anh, nhất là chị Hằng, vì vậy anh cần phải ở lại. Anh xin cha tôi nói với trên thôi không điều động anh nữa. Mặc dù không hài lòng với sự rút lui quá cấp kỳ của anh Quân, nhưng cha tôi công nhận sự rút lui ấy là hợp tình hợp lý, và việc gì chứ việc giữ anh lại ở ngoài này thì trong tầm tay ông, ông thu xếp được ngay.

Chị tôi vui mừng, hoan hỉ dõ bỏ tư trang của anh ra khỏi va ly. Còn tôi thì được nhiệm vụ ra ga “đá” lại cho anh cái vé tàu Thống Nhất. Cầm tấm vé trên tay, tôi chợt hiểu. Mấy bữa trước cứ lấy làm lạ là vì sao anh Quân lại phải chịu khổ sở thế không chịu đi máy bay.

Hôm sau, trước giờ đoàn tàu Nam chuyển chiều tôi chuyển bánh, tôi lần ra ga để được nhìn thấy Thảo. Tôi tuyệt đối không may mắn gì chuyện đấy.

Chiều xuân, mưa phùn, nhưng trong mưa vẫn gió bắc lùa hun hút. Trên sân ke xám xịt,

ướt át, lạnh lẽo, đông nghịt hành khách và người đưa tiễn. Giữa đông người như vậy mà tôi tìm ngay được Thảo, trông thấy Thảo ngay là nhờ cái nhìn không lẫn vào đâu được của những anh đàn ông. Những cái nhìn mà tôi đã quá quen, những cái nhìn của sự không thể nhận được mỗi khi người ta nhắc thấy Thảo.

Còi tàu đã rúc lên. Thảo vẫn dưới ke, trong mưa. Va ly trên ghế đá. Vẫn còn vài hành khách tới trễ, tay xách nách mang học tốc đi mau qua cửa kiểm soát, vội vội vàng vàng chạy qua màn mưa đã bắt đầu nặng hạt, chen lên toa. Thảo nhìn họ, nhìn về phía cửa phòng chờ, nhìn những người đưa tiễn đang dạt ra đứng tránh mưa dưới mái hiên. Chị nhìn cả vào tôi nữa. Tuy nhiên, là một cái nhìn trống không, nhìn mà không nhìn thấy gì cả.

Tiếng còi tàu một hồi nữa cất lên thúc bách. Một nhân viên hỏa xa đến bên Thảo. Anh ta xách va ly của chị lên, đi tới cửa toa giường nằm. Thảo lặng lẽ theo sau. Hai người vừa vào trong toa thì cả đoàn tàu giật mạnh một cái, rùng mình chuyển bánh...

GỌI CON

Cái rương ấy, Tân chịu khó tha từ Hà Nội vào để rồi bỏ xó đấy. Một năm sau, dọn dẹp buồng chứa đồ dưới tầng hầm, chị người làm khuôn nó lên, cho ra ngoài sân, toan thải. Nom như cổ áo quan. Đứa con gái lớn của Tân nói đùa. Còn vợ anh thì bảo là cái thứ này lạc vào biệt thự nhà mình chẳng khác gì một cái bát cóc găm được tìm thấy trong dinh ông Thạch Sùng.

Thực tình là Tân cũng nào có thiết, nhưng chẳng lẽ không giữ lấy một ty ty gì kỷ vật của mẹ. Vả lại, mẹ mất rồi, nhà của cha của mẹ mình đã bán đi, mà mọi thứ trong nhà mình cứ để vất vưởng hết cả đó, chẳng buồn bê đi một thứ gì, không chừng mình sẽ mang tiếng là hợm. Chị gái của Tân bảo thế. Ông anh của Tân lựa chiếc tivi. Bà chị chở đi cái tủ lạnh. Còn Tân thì mãi khi sắp lên taxi ra sân bay mới đành miễn cưỡng chọn lấy cái rương kê kê giường mẹ. Xoàng xĩnh, nhưng nó là vật đã từng theo Tân đi trọ học sơ tán suốt mấy năm cấp III. Hơn nữa, chẳng công kênh nặng nhọc gì, rương loại nhỏ, nhẹ không.

Tân bảo chị người làm lau sạch bụi bặm rồi tìm cách cạy cái khóa tí xíu đã mất chìa. Nấp rương mở ra, nhẹ hắt lên mùi băng phiến. Chẳng có gì ngoài thư từ với giấy má, tất cả đã úa vàng. Sổ học bạ, sổ liên lạc, những bằng khen và chứng chỉ học sinh giỏi của anh chị em nhà Tân. Một cuốn anbum khổ nhỏ kẹp rời rạc những tấm hình cỡ bằng con tem. Dăm lá thư của anh trai Tân gửi từ Liên Xô, của chị gái Tân từ Đông Đức và của Tân từ Tiệp Khắc. Dãy rương còn một bọc gì đấy nữa nặng nặng, khá dày, có lẽ cũng là một xấp thư, được gói kỹ trong giấy báo. Rồi một cuốn sổ gạo. Một tệp những phiếu vải, phiếu thực phẩm đã cắt gán trừ các ô. “Mẹ nhà mình lẩm cái lỗi thời không tả được”, Tân thường nghe bà chị gái than vậy. Bao nhiêu những sự khổ sở một thời, người ta đã loại hết, mẹ mình cứ giữ rịt. Nhìn căn hộ thì thấy thôi, đồ đạc toàn những thứ già ngang một đời người, bài trí cũng đã mấy chục năm rồi không xê xích. Con trai con gái ai nấy nhà lâu biệt thự và đều thiết tha được rước mẹ về ở cùng, nhưng bà cụ cứ dút khoát là không đi đâu khỏi cái tầng tư khu tập thể. Già cả như thế, lụi cùi một mình, mà nhất định không muốn nghe tới chuyện thuê “ô sin”.

“Nhưng mà sợ nhất vẫn là cái tính mẹ nhà mình lúc nào cũng dăm chiêu ít lời”. Bà chị

phần năn. “Con cháu khó nghĩ hết sức. Lựa lời hỏi xem có điều gì khiến mẹ không hài lòng thì mẹ lắng đầu rằng không. Mà sự thực là thế. Nhà mình trông lên thì chẳng bằng ai, trông xuống chẳng ai bằng mình. Anh cậu, rồi cậu, rồi chị, đều thành đạt, dâu rể cũng vậy, và lứa cháu nữa, đều khá, đều ngoan ngoãn, giỏi giang, đều tương lai rất sáng. Thành thử hỏi rằng vì sao mà mẹ nhà mình cứ rầu rầu lặng lặng và cứ thích thui thủi thế, thì chịu thôi, không tài nào ai hiểu nổi. Hay là tính nết mẹ nhà mình đã cố hữu như vậy rồi từ xưa?”.

Chị không nhớ thì tất nhiên là Tân càng không thể nhớ hồi xưa mẹ thế nào, vui nhiều hay buồn nhiều. Nhưng Tân công nhận là trong tuổi già thì mẹ mình đúng là có sự gì không ổn thật. Về sức khỏe của mẹ thì Tân luôn an tâm. Mẹ chưa mất mớ chân chậm, cũng chưa lẫn đâu, đừng lo, chính mẹ vẫn bảo với anh thế mỗi lần anh từ Sài Gòn ra đến vấn an. Về mặt tình cảm thì phải nói là ông anh bà chị của Tân ở Hà Nội, và cả Tân, dù cách xa trong này, đều thực sự một lòng hiếu thảo. Còn về mặt vật chất, đừng nói bây giờ, ngay từ thời bao cấp, ba anh chị em Tân đều có mức sống cao hơn người ta, cả ba đều dư khả năng lo cho mẹ không phải thiếu thốn một thứ gì. Và càng về sau này lại càng có điều kiện chăm lo cho mẹ đầy đủ hơn.

Vậy thì vì sao mẹ không vui cơ chứ. Mà ngại nhất là trông cụ cứ càng năm càng buồn bã hơn. Cũng như ông anh, cũng như bà chị, Tân chịu, không hiểu.

*

* *

Tất cả những lá thư gói chung trong tờ báo cũ để dưới đáy rương đều là của mẹ gửi cho em trai của Tân. Trên tất cả các phong bì, tên người nhận đều là Nghĩa, tất cả đều được kiên nhẫn gửi tới một số hiệu hòm thư duy nhất, và tất cả đều là những lá thư do bưu điện huyện Lương Sơn kiên nhẫn gửi trả lại. Tất cả còn để nguyên chưa được bóc ra.

Tân không vội mở xem lá thư đầu tiên. Anh ngồi im ngẫm nghĩ cố hiểu cho ra sự lạ lùng này. Đúng là Tân từng có một cậu em trai, nhưng đã từ lâu lắm rồi. Đến nỗi, có lần làm lý lịch tự khai, Tân đã quên không ghi Nghĩa vào. Có lẽ cả ông anh bà chị của Tân cũng vậy. Quen nói *ba chị em mình*, dần dần trong tâm thức họ hình bóng người em út cứ lảng lạng phai mờ, rồi tất hẫng đi lúc nào không hay. Tất nhiên là thoảng hoặc Tân cũng chợt nhớ. Và anh gắng mừng tượng lại gương mặt Nghĩa, mà không được. Chẳng hiểu sao trong thời thơ ấu anh chị

em nhà Tân đều có ảnh cả mà lên đến tuổi thanh thiếu thì hầu như không bức nào. Chỉ mỗi Tân còn lưu được một bức chụp vào ngày Tết năm mười bảy tuổi. Có thể là Nghĩa đến tuổi ấy cũng có gương mặt như vậy. Trong bức ảnh đã úa vàng, Tân đứng một mình bên cây bàng trụi lá trước mặt tiền tiểu tụy của chúng cư. Trên thêm vương đầy xác pháo. Tân diện áo bông, cổ quấn khăn phụ la, gương mặt sầu tẻ, gương gạo đang rứt rề mỉm cười với ống kính. Nụ cười trong ảnh có thể ví như một cái bọt khí còn sót lại của quãng đời thanh thiếu, từ dưới đáy sâu của thời gian đã quên lãng lạc lõng nổi lên. Bây giờ Tân chẳng thể nhớ được gì về chặng đời trước cái năm mười bảy tuổi anh lên đường du học ấy.

Có gì trong những năm ấy nhỉ? Chiến tranh, sơ tán, nỗi sợ hãi. Không chỉ là sợ bom đạn, mà còn nỗi khiếp hãi cảnh sống nghèo nàn kham khổ. So với các gia đình khác trong khu tập thể, gia đình Tân thuộc diện khá nhất. Nhưng xét cho cùng thì vẫn là thế cả thôi, mức sống gia đình cán bộ trong một đời sống tập thể chung đụng cau có, ảm đạm, sồn nát và buồn ê ẩm, chẳng có gì đáng cho người ta phải nuôi tiếc mà nhớ nhung hồi tưởng. Tân chỉ nhớ là hồi đó anh không có nghĩ ngợi nào khác ngoài học và học, học thật giỏi, hạnh kiểm thật đẹp để xong

lớp 10 được đi học nước ngoài như anh trai như chị gái.

Sang Tiệp tròn một năm, Tân được thư của mẹ báo tin Nghĩa vào bộ đội. Nhận giấy gọi vào Bách khoa trước giấy gọi nhập ngũ vậy mà Nghĩa nhất định không nghe theo lời bàn của cha mẹ. Cái thằng ấy tính nó như thế từ bé. Tân không nhớ cụ thể chỉ nhớ là từ bé Nghĩa đã sinh nhiều rắc rối cho gia đình. Khác với các anh chị, Nghĩa thường xuyên trái ý cha. Ông rất hiền, rất trầm tính, nên có lúc nào ông bực dọc, ông nổi cáu có thể biết ngay là vì thằng Nghĩa. Như trong lá thư của mẹ gửi Tân, thì việc Nghĩa khăng khăng khước từ giấy gọi đại học đã khiến hai cha con xung khắc đến mãi tận hôm Nghĩa lên đường. Mẹ thì tất nhiên là thương xót hết mực thằng con út không có được đường đời dễ dàng êm thấm như các anh chị của nó. Bà cho Tân số hòm thư của Nghĩa và hối thúc anh viết ngay gửi sớm để em nó mừng. Bà kể là đã lên thăm Nghĩa ở trại luyện tân binh trên Bãi Nai - Hòa Bình, thấy nó vất vả, gian khổ, thương lắm. Hồi đó, đọc biết thế, nhưng bây giờ mở xem lá thư mẹ viết cho Nghĩa mới thấy thấu cái tình thương xót của mẹ đối với nó.

Người ta bảo là ở rừng thì dù nhọc mệt thế nào cũng chó có ngủ trưa, vì bị ngã nước đầy

con ạ. Hai sức lắm, mà mẹ thì ở xa chẳng lo được cho con... Mẹ lại thường hay nghĩ đến cái tính liều của con. Con ơi, có báo động dù chưa tiếng tàu bay vẫn phải tăng xê xuống ngay. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Thương mẹ thương cha con phải tự thương xót lấy mình con nhé...

Chỗ quà này mẹ gói ra hai màu để con phân biệt. Gói bọc giấy xanh là kẹo, bánh, thuốc lá thì con mời anh em bè bạn với cấp chỉ huy. Riêng thuốc lá mẹ mong con hút ít. Nghe nói nơi các con đóng binh người dân tộc nấu rượu sẵn nhiều lắm, mẹ lo. Uống rượu, hút thuốc hỏng đời con ạ. Còn trong gói đỏ là kim chỉ, đá lửa, pin, cặp ba lá, con phải cất kỹ. Các thức ấy không vật vãnh đâu, ở Hà Nội đã khó kiếm, trong khu Bốn với bên Lào lại càng quý báu. Nặng thêm một chút nhưng con gắng mang. Phòng khi ốm đau cảm cúm, nhất là chẳng may mà sốt rét thì đem đổi lấy thịt thà rau quả mà bồi dưỡng cho chóng lại. Mấy bà trong khối phố có con đi bộ đội trước con họ bày kinh nghiệm cho mẹ như thế...

Tân không hiểu gói quà ấy có đến tay Nghĩa không, bởi rõ ràng tất cả những phong thư anh đang thấy đây mẹ anh đều đã gửi lên Lương Sơn khi mà đơn vị của Nghĩa đã rời đi. Tất cả đều bị gửi ngược về hoàn trả, nhưng mẹ

vẫn nhẫn nại viết và nhẫn nại gửi cầu may tới cái hòm thư đã hoang phế đó. Mỗi bức đầu mẹ anh viết ngắn như là viết vội để gửi đi gấp. Không viết gì nhiều, những thư ấy chỉ hồi Nghĩa mau biên thư về cho cha mẹ hay số hòm thư mới với lại hiện đang ở đâu, sức khỏe thế nào. Nhưng theo dần năm tháng chiến tranh, thư của mẹ ngày một nhiều trang hơn và ngày một buồn bã hơn. Gửi đi bao nhiêu nhận lại bấy nhiêu, những lá thư của mẹ càng về sau càng như nhật ký, như là để gửi tới chính mình. Chữ mẹ nắn nót, dễ đọc dấu màu mực đã phai, dòng nối dòng đều đều, miên man che giấu niềm vô vọng. Mẹ kể rằng đêm qua mẹ nhìn thấy Nghĩa nhưng chưa kịp gọi thì đã tỉnh, tỉnh dậy thì đã chẳng còn lại gì, chẳng níu giữ được gì nữa cả, trong phòng tối đen, ngoài trời còi báo động hú vang.

Khác với mẹ, cha chưa bao giờ thấy Nghĩa trong giấc ngủ, nhưng lại hay thoáng thấy con trai út của mình ngoài phố. Mẹ Tân viết thế. Một lần, buổi tối, cha đưa về nhà một anh bộ đội trạc tuổi Nghĩa mà ông vừa gặp ở ga Hàng Cỏ. Nhắc thấy anh ta giữa đám đông trước cửa ga, đang ngồi trên tàu điện ông vội kêu người lái phanh gấp rồi lật đặt xuống toa, lật đặt chen tới chỗ anh ta, vừa chen vừa hét hải gọi Nghĩa. Ông luôn nhầm như vậy. Nhìn xa thì anh bộ đội

nào cũng giống Nghĩa, nhìn gần thì chẳng nét hao hao nào nữa. Lần ấy, mẹ dồn hết phiếu thực phẩm cả tháng soạn bữa cơm thật tươm đãi anh bộ đội. Cha giữ anh ngủ lại, sáng hôm sau tiễn anh ra bến Kim Mã, xếp hàng mua vé cho anh rồi dắt anh lên tận chỗ ngồi trên xe. Anh lính trẻ ấy bị đạn tiện mất một bàn tay và anh bị mù cả hai con mắt. Lại có lần cha thấy Nghĩa ở một bức ảnh in trên báo Quân Đội chụp các chiến sĩ thông tin đang trong phiên trực tổng đài điện thoại, mẹ cũng muốn tin như thế. Nghe nghe nói được ở trong binh chủng thông tin thì dù sao cũng đỡ hơn là ở bộ binh. Nhưng sáng hôm sau ngắm lại tấm hình cha lại lắc đầu bảo rằng không phải. Và rồi cứ buồn thiu đi suốt mấy tháng trời vì điều đó.

Từ ngày Nghĩa lên đường đi Bê, cha mỗi năm mỗi yếu, sức lực lạng lẽ hao mòn. Rồi vốn chỉ là một cái u nhỏ mà phát thành ung độc sưng lớn sau lưng. Bệnh viện thiếu thuốc thiếu giường, mẹ đưa cha về chữa tại gia. Mà với cảnh ngộ đau ốm cơ cực thế thì chẳng cần sơ tán về vùng quê làm gì, đành liều, hai vợ chồng già bên nhau bất chấp máy bay Mỹ. Bom nổ, nhà cửa rung chuyển, vôi trần rụng lả tả. Đường điện thành phố bị phá hỏng liên miên nhiều ngày, ban đêm tối đen, nóng nực, ngột thở. Mẹ thức quạt cho cha. Bị sự đau đớn hành

hạ, cha rộc rạc tiêu tụy, thuốc uống vào nôn ra hết. Nhưng đến tuần cuối cùng thì chừng như đỡ đau, gượng lên ăn được chút cơm và có thể ngồi dậy. Song suốt mấy ngày liền ông không ngủ. Ông nói muốn được thức trắng cho cho tới giờ nhắm mắt. Đêm xuống, mẹ pha cho cha một ấm trà rồi đỡ ông ra ngồi ở bên bàn kê của sổ. Trong bóng đêm của thành phố chiến tranh, cha chờ đón cái chết theo cái cách như vậy. Cha mất lúc rạng mai. Ông ngả người vào lưng ghế, nhẹ nhẹ nắm lấy tay mẹ và thì thầm gọi con, Nghĩa.

Tất cả những điều ấy chưa từng bao giờ mẹ viết trong thư gửi ra nước ngoài cho Tân và anh chị của anh. Sau này cũng không bao giờ kể ra lời. Vậy mà bây giờ nhận lấy chiếc rương này thì câu chuyện dài triền miên đêm này qua đêm khác, năm này qua năm khác mẹ đã kể với người con út, Tân lại phải đón lấy. *Khổ thân các con sinh ra gặp thời loạn lạc...*, lá thư ấy mẹ viết vào ngày cuối tháng Chạp năm 72. Đất trời bùng cháy, thành phố đổ vỡ, nhưng mẹ không rời Hà Nội. Hơi bom phá toang cửa kính, mẹ vẫn đêm đêm yên lặng ngồi ở chỗ ngày trước cha vẫn thường ngồi, và vẫn như hồi cha còn sống, mẹ pha một ấm trà để lên khay trên bàn giữa hai cái tách hạt mít. *Đêm qua bom rơi quá gần, thế mà cô bé Loan tăng dười lại chạy lên*

đây ngồi cùng với mẹ bên cửa sổ. Loan cùng lớp với con, còn nhớ không, Nghĩa? Loan sắp tốt nghiệp Đại học Quân y và cũng sẽ vào trong ấy. Nó nói vào đấy với con. Mẹ nhớ ngày con lên đường, cả con cả Loan đều còn nhỏ dại lắm, vậy mà nay Loan nó đã lớn phổng lên, một chiến sĩ xinh đẹp và can đảm biết nhường nào... Trước kia, đối với mẹ, sinh con trai con gái đều quý. Nhưng bây giờ nhìn cảnh bom đạn mù trời, mẹ nghĩ giá hồi đó con sinh ra được mang phận con gái thì hơn. Thời loạn thân gái cũng chẳng sướng gì, nhưng dù sao nếu phận gái thì chắc không đến nỗi bây giờ con biết âm vô tín. Mẹ biết chắc con còn sống, nhưng giờ đây con ở phương nào vậy con? Sao con lại có thể im lặng lâu như thế hở con? Không một bức thư, không một tin tức nhắn nhe nào cho mẹ, sao thế hở con, Nghĩa ơi?

★

★ ★

Nghĩa ơi. Tiếng gọi ấy là lời cuối của lá thư cuối cùng mẹ của Tân viết gửi người con trai út. Không còn lá thư nào viết vào những ngày tháng sau đó nữa. Có lẽ vì sau đó là năm 73, hòa bình. Anh chị em Tân lần lượt đổ đạt trở về.

Có những người con sáng giá như anh chị em Tân, mẹ là một bà mẹ hạnh phúc hơn bao bà mẹ khác. Nào ngờ mẹ không hề biết thế là hạnh phúc. Gương mặt mẹ suốt bao năm trời đến tận khi nhắm mắt xuôi tay luôn lẳng lẳng một vẻ chờ đợi âm thầm, rụt rè và vô vọng. May thay, cũng giống như những bức thư mãi mãi ở yên dưới đáy rương bên đầu giường mẹ, nỗi đau lòng của mẹ không bao giờ thốt nên lời, người ta không biết tới. Nồng nỗi thương tâm bất động của một người già có cái đáng quý là không làm ai phải để ý, bởi để ý tới thì không khỏi đau thắt trong lòng và không sao có thể bình tâm để yên ổn sống một cách dễ chịu cho nổi.

BẰNG CHỨNG

Hành động can đảm cứu người của thằng con út khiến Minh nẫu ruột, anh cứ nghĩ mãi và cứ buồn mãi. Vì rằng cậu ấm quý tử suýt chết, hẳn rồi, song không phải chỉ vì thế. Bữa đến nhà tôi chơi, kể chuyện đó và thổ lộ tâm sự, nom Minh quá mức đắm chìm, có lúc như người mất hồn.

Thằng Hùng con anh quả là gan dạ. Chiếc xe tải chở tổ công tác của nó đang vượt một con đèo vắng ở miền núi tây Quảng Nam giáp Công Tum. Tài xế loạng quạng sao đó làm đổ xe. Chiếc xe chỉ lật nghiêng bên rệ chứ không lộn nhào khỏi mặt đường, song một thành viên trong tổ ba người của Hùng lại bị văng xuống vực. May phúc làm sao, đã rớt tới lưng chừng vách núi thì cậu ta được một cành cây chìa ra níu lấy. Tài xế bị thương, chỉ còn Hùng và một người nữa, lại là phụ nữ. Thằng Hùng một mình bám gờ đá lặn xuống cứu thoát được người bạn đang lơ lửng vực sâu ngàn cây treo sợi tóc.

Hành động ấy dĩ nhiên là rất dũng cảm

song le lại cũng sự thường, rất nhiều người trong hoàn cảnh tương tự cũng sẽ làm như thằng Hùng. Điều khiến Minh sửng sốt, không sao tin nổi, ấy là độ cao của cái vách núi dựng đứng. Theo như lời anh bạn được Hùng cứu sống thì từ chỗ chiếc xe bị lật tới chạm đáy khe là hơn bốn trăm thước. Với một độ sâu rừng rợn như thế, đừng nói lần xuống, ngó xuống thôi thằng Hùng cũng không thể, Minh quá biết cái tật bẩm sinh ấy của thằng con. Nó bị chứng hải hùng độ cao. Không phải vì có bệnh tim, không có duyên do gì hết, chỉ cứ sợ, sợ khủng sợ khiếp vậy thôi. Từ nhỏ đã như thế. Luôn luôn ác mộng của thằng bé là ác mộng đang đứng mấp mé bên một cái gì đó thăm thẳm và dựng đứng. Nó không hét lên được, chỉ vì chết lặng trong cảm giác sắp ngã vào khoảng trống ghê rợn mà choàng tỉnh khỏi giấc chiêm bao. Lớn lên tật đó vẫn không mất đi, mà như càng ám ảnh. Không có chuyện thằng Hùng trèo cây hay nhảy cầu ở bể bơi. Nó không bao giờ ngồi lên bệ cửa sổ như bọn con trai vẫn thường ngồi như thế tán dóc với nhau. Thanh niên rồi mà nhìn trên tivi thấy người ta nhảy dù nó nhắm tịt mắt lại và mồ hôi rịn ra. Đến bây giờ mỗi lần phải lên máy bay là mỗi lần tự nó chịu cực hình và âm thầm chống chọi để không tỏ ra quá thảm hại trước sự bình thản của hành khách ngồi bên.

Ấy thế mà nó lại hành động như vậy. Nó giấu không kể, Minh biết chuyện là do cậu bạn được cứu sống đã cùng bố mẹ đến tận nhà anh để cảm ơn. Hôm sau, bố con trò chuyện, để thuận cho lời khuyên can, trước tiên Minh khen cái tinh thần vì bạn quên mình của thằng con. Nhưng nó lại lắt đầu bảo rằng điều xui khiến nó không phải là cái chết cận kề của bạn mà là chính cái vực thẳm. Nói năng chẳng bao giờ mạch lạc, thằng Hùng giải thích một cách rất khó hiểu giây phút liều mạng của nó, nhưng Minh hiểu, tai nạn xảy ra trên đèo đã cho thằng con anh một cơ hội tự nhiên, bất ngờ, không chủ ý để đối diện với nỗi sợ hãi đáng căm ghét đã hằng bao nhiêu năm chế ngự con người nó.

- Không phải vì muốn tỏ ra khiêm tốn mà nó nói vậy đâu, - Minh nói, xoay xoay ly rượu trên tay, giọng rầu rĩ - Mà là nó bộc bạch thật tình với mình thực chất hành vi của nó. Thằng Hùng từ bé đã luôn làm mình ngạc nhiên, ngạc nhiên quen rồi, nhưng cái lần ngạc nhiên này làm mình thật sự rối trí, thoát đầu choáng váng sau thì u uất buồn khổ không chịu được, đã bao nhiêu ngày rồi ông ạ.

Tôi nhìn về mặt Minh mà chẳng nhìn được cười.

- Ông sao vậy ông Minh, già lú lắm cảm rồi hay sao? Mạnh dạn đối diện với vấn đề của

mình, con cái nó ý chí được như thế là quá quý quá mừng. Không tự hào không hãnh diện về nó thì thôi, lại buồn khổ sâu nào là thế nào, cứ y như là đã nó làm điều gì xấu xa tồi tệ vậy.

- Ồ thì đành là thế, nhưng ý mình không phải vậy ông ạ, - Minh lúng túng tìm lời - Nghĩa là, đại khái mình muốn nói mình buồn bực vì rằng sao mà thằng con nó chẳng giống gì mình. Nó khác quá... Thoạt nghe người ta kể chuyện nó cứu bạn nó, từ trong thâm tâm lập tức mình tự hỏi : hồi bằng tuổi nó mình có làm vậy không? Bề ngoài thì có. Chẳng hạn, mình cũng đã từng cứu người... À, mà chuyện này ông cũng chứng kiến, hồi đi học sơ tán, ở dò Mễ Sở ấy, nhớ không? Thấy bà già đó bị ngã khỏi đò, mình liền nhảy xuống cứu. Chỉ một mình mình. Bạn bè mấy đứa đang cùng trên đò, có cả ông nữa, thì không. Nhưng chẳng phải mình gan anh hùng còn bạn bè là lù nhát. Chẳng qua vì mình bơi rất giỏi, tự biết thừa sức cứu được bà già, còn ông và các bạn khác bơi kém, lao xuống chết chắc, lao xuống làm gì... Cho nên cái cách của mình hành động hồi đó với của thằng con mình mới đây, càng ngắm càng thấy quá là khác nhau. Bố con mà hoàn toàn trái dấu, sao lại có thể như thế được cơ chứ?

Người ta nói chung không thích Minh. Một nhân cách rời rạc, cứng đờ và tẻ ngắt,

người ta cho rằng thế. Tôi cũng phần nào thấy như vậy, tuy nhiên vẫn quý anh, dù chẳng thân lắm. Hai chúng tôi chơi với nhau từ bé, lớn lên mỗi người mỗi cảnh song vẫn đều đặn đến với nhau. Minh không đến nỗi quá mức tẻ ngắt. Anh cũng có những nét riêng khá thú vị. Và đôi khi trong lúc chuyện trò tâm sự anh cũng bộc lộ những ý nghĩ không phải là không độc đáo.

- Không hiểu thế nào ông ạ, từ suốt bao nhiêu năm qua, hễ cứ nghĩ về chuyện gì liên quan đến tính nết của thằng con là mình lại có ngay câu hỏi : hồi bằng tuổi nó bây giờ mình có vậy không nhỉ. Và câu trả lời thường là không, mình không như vậy! Tại sao? Nó chuốc lấy cái tính ấy từ ai?

Tôi bật cười, tuy nhiên đã thoáng dậy một chút kinh ngạc

- Cái ông này! Bố gì mà lại đi băn khoăn lẫn thân thế. Con giống tính bố là dĩ nhiên, nhưng con khác tính bố cũng là dĩ nhiên.

Minh thở dài. Mặt không chỉ buồn bã mà sa sầm. Như vậy nỗi niềm sâu muợn của tay này không phải vô duyên vô cớ, mà là có nguyên nhân chủ đích chi đây, tôi nghĩ.

- Thằng con mình, - Minh nói - bản chất là nhút nhát, nhưng ngoài mình là bố nó chẳng ai nhận ra. Khi còn là thằng cu tý nó rất ít khóc ít cười, ông bà nội ngoại đoán là thằng này tư chất

cương nghị, riêng mình biết là không phải vậy. Nó nhát lấm, động tý là giật mình, là tè dầm ra, là mếu máo chực khóc, có điều hình như nó nghiêng rặng lại để không khóc. Từ đâu mà lại có kiểu đó chứ... Kia, ông đừng có cười, cứ để mình nói tiếp. Lớn lên, đi học, thằng Hùng lại bị mang tiếng là lý bướng. Với người lớn, với cả thầy cô giáo, nó chẳng biết đường chào hỏi thưa gửi cứ gằm mặt xuống, lý nhí, lúng búng. Thầy giáo hỏi bài, rõ ràng là trả lời được nhưng nó khăng khăng câm như hến. Ai cũng bảo nó gan cóc tía và hèn. Có phải đâu, trái lại, nó thế là vì nó nhút nhát, rụt rè, ai ai cũng làm cho nó ngượng ngập, e sợ. Thương con mà cũng rất bực. Không phải bực nó nhát, nhát có là lỗi lầm đâu. Mình bực là bực làm sao nó cứ cố ngược lại với bản tính của nó. Mình chẳng hề như thế, tại sao nó lại thế. Ông tưởng tượng được không, rất nhát mà nó rất hay đánh nhau. Đánh nhau với bạn học, với bọn ở lớp lớn hơn, rồi cả với bọn ngoài phố. Một dạo, ở cổng trường học luôn tụ bạ một lũ chuyên trấn lột học sinh. Bọn bạn thằng Hùng đứa nào cũng nem nẹp cổng nộp, thật ra cũng toàn thứ vật vãnh, giấy bút, tiền quà sáng. Nhưng thằng Hùng lại cố tình chống cự. Ngày nào cũng bị bọn kia đánh cho bươu đầu sứt trán. Biết chuyện, khuyên nó, nó không nghe, mình đành phải xin chuyển trường cho

con. Bực nhất là mình thừa biết con mình có hùng dũng gan góc gì hơn ai đâu. Và cứ nghĩ mà buồn là sao nó quá khác tính mình. Hồi đi học mình không những chẳng nhút nhát mà lại ngấm có vài thế võ được ông anh cả bày cho, nhưng chẳng bao giờ mình tham gia vào đánh lộn. Tôi không đụng anh, anh chớ đụng tôi. Hồi sang Liên Xô học mình vẫn giữ vững nguyên tắc ấy. Hồi đó chưa có bọn đầu trọc như bây giờ nhưng cũng đã xảy ra đánh lộn giữa sinh viên nước ngoài với bọn thanh niên đường phố. Không ít vụ trở thành to chuyện. Mình không hề can dự. Nhưng mình cứ thoải mái đi một mình ngoài phố, chẳng kẻ nào dám gây sự. Trong khi đó có mấy đứa bạn mình đã bị bọn lưu manh nện cho như tử lại còn bị Sứ quán đuổi về nước.

Bình thường đến tôi chơi Minh ngồi không lâu và dứt khoát từ chối rượu. Nhưng nếu đã có một chút gì đó tâm tư thì anh lại hết lý này tiếp lý khác. Và cứ nói mãi, nói mãi, không chịu dứt ra về.

- Có một chuyện, không đáng nhớ gì mà không hiểu sao mình rất hay nhớ lại. Khi đó thằng Hùng mới mười tuổi. Hai bố con đi dạo. Hùng muốn ăn kem, mình mua cho nó. Nó đứng ở vỉa hè Tràng Tiền, trong tay cầm cây kem, vừa định đưa lên miệng, thì một thằng

nhãi lớn hơn nó xắn tới giắt lấy chạy mất. Thằng bé ngớ người, ngơ ra, không hiểu. Có thể nói là lần đầu tiên đựng sự đời mà, nom thương quá, mình nắm tay nó bảo, thôi con, bỏ đi, để bố mua cho que khác. Mình chưa dứt lời, thằng con giằng tay ra, xông xộc đuổi lao theo thằng kia. Mình hét gọi nó và chạy theo nhưng không thể. Phố xá, ngã tư, đèn xanh đèn đỏ, xe cộ kìn kìn, thằng Hùng lao phứa qua, chạy mất hút. Ông hình dung mình sợ hãi đến thế nào. Hú hồn, chạy tới gần giữa phố Ngô Quyền, mình chạm ông con từ một con hẻm thất thểu bước ra. Nó nắm khư khư trong lòng bàn tay cái que lõi của cây kem còn dính một tỵ kem màu xanh. Chưa bao giờ mình nặng lời với con. Vậy mà khi ấy mình chộp lấy nó, quát mắng nó, đét đít nó. Về đến nhà vẫn còn đang đầy giận dữ. Đấy lần đầu hai vợ chồng mình cãi nhau khốc liệt. Cũng từ đấy cái ý nghĩ kinh khủng và vô lý ấy cứ càng năm càng lớn lên, cắm rễ sâu hơn trong đầu óc mình... Đến cái vụ gan anh hùng vừa rồi của thằng con thì mỗi nghĩ ngò đã thành dứt khoát, rành rành, hiển nhiên, ông ạ.

"Nhưng mà nghĩ ngò cái gì?", tôi định hỏi nhưng rồi thôi ngay, vì đã chợt hiểu ra điều Minh muốn nói.

Hai vợ chồng Minh Lan và tôi thuở học trò là bạn bè, cùng phố cùng tuổi cùng lớp. Với Lan thì tôi và cả Minh nữa hoàn toàn vô tư tình bạn bè, tuyệt đối không có thêm thắt gì. Học xong phổ thông, tôi nhập ngũ, còn Lan và Minh, người sang Nga người sang Đức. Sau chiến tranh trở về gặp lại nhau, tôi không hề thấy Lan đối với Minh có biểu hiện gì khác ngày trước. Tới khi nhận được thiệp mời đám cưới của họ thì tuy có phần ngạc nhiên nhưng tôi cũng thấy cặp này lấy nhau là đúng quá. Bởi tôi biết Minh mê mết Lan từ hồi cuối cấp III, và trải qua bao năm anh vẫn bền bỉ, dai dẳng chờ đợi Lan đáp lại tình cảm của mình. Cô đồng ý lấy Minh là hợp tình hợp lý.

Cho đến nay, như tôi thấy, thì Minh và Lan cũng như mọi cặp vợ chồng trên đời, sau nhiều năm chung sống có thể nói là họ hạnh phúc mà cũng có thể nói chẳng hạnh phúc gì. Một gia đình ổn định, thuận hòa tương đối, tầm tầm vậy thôi. Hẳn là không ít chuyện xảy ra, song được ẩn kín đáo trong nội bộ gia đình.

Con đầu lòng của họ là một cặp bé gái sinh đôi. Nhiều năm liền tôi thấy Minh có vẻ không được vui lắm về điều đó. Khi vợ sinh con trai, anh bộc lộ niềm vui sướng có thể nói là thái quá, nhưng cũng là dĩ nhiên thôi, ai chẳng thế. Có điều, hơi là lạ, suốt bao nhiêu năm qua

cứ nói về thằng con là Minh lại sung sướng khoe khoang cái sự nó giống anh y chang. Thì đúng là như thế, tôi có thể làm chứng. Nếu lược đi những sự khác biệt do chênh lệch mức sống giữa hai thế hệ, thì tôi thấy rõ ràng thằng Hùng những năm nó mười một tuổi, mười ba tuổi, mười lăm, mười sáu hay hai mươi tuổi vân vân, chính cốt là bản sao mặt mày bộ dạng của Minh hồi anh cùng những độ tuổi ấy. Nhưng thế thì có gì là đặc biệt đâu mà anh phải hãnh diện nhấn mạnh mãi như vậy. Tất nhiên là trước đây tôi chỉ lấy làm buồn cười thôi chứ không để tâm, song giờ thì tôi đã chợt hiểu vì sao Minh lại thế.

Bao nhiêu năm qua tôi giao thiệp với gia đình họ hoàn toàn chỉ theo nghĩa là một người bạn của anh chồng, quan hệ bạn bè ngày trước với cô vợ không còn dấu vết. Tôi không để tâm để ý nên không biết gì về Lan bây giờ nữa ngoài cái sự cô ta là vợ Minh, đồng thời cũng đã quên sạch những gì về Lan ngày trước.

Ngày trước, chúng tôi bạn bè một nhóm bốn đứa chứ không phải chỉ ba. Không chỉ gồm tôi, Minh và Lan, mà còn Tuấn. Tuấn "bột"!

Phải rồi! Tính nết của thằng Hùng qua những gì bố nó vừa miêu tả, chính là tính nết của Tuấn ngày xưa. Không phải vậy sao.

Con nhà cán bộ cao cấp, lại là con một,

Tuấn được cưng chiều tốt mức. Thành ra ngủ ngon, vụng dại và đại nhất. Có điều, giống thằng con của Minh bây giờ, hồi đó phải người thân thiết gần cận lắm mới biết Tuấn là thằng nhát. Còn ở phố ở trường người ta chỉ thấy một thằng Tuấn không có vụ đánh lộn nào mà không có mặt và thường xuyên bị già cho như đòn. Sở thấy sợ cô một phép nhưng lại lừng danh ương bướng. Và bởi vì là hạng con nhà nên vụng về lóng ngóng, song bị đao khăng xèng tuốt mo mọi trò của con nhà nghèo, Tuấn chơi tất. Đại khái nó là thằng như thế.

Tôi không biết Tuấn có bị tật sợ độ cao hay không, nhưng cái chứng sợ tiếng nổ thì hiển nhiên, nó chẳng giấu được ai. Từ lúc còn nhóc tỳ tới tận cuối lớp mười lớn ngọc rồi mà ba ngày Tết đi chơi với chúng bạn dọc các phố, Tuấn vẫn luôn trong trạng thái căng hết cả người và không ngớt giật mình thon thót. Pháo cối, pháo đùng, pháo dây và cả pháo tếp đều làm Tuấn sợ. Dĩ nhiên là nó gồng mình lên, không trốn trong nhà, không bịt tai, lại còn đua đốt pháo đua ném pháo nghịch pháo với chúng tôi, nhưng sợ thì vẫn hoàn sợ. Vào lính rồi, trận mạc mấy năm rồi vẫn vậy, vẫn sợ khiếp tiếng nổ. Thằng như thế mà từng nổi tiếng khắp trung đoàn là một tay súng B41 siêu hạng sẵn xe tăng.

Tôi và Tuấn nhập ngũ cùng nhau. Là con một nên Tuấn không thuộc diện, nhưng nó làm rất dữ dội với gia đình với khu đội để được mặc áo lính cho bằng được. Biết sức nó yếu ớt, biết tính nó nhát như cáy, sợ tiếng nổ, sợ máu, sợ chuột, sợ rắn, sợ đủ thứ từ gớm ghê đến vớ vẩn nhất, tôi ráo riết can, nó cũng sợ chực nện tôi. Cùng tiểu đội tân binh với nhau, thương nó vô cùng mà không thể đỡ dần gì được cho nó, một thằng công tử bột con ông cháu cha lần đầu nếm mùi khổ ải, bởi động vào giúp nó thì chết với nó. Trên dọc đường vào Nam cũng vậy, tôi chỉ có thể lẳng lặng nhìn nó vật lộn với bản thân nó qua từng chặng đường, con dốc, dòng suối, qua từng trận bom.

Vào tới B3, may sao, tôi và Tuấn được quân lực phân về cùng một đại đội. Đã thân, càng thân nhau hơn. Tuấn trưởng thành nhanh hơn tôi nhiều. A phó, A trưởng, rồi B bậc phó, B bậc trưởng chỉ sau có hai mùa khô. Tôi không hề ngạc nhiên. Khắp tiểu đoàn, rồi cả khắp trung đoàn, mọi người đều nói về Tuấn với niềm mến phục, thông minh, tháo vát, xông xáo năng nổ, và đặc biệt là sự kiên cường, lòng dũng cảm, tinh thần xả thân vì đồng đội. Nhưng tôi biết rằng không phải thế, đúng hơn là không phải chỉ thế, bạn tôi còn hơn thế nhiều, vì rằng anh không thay đổi, anh vẫn thế, vẫn Tuấn "bột" ngày nào.

Sau chiến dịch 72, Tuấn đi học nửa năm ở trường quân chính Mặt trận, rồi lại trở về đơn vị làm đại đội trưởng với hàm trung úy chính hiệu. Tôi thì trung sĩ nhưng đang tạm quyền chính trị viên phó, vậy là hai thằng càn sát cạnh bên nhau. Ngay trận đầu tiên sau ngày trở lại đơn vị, Tuấn đã thể hiện sự vượt bậc của mình về tài chiến trận và năng lực chỉ huy. Bình tĩnh, cứng rắn, phán đoán giỏi, quyết đoán nhanh, khôn ngoan, tinh táo, v.v... hơn hẳn trước khi làm C trưởng, ai cũng thấy thế. Còn tôi, sát cạnh bên Tuấn, tôi thâm biết anh vẫn vậy. Vẫn kín đáo sợ, vẫn âm thầm nhất, vẫn một mình triển miên chống chọi với cái bầm sinh yếu đuối trong bản thân mình. Một trái còi giáng xuống cho dù là thỉnh linh, với tôi và với nói chung lính tráng chỉ cùng lắm là giật mình, nhưng Tuấn thì căng thẳng tột cùng, gân cốt đờ cứng. Thậm chí chỉ một tràng tiểu liên thôi bắn xéo qua đầu cũng khiến anh phải vận đến bản lĩnh. Có điều tuyệt đối không ai ngoài tôi nhận thấy. Mà thật ra tôi cũng không thấy, chỉ cảm thấy thôi, bởi trước mọi tình thế Tuấn chưa bao giờ có bất kỳ một biểu hiện bề ngoài nào của nỗi sợ hãi và sự căng thẳng.

Tất nhiên là khó tránh được đôi lúc thấy buồn cười và cả những ý nghĩ giấu cợt nữa về bạn mình, nhưng tự đáy lòng, tôi yêu quý và

khâm phục Tuấn. Và tôi thương bạn vô cùng. Cùng một gánh nặng cực khổ và hiểm nguy của cuộc chiến, kẻ chẳng biết sợ là gì như tôi phải chịu đựng một, thì Tuấn phải chịu đựng gấp ngàn lần hơn. Phải cắn răng gồng mình lên hơn. Phải chịu nhọc nhằn và đau đớn nội tâm nhiều hơn tôi gấp bội lần.

Khi Tuấn về chỉ huy đại đội, cuộc chiến đã ở vào thời kỳ "sau Hiệp định". Gạo đạn cùng mọi tiếp vận hậu cần khác dồi dào và đều đặn. Thư từ cũng vậy. Ở đại đội tôi, lượt hàng quân bưu nào Tuấn cũng được thư. Và lượt nào cũng có thư của Lan, từ Đông Đức. Tôi cũng thỉnh thoảng nhận thư Lan. Cô biết tôi và Tuấn cùng đơn vị. Là viết cho tôi, nhưng trong những thư ấy, Lan cũng không thể giấu nổi, không thể kiềm chế nổi những lời thiết tha, những lời yêu thương nồng cháy dành cho Tuấn.

Hai người bạn họ lặng lẽ mến thương nhau từ lâu, nhưng mãi đợi tới ngày chia tay, Tuấn vào bộ đội, Lan ra nước ngoài mới dám cùng nhau ngỏ lời bày tỏ tình yêu và lời ước hẹn.

Sau ngày Tuấn hy sinh, thư của Lan gửi anh vẫn đều đều được chuyển về đại đội. Tôi xếp những bức thư không bóc ấy vào trong ba lô của Tuấn, cùng với bức thư trước, thành một chồng rất dày.

Tuy nhiên, tất cả những điều đó, cuộc đời, tính nết, nhân cách của Tuấn thì có liên quan gì đâu tới đời sống hôm nay của vợ chồng Minh? Làm sao một con người lý tính như Minh lại có thể nảy sinh trong lòng một mối ngờ vực hoang đường đến vậy về Hùng, một đứa con đã chào đời ở bên ngoài rất xa quá khứ mối tình đầu của vợ anh?

Hay là quả thật có tồn tại một mối liên hệ và ràng buộc bí ẩn giữa con trai của Lan với người cô yêu, dù người ấy đã hy sinh từ rất lâu rồi. Và vì là người chồng người cha nên Minh đã không ngừng bắt gặp những bằng chứng về mối liên hệ không thể nào có thật ấy. Không thể nào có thật nhưng bằng chứng thì nhiều. Có lẽ cả bằng chứng hiển nhiên nữa. Như là khi Hùng, đứa con trai nhút nhát của Lan gồng mình trấn áp nỗi khiếp sợ bẩm sinh, đối mặt với độ cao và vực thẳm để liều thân cứu bạn, đấy có phải là bằng chứng hiển nhiên?

CHUYỆN XƯA KẾT ĐI, ĐƯỢC CHƯA?

Theo con thì để cho ấm cúng lần này mời cơm gia đình Loan phía nhà mình chỉ nên nội bộ thôi. Tôi nói né ra thế, nhưng không trốn nổi, bị mẹ biết ngay ẩn ý.

- Con bảo vậy tức là định không có bác Lân chứ gì, phải không?

Lâu nay mọi sự nhà này đều do tôi quyết, ý của hai đứa em như vậy, của mẹ như vậy mà tôi không vậy là tôi gạt. Quyền huynh thế phụ, chủ định của tôi thường là miễn bàn, cả nhà nhất nhất thuận theo. Tuy nhiên cũng có đôi lúc chẳng hiểu tại sao tự dưng mẹ tôi lại giận.

- Mẹ nghe con nói mà buồn. Cư xử như vậy mà con đành lòng được à, hả con?

Mẹ khiến tôi ngại quá đi. Chuyện nào có đáng, lớn lao hệ trọng gì đâu, sao cứ phải làm cho sâu xa nặng nề ra.

- Kia mẹ, là con đang cân nhắc nên chẳng chứ đã dứt khoát đâu - Tôi lảng mắt tránh cơn bức của mẹ - Đúng là con dự tính không mời bác Lân, nhưng là vì con thấy việc này việc riêng nhà mình bắt bác ấy can hệ vào làm gì.

Với lại bây giờ thời buổi phiên phiên, một bữa cơm, mời hay không mời nhau là cư xử bình thường, không ai hơi đâu vì có thể mà phải cả nghĩ.

- Nhưng mẹ thì mẹ nghĩ con ạ. Mẹ chẳng hiểu cái thời buổi phiên phiên con bảo nó là thế nào. Có phải là thời buổi sống chẳng cần trước sau gì, thấy ai không còn ích lợi cho mình thì mình được quyền phiên phiên, rũ bỏ hết tất cả, không tình nghĩa không quan hệ gì với người ấy nữa?

Là giáo viên nhưng mẹ tôi tính ít nói, từ năm nghỉ hưu lại càng nói ít, ấy thế nhưng một khi đã nói thì lại cứ nói mãi, vừa chi ly vừa dài dòng kể lể, rất mệt. Ban đầu tôi chỉ định một lát thôi, ngồi uống trà với mẹ nghe mẹ trình bày dự trù thực đơn bữa cơm khách vào tối chủ nhật tới mời gia đình bên Loan, ai dè lại bị dẫn dắt đến những chuyện đạo lý với tình người. Đà này chưa chừng sẽ phải bấm bụng ngồi nghe mẹ thuyết đến vài tiếng nữa cũng nên.

- Nay các con đã lớn, hai em gái con đưa đầu đưa cuối đại học, - Mẹ tôi tiếp tục dài dòng - nhất là con đã trưởng thành, sớm thành đạt, mới ngoài ba mươi đã học vị, đã chức vụ với sản nghiệp hơn hẳn nhiều người, mẹ vui mừng hãnh diện, bác Lân cũng thế, có khi bác còn vui mừng hơn cả mẹ. Vì rằng sao hẳn con cũng biết.

Vì rằng bác ấy đã hứa với cha con trước lúc cha con nhắm mắt là sẽ hết lòng giúp đỡ mẹ nuôi dạy các con nên người... Mà con đừng vội khó chịu. Phải, mẹ biết, con đã tự lực, không dựa dẫm, tự mình vươn lên. Nhưng, con nhớ lại xem, những năm ấy cha con mất rồi hoàn cảnh nhà mình như thế nào. Không nhờ bác Lân thì nhà mình sao chuyển được từ ngoài quê vào đây. Không chuyển vào liệu con có được như bây giờ hay chẳng. Hồi đó bác Lân còn đang công tác đang chức vụ, dù chẳng to tát cao vồi, nhưng vẫn là nhờ tựa vào bác nên nhà mình mẹ góa con cô mà không phải khổ sở túng bấn. Mẹ được cấp đất cấp nhà, được nơi làm việc tốt, các con được nơi học hành tử tế. Bao nhiêu ân tình ơn nghĩa của bác Lân và bác gái với mẹ con mình suốt chừng bảy năm, con có còn nhớ không, mẹ thì mẹ mãi ghi lòng. Nói là ơn nghĩa nhưng không phải là hai bác làm ơn đâu con ạ. Mẹ nghĩ là sau ngày cha con mất, bác Lân đã chuyển cái tình máu xương đồng chí đồng đội sống chết có nhau giữa bác ấy và cha con sang thành ra là tình phụ tử ruột thịt đối với các con...

Tôi không hiểu ra sao nữa. Việc tôi đề xuất mời cơm ông thân sinh của Loan là một việc khó thuận, ngay chính tôi và Loan cũng thấy là làm khó cho mẹ vì chưa dám hỏi, chưa

có gì chính thức mà đã hai nhà qua lại như vậy, thì mẹ lại thoải mái và dễ dàng bằng lòng, ấy vậy mà chỉ vì một tiểu tiết không đâu, một người dưng nước lã lại bực bội, buồn giận, khó khăn với tôi là nghĩa thế nào?

- Mẹ nghĩ sau từng bảy năm tình nghĩa bác cháu như thế tình cha con như thế, vậy mà bây giờ lần này...

- Thôi được rồi mẹ ơi, thì mời! Có làm sao đâu ạ, sao mà phải lan man như vậy!

Bản thân tôi cũng giật mình bởi cái âm sắc gay gắt bất ngờ của những lời thốt kêu lên ấy. Mẹ tôi im bật, ngồi lặng.

- Con xin lỗi - Tôi nói, cụp mắt xuống - Chẳng là cái tính con cứ hay nóng ruột.

Im lặng hồi lâu, mẹ lên tiếng, giọng nhẹ nhàng, hỏi :

- Vì sao con lại thái độ như thế với bác Lân hở con?

- Thái độ gì đâu ạ?

- Mẹ thấy hết. Bác ấy thì hình như cũng đã cảm thấy phần nào, cho nên dạo này thưa đến chơi. Mẹ lo sợ là sẽ đến khi bác ấy nhận ra rõ ràng thái độ của con. Không phải chỉ là thái độ khinh khỉnh đâu... khi bác đến chơi, trò chuyện với con, con có cái giọng nói với cái vẻ mặt mà mẹ không tả được nhưng không chịu được, lạnh hết cả tim con ạ. Tại sao con lại thế?

Tôi có thể mạnh miệng át lời mẹ trong mọi lúc, nhưng khi mẹ đã tức mình giận lên thì tôi chỉ đành thúc thủ.

- Thì mẹ biết tại sao mà...

- Mẹ không biết! Làm sao mẹ hiểu được cái thái độ ấy của con.

- Bác ấy lắm cảm lắm, sắp lẫn rồi, không lẽ mẹ lại không nhận thấy.

- Đừng có nói thế con.

Tức khí lại trào lên, biết là đang cao giọng với mẹ mà tôi không kìm được:

- Con chán quá rồi những cái chuyện cũ mềm bác ấy kể. Mẹ chắc cũng chán giống như con thôi. Ai mà không chán. No ứ tận cổ, ngấy tận mang tai! Mỏ đường năm năm chín hay chín chín chín gì đó. Rau tàu bay ăn trừ cơm. Rúc dưới đáy rừng sâu quanh năm không được nhìn thấy nắng. Vân vân và vân vân. Toàn những chuyện lỗi thời như quả đất mà đi đâu cũng kể, gặp ai cũng kể, vin mọi lý do để kể, mặc kệ thiên hạ đã chán hay chưa, muốn nghe hay không. Thật đúng là người lính già đầu bạc kể mãi chuyện Nguyên Phong! Chính nhà mình đây là khổ nhất vì được bác ấy quan tâm nhất. Mẹ thuộc lâu, đúng không! Con thuộc. Con Liên con Lý thuộc. Mẹ cần con tụng lên không?

Mẹ sững lặng nhìn tôi, nhưng tôi không thể ngừng, phải nói đến cùng cho cạn cơn:

- Mẹ mắng con có thái độ này khác. Nhưng mẹ không thấy là con tài chịu đựng tới chừng nào hay sao. Mười mấy năm ròng cứ chuyện với bác ấy là chuyện ấy, đến dần cả người! Thế mà đã bao giờ con có một lời nào làm mất hứng của bác ấy đâu ... Có điều, sức người có hạn. Con sợ lắm rồi. Phen này rõ ràng tai hoạ. Thì mẹ thử hình dung hộ con : bố của Loan, như con đã thưa trước với mẹ rồi đấy, là sĩ quan cấp tá, năm năm ra Bắc vào Nam học tập cải tạo. Ông chú cô ấy cũng sĩ quan, tử trận. Anh trai thì vượt biên. Vậy mà ông bác tình như phụ tử của con cứ động nói tới vinh quang thời các ông ấy đánh nhau là lại *ta* lại *nó*, lại *chúng* lại *thằng*, *thằng* Mỹ *thằng* Ngụy. Hai nhà gặp gỡ làm thân mà bám bó chuyện trò kiểu ấy mẹ bảo con còn mặt mũi nào, biết đảng nào độn thổ?

*

* * *

Bữa cơm tối chủ nhật mời bên nhà Loan, tôi mất cả tuần cân nhắc tính toán chỉ đạo từng ly từng tý, để mẹ và các em thực hiện.

Thịnh soạn, lịch sự. Một bữa cơm hoàn toàn xứ Bắc, tất cả đều là các món đặc thù ngoài kia, nhưng không riêng mâm ra mà mọi người cùng quanh bàn tiệc. Bàn tiệc trải khăn

trắng tinh và thấp bạch lập. Đũa mun, bát đĩa gốm Bát Tràng, nhưng ly tách thì pha lê Tiệp. Khăn ăn, giấy thơm. Nhạc phụ tương lai là người đặc biệt kiêu xua dân Hà Thành song cũng rất phong cách Tây phương, thêm nữa có ông anh của Loan ở Mỹ về chơi, nên tôi muốn một sự pha trộn như thế. Cũng rất sợ bác Lân sẽ nhận xét này nọ, nhưng thật may là bác tỏ ra hài lòng.

Sau có một hai tháng không gặp tôi thấy bác Lân xẹp đi hẳn. Nhưng nếu không phải người quen thì không thấy ngay được là ông đau yếu bởi niềm vui đầy rạng gương mặt ông đã làm mờ nét suy sụp. Ông không diện đại cán và tới bằng xe ôm như mọi bữa mà vận comple và vẩy hẳn taxi. Mặc dù cổ còn cà vạt, áo vét giày da làm dáng vẻ của ông thêm cần cỗi và cứng nhắc, nhưng khiến tôi an tâm, bởi như vậy là ông đã hiểu buổi tối nay rất cần sự trịnh trọng. Chắc là nhờ mẹ. Từ bữa trước nghe tôi bộc bạch to tiếng nỗi lo lắng mẹ đã hứa là khi qua mời bác Lân sẽ lựa lời nói để cho bác ngầm hiểu được tính nhạy cảm của không gian bữa tiệc.

Tôi thấy bộ âu phục còn làm đổi mới cả ngôn từ của bác, lời lẽ của bác lúc thoát đầu xã giao như được phủ lụa. Từ cái bắt tay, lời chào hỏi, lời mời rước đến những lời trò chuyện mào

đầu về thời tiết sức khỏe này nợ với ông thân của Loan bên bàn trà trước lúc vào mâm, bác Lân đều hết sức đúng điệu, nhã nhặn mà vốn vãi, ân cần một cách lễ độ. Nhìn hai ông lịch thiệp với nhau, tuy khách khí nhưng không gượng gạo miễn cưỡng, tôi nguôi đi nỗi sợ lúc thoát đầu. Mừng nhất là thấy vẻ mặt ông thân của Loan càng lúc càng tươi tỉnh và thoải mái hơn. Tôi đã rất lo sợ lường trước rằng ông ấy sẽ bị những cái cung cách phản cảm của bác Lân làm cho khó chịu. Nhưng có vẻ là mọi sự đã được khởi đầu thật tuyệt.

Lạ thay, bác Lân và nhạc phụ tương lai của tôi đã sớm hợp chuyện. Hai ông cùng lược bỏ dần những lời khách sáo. Hai ông hóa ra không chỉ cùng là Hà Nội gốc mà còn ngày xưa nhà gần nhau, một ông Hàng Bông một ông Hàng Dẫy, năm 1954 đang cùng là học trò trường Sinh Từ, lớp trên lớp dưới, bây giờ lại cùng cảnh về già lẻ bóng, vợ mất, con trai không ở gần. Trước giờ tôi chưa hề nghĩ ông thân của Loan lại có thể có lúc trò chuyện giản dị và cởi mở thế vậy.

Phải gần hai năm quen Loan yêu Loan tôi mới lần đầu vào được bên trong ngôi biệt thự kín cổng cao tường của gia đình nàng. Và phải rất lâu sau đó nữa, bố của Loan mới lần đầu hạ cố vào phòng khách chia tay cho tôi, nói với tôi

đôi câu hỏi han này nọ. Tôi rất e ông. Mặc dù qua lời Loan nói lại tôi biết mình được lòng ông, càng ngày càng được lòng hơn, song vẫn không tài nào tôi thắng nổi nỗi e sợ. Tôi thấy ông quá thâm trầm, quá khó hiểu, kín như bưng. Bề ngoài dường như ông rất thoáng, một tính cách tự do trí thức, khoáng đạt, lịch lãm, phong lưu, và không câu nệ, song sự thực ông lại là người hết sức cũ xưa, chặt chẽ và khắt khe. Sự tương phản khó nhận thấy ấy ở ông bố thể hiện rõ ra ở cô con gái. Con nhà giàu, phong cách hiện đại, nhưng đồng thời Loan cũng một cô gái hoàn toàn nề nếp kiểu xưa.

Bây giờ, việc tôi mời được gia đình Loan tuy là cả một bước dài đột phá nhưng với điều kiện là mọi sự phải hoàn hảo. Nếu như trong buổi đầu gặp gỡ hai nhà mà phía gia đình tôi có cái gì đó cộm lên làm phật ý bên gia đình Loan, nhất là có cái gì đó khiến bố nàng, anh nàng thấy chướng, thấy lố thì đổ bể là cái chắc, con người tôi trong mắt họ sẽ coi như là zê rô.

Ý nghĩ đó như hồi chuông báo động. Tôi giật mình, tôi đã quên mất. Tối nay cần sự khách sáo xã giao để làm quen bước đầu giữa hai nhà chứ đâu cần tâm tình cởi mở. Cởi mở có nghĩa là mở đường cho những câu chuyện của bác Lân. Tôi hốt hải giục mẹ, giục Loan, giục hai đứa em bày biện tiệc tùng mau tay lên. Tôi

xen ngang câu chuyện của hai ông già, rồi rít mời họ vào bàn.

Nhưng ngay từ đầu đã có tình huống ngoài dự kiến. Tôi đã chủ động sắp xếp chỗ, bác Lân cạnh Loan, anh trai nàng cạnh mẹ tôi, tôi cạnh ông thân nàng, có hơi rối một chút, nhưng giãn được hai ông già ra xa nhau. Không ngờ chính bố Loan lại bảo để ông ngồi bên bác Lân. Tôi sợ quá nhưng không biết làm sao, đành phải thế.

Rất may, ngồi bên tôi, anh trai của Loan vào bữa là chăm chú ăn tích cực uống chứ không buộc tôi phải chuyện. Tôi chẳng bụng dạ đâu mà hầu chuyện anh ta. Chỉ có thể giả vờ cầm dũa giả vờ nâng ly mà thôi, cả người tôi căng lên, gần như nín thở, lắng nghe từng lời trao đổi giữa các phụ huynh ở phía bên kia bàn. Nhưng rồi tim tôi dần dần đã nhịp bình thường trở lại. Hai ông già và mẹ tôi nữa, đều rất vui, họ cùng thoải mái cụng ly, mời nhau uống, ăn. Họ nhâm nhi trò chuyện. Mà vui chuyện nhất lại là bố của Loan, ông uống nhiều và thậm chí nói to cười lớn. Bác Lân tất nhiên cũng uống nhiều, nhưng thỉnh thoảng mới nói. Họ ôn chuyện xưa với nhau, nhiều chuyện, có điều không một lời nào đụng chạm đến chiến tranh giặc giã lính tráng. Chỉ những kỷ niệm phố xá Hà Thành, trường học, bạn bè thuở thiếu thời

của họ từ tận những năm nào năm nào xa lắc xa lơ. Cảm thấy vững dạ, tôi an tâm quay sang với ông anh của Loan, tiếp thức ăn, tiếp rượu, tiếp chuyện. Vẫn dễ nữa tai đề phòng, nhưng rồi xao lãng dần.

Anh trai của Loan sống ở New York, làm việc cho hãng Dell máy tính. Anh trở lại nước lần này lần đầu nên chưa đưa vợ con về cùng. Giống như nhiều ông trí thức Việt Kiều khác, dưới cái vẻ lơ ngơ vụng về là sự lịch lãm và hiểu biết rộng, sau tiếp xúc ban đầu hơi gượng gạo là thái độ đối thoại thân thiện và chân thực. Tiếng Việt còn lụng lụng song chuyện của anh thú vị. Anh dí dỏm trả lời những thắc mắc của tôi về nước Mỹ. Anh cũng kể và hỏi tôi đủ thứ chuyện mà anh thấy là lạ đã gặp trên dọc đường du lịch xuyên Việt. Vui vẻ trò chuyện thù tiếp anh trai Loan, đến gần cuối bữa tiệc thì tôi đã hết hân căng thẳng, hoàn toàn thả lỏng mình,

Nào ngờ điều tôi ngay ngáy lo sợ lại ập đến vào những phút cuối ấy và đến đã từ ông anh của Loan. Tuy nhiên, nói cho đúng là từ tôi. Bởi chính tôi đã khơi mào, chính tôi đã đại dột hỏi anh thăm thú được những đâu khiến anh liệt kê ra những điểm du lịch ở Hà Nội, ở Quảng Ninh, ở Lào Cai, ở Vinh, ở Quảng Bình. Đến đoạn đó lẽ ra phải ngăn anh ngay thì tôi lại không... Anh ta kể tiếp rằng ở Quảng Trị anh ta

đã vào thăm Thành Cổ, lên nghĩa trang Trường Sơn và tới cây số Không đường mòn Hồ Chí Minh.

- Anh nói cây số Không là nói cầu Đắc Rộng phải không? - bác Lân từ phía bên kia bàn nói xía sang, vẻ quan tâm, giọng hào hứng - Cách tính ấy chỉ là một trong nhiều cách tính khởi điểm đường "Năm năm chín" mà thôi anh bạn trẻ ạ! Thực chất điểm xuất phát của con đường vận tải chiến lược vào Nam là ở tỉnh Hòa Bình. Vào năm *một chín năm chín*, tôi...

Tôi điếng người. Vậy là quá khứ của ông ấy đã có lý do để lên tiếng. Ông ấy đã có được điểm tựa cho cái đòn bẩy.

- Bác say rồi! Thôi đừng uống nữa! - Tôi hét lên.

Thực ra tôi không hề hét, giọng tôi bình thường, tử tế, nhẹ nhàng, chỉ từ tốn là một lời can ngăn mà thôi chứ có gì đâu. Vậy mà cả phòng như hóa đá. Loan và hai em tôi đang nói cười khúc khích với nhau tức thì im bặt. Ông bố Loan đang nói dở chừng câu chuyện gì đó với mẹ tôi dừng khựng. Và không hiểu thế nào cả loạt cây bạch lạp trên bàn cũng tự dưng tắt phụt.

Mẹ tôi không thấp lại các ngọn nến mà rời ghế đi tới bên tường bật công tắc cho bừng sáng lên tất cả những đèn điện trong phòng. Tôi vội

tránh cái nhìn của mẹ.

- Ôi cái anh chàng này! - Bác Lân cả cười - Anh lo cho cái bao tử của bác à? Không sao hết, nó được bọc thép rồi. Mà biết không, hồi xưa, rừng sâu Trường Sơn, ở đơn vị bác và bố anh lắm khi thuốc men chẳng có, rượu là thứ duy nhất để chơi với sốt rét đấy. Rượu ấy cây nhà lá vườn, chúng tôi ủ lấy nấu lấy mà ác chiến còn hơn cả cái thứ vốt ka Thụy Điển này. Nói là chúng tôi, nhưng chỉ ông xã chị Yến, bố mấy đứa này đây, biết nấu và được phép nấu thôi bác ạ, - bác Lân cụng một ly nữa với ông thân của Loan - anh ấy là y sĩ tiểu đoàn tôi, anh ấy mày mò tìm ra được công thức đặc biệt để làm men. Dây cóc, vitamin B1 và C, ớt chỉ thiên với gì đó nữa bí quyết riêng của anh ấy, thành một thứ na ná men lá đồng bào nhưng hiệu suất hơn nhiều. Cũng là rượu sắn nhưng nhờ thứ men ấy mà rượu anh ấy cất, lính uống vào thổi bạt trùng sốt rét...

- Thưa, nhưng vì cớ sao mà quân đội miền Bắc lại không có được tiếp vận quân được? - Ông anh của Loan hỏi ngơ ngơ.

- Có chứ, nhưng đường vận chuyển liên tục bị đánh phá nên lắm khi ngay cả đạn cả gạo chúng tôi cũng bị cạn hết cả. Tất nhiên bọn Mỹ không thể chặn được hoàn toàn đường dây Năm năm chín, nhưng chúng có thể... ừ dứt tạm thời

từng đoạn. Thì chúng là siêu cường mà, thừa hỏa lực và quân lính để gây khó khăn cho ta.

- Dạ phải, chú Vinh, là em ruột cha tôi đây, cũng nói vậy. Nhớ hồi tiểu học có lần tôi được chú cho giò phong lan đẹp tuyệt hảo. Chú nói mang về từ núi Trường Sơn, nơi chú mới nhảy toán để cản đường Bắc Việt xâm nhập. Kỳ đó chú được gắn bội tinh. Nhưng kỳ sau chú đi mà không có về. Nghe nói tàu trực thăng chở chú với mấy người cùng toán bị bắn rớt.

- Đấy gọi là những người lính thám báo hoặc là biệt kích. Bọn Mỹ huấn luyện họ thành lực lượng tinh nhuệ thiện chiến, rồi thì đẩy họ đi đánh phá hậu cứ của quân ta.

- Em tôi thì đại khờ, thiện chiến với ai, "nhảy toán" gì nó! - Ông thân của Loan nói, thở dài - Không vào được đại học phải đi Thủ Đức, và số rui, măn khóa phải ra vùng Một. Rồi, cùng cả vạn mạng người bị đưa qua thí bên Lào, hồi Lam Sơn bảy trăm mười chín. Thật là cùng cực tội nghiệp...

- Vâng, đúng, một cuộc hành quân nướng người, đúng là họ bị thí, nghĩ cho cùng thật đáng thương - Bác Lân nói, giọng hơi trầm xuống, cái giọng để *vào chuyện* - Được dự chiến dịch ấy, chứng kiến nhiều thảm cảnh của quân lính bên địch, nhiều lắm, nên tôi hiểu bác ạ...

Đầu tôi như hóa gỗ. Lời của bác Lân,

giọng của bác ấy lừa vào tai tôi, ra khỏi tai tôi. Chuyện đã có đà. Bác ấy đã vào nhịp. Đây là những chuyện đã kể đi rồi kể lại hay những chuyện mới chỉ kể vài lần, hay những chuyện chưa bao giờ kể, tôi chẳng biết nữa. Tôi ngồi. Đờ đẫn. Bất lực.

Loan cùng hai đứa em tôi lẳng lặng thu dọn bàn ăn, rồi bày hoa quả bánh trái, pha trà, rót trà ra tách. Rất nhẹ tay, hầu như không một tiếng lách cách của chén bát ly tách.

Một vài lúc bỗng không nghe giọng của bác Lân nữa, nhưng tôi chưa kịp mừng thì hoặc là bác ấy sau khi nhấp môi tách trà đã lại cất tiếng, hoặc anh trai của Loan, như thể muốn khăm tôi, lại hỏi han gì đó làm mở ra thêm một ý và tiếp thêm sức cho dòng ký ức vô cùng tận của bác Lân tuôn chảy. Thực tình tôi không hiểu nổi. Anh ta là dân máy tính, lại dân Mỹ, anh ta cần gì ở ba cái chuyện từ đời tám hoánh ông bác tôi và ông bố tôi đánh nhau với người Mỹ ở những chỗ này chỗ nọ, trận nọ trận kia? Bỏ béo gì cho anh ta cái việc hàng rào điện tử mắc-na, mắc-hồng chì đỏ của quân Mỹ bị phá toang mà phải mãi mê làm vậy?

Tại sao mọi người cứ im lặng buông theo, tại sao không mặc kệ bác ấy kể bác ấy nghe? Tại sao mẹ tôi không thương tôi mà nói lên một chuyện gì đấy khác để tài để làm lạc hướng bác

ấy và để cứu mọi người, nhất là cứu ông bố của Loan ra khỏi cái luồng mạch nẫu ruột chuyện xưa tích cũ của bác ấy? Tại sao Loan, tại sao hai đứa em tôi không vui vẻ cười đùa lên đi? Tôi những muốn rên. Làm sao bây giờ. Làm sao cứu vãn tình thế, vớt vát lại được buổi tối quan trọng này.

Trong phòng, trừ bác Lân và ông anh của Loan, có lẽ mọi người đều thấy rõ là tôi đang khổ sở đến thế nào. Nhưng rốt cuộc chỉ có mỗi cái Lý, em gái út của tôi là chịu lên tiếng cứu ành nó. Tranh thủ một phút bác Lân tạm ngưng, Lý lấy giọng tươi rói kêu lên :

- Bác ơi bác, bác kể chuyện bác với bố cháu vào giải phóng dinh Độc Lập đi ạ!

Con bé không dám đòi hỏi chấm dứt, nó chỉ khôn khéo đề nghị bác Lân nhảy cóc để đưa con đường chiến đấu dài lâu của bác ấy mau chóng thẳng tới đoạn kết. Không hiểu có phải thật ý con bé thế không, nhưng tôi cứ chộp lấy. Tôi ra bộ nạt nó, nạt nhẹ thôi, nhưng thâm ý.

- Thôi đi cô! Đây có phải chỗ để giảng lịch sử từ đầu chí cuối cho cô nghe đâu hả?

Tôi nhìn quanh bàn, nhưng không nhìn ai hết, và nói tiếp, cố một giọng thật vui vẻ nửa cười cợt :

- Về cái món quá khứ nước nhà thì mấy cô nàng U 20 này bị cả nước người ta kêu. Chẳng

biết cái gì cả. Lăn lộn lung tung. Nên bị đài báo, bị tivi, bị các thầy cô giáo, bị các cụ lão thành mắng cho suốt. Nhưng mà nghĩ cũng khổ cho các cô ấy. Tuổi trẻ học hành, ăn chơi nhảy múa, ngóng nhìn tương lai, tại sao lại cứ phải thuộc nằm lòng những sự tích xưa xưa chẳng liên quan gì tới mình?

Gặp ánh mắt mẹ nhưng tôi quyết không nao núng, tôi phải xoay chuyển cho bằng được tình thế của tôi nay, buổi gặp mặt quan trọng này không thể để cho bác Lân phá hỏng!

- Không cứ 8X, 9X, U20 mà cả lứa U40, U35 bọn con cũng đã quá chán chê mê mỗi với cái thực đơn một món truyền thống hào hùng phải tắm bổ từ tám bé đến giờ chưa thôi. Vâng! Những chuyện bác đang kể đúng là rất hay, chúng cháu rất thích, - tôi cả quyết nhìn vào bác Lân - có điều, nay đã đầu tháng tư, nên chỉ nửa tháng nữa thôi, những chuyện bác vừa kể sẽ lại vang vang khắp chốn cùng nơi suốt nửa tháng trời cho tới tận sau ngày Ba mươi. Năm nào mà chẳng thế ạ! Không chỉ tivi, với báo với đài, ngay cái loa phường bắc nơi đầu ngõ kia cũng âm âm khí thế tiến công hết sáng qua trưa đến chiều...

Thoáng lướt các nét mặt tôi thấy Loan, thấy ông anh Loan, thấy mẹ, thấy Liên, thấy Lý đều muốn nói, định nói, song tôi chưa

muốn nhường lời cho ai hết, tôi cần nói nốt mạch của tôi.

- Đúng! Nhờ có các cụ mà có ngày hôm nay. Nhờ các cụ trọn đời hy sinh, vất vả, gian khổ, thất lưng buộc bụng, núi xương sông máu mà bọn hậu sinh mới được hôm nay ăn nên làm ra, nhà cửa, xe cộ, tiền bạc, du lịch trong ngoài, vân vân. Biết chứ! Ai mà không biết ạ! Nhưng xin hãy để cho con cháu được thoải mái vui hưởng, sao cứ bắt mang mãi phải canh cánh gánh nặng ơn sâu. Mà đâu phải bọn con không biết đường đền ơn đáp nghĩa... Như là của công ty của con, chưa phải ketch xù gì, mà đã hàng tỷ bỏ ra cho nhà tình nghĩa, cho từ thiện các đối tượng thương binh liệt sĩ, chất độc da cam, bà mẹ anh hùng. Các công ty khác cũng vậy. Mà bọn con có nói gì đâu, có kể lẽ gì đâu!

Tôi thở mạnh. Tôi thực sự xúc động, ngừng nói, nhìn mọi người.

Một nỗi im ắng đặng đặc và ngọt ngào đè xuống khắp phòng.

Cái đồng hồ quả lắc trên tường điểm chuông. Có cảm giác như mọi người nín thở chờ dứt tiếng chuông.

- Bác xin lỗi anh, - bác Lân nói khe khẽ, thở dài - bác vui chuyện cũ nên quên mất đã là ngày hôm nay.

- Kia, bác, sao bác xin lỗi, - tôi vội nói -

Chuyện bác rất thú vị, cháu rất thích nghe. Có điều, hôm nay ta nói đề tài khác đi ạ. Chuyện xưa, mình tạm kết ở đây đi, tạm khép lại đã ạ.

Bỗng dưng, mẹ tôi bật khóc. Tôi cũng ngừng người.

Ông thân của Loan có vẻ muốn nói điều gì với mẹ tôi, nhưng ông không nói. Bác Lân, Loan, các em tôi cũng chẳng ai lên tiếng an ủi gì mẹ tôi cả. Cứ để cho mẹ tôi như vậy, tăm tức khóc, phá tan hoàn toàn buổi tối của tôi.

ĐÊM TRỪ TỊCH

Đời bộ đội của tôi đã bước những bước đi đầu tiên trong các cánh rừng cần cỗi vùng Bãi Nai. Ba tháng trời dãi gió dầm mưa trên thao trường đã giúp chúng tôi gột sạch mọi tàn tích của nếp sống thị thành và trụ vững bản thân mình vào đội ngũ. Chúng tôi tập đeo gạch hành quân, tập lăn lê trườn toài, tập nín thở bóp cò, tập bám trụ chiến hào, tập vọt tiến tấn công, tập đâm lê, tập quăng lựu đạn, tập nhồi bộc phá, tập tuân lệnh chỉ huy và tập bền bỉ chịu khổ. Kịp tới tháng chạp, gần cuối năm âm, khi mà các đôi cây lúp xúp bên bờ sông Đà lấm chấm bóng hoa đào nở sớm, cán bộ quân lực các binh đoàn tấp nập về Bãi Nai nhận lính mới.

Một số vào pháo cao xạ, một số vào pháo đất, vào công binh, vào hải quân, một số khá đông sang hậu cần đi học lái xe bổ sung cho 559, nhưng mà hùng hậu nhất vẫn là chúng tôi, lực lượng được phiên chế về các sư đoàn bộ binh. Vinh dự này khiến nhiều tay sợ vãi linh hồn. Tiểu đội tôi có thằng Nhu "mất lươn" đã lẹ chân *tút* ngay trước hôm đơn vị hành quân rời

Bãi Nai. Nó với một thằng nữa, khác đại đội, khăn gói phởi khởi doanh trại lúc nửa đêm, đúng vào phiên tuần tra của tôi và Hành "min tu".

- Thằng Nhu! - Tôi hét - Thằng chó, mày tút hả!

- Lạy Chúa tôi! Thằng Nhu với thằng nào kia hở mày? Tút gì mà tút ngu thế! - Hành nói to, lia tránh luồng đèn pin khỏi lùm cây mà hai gã đào binh đang núp. Tôi giật AK khỏi vai.

- Đừng mày! - Hành chộp nòng khẩu tiểu liên trên tay tôi, đẩy chúc xuống.

Hai thằng nọ vùng chạy. Chúng bỏ đường mòn rào rào rẽ cành lá lao thục mạng vào rừng. Một hồi lâu sau vẫn còn nghe từ trong rừng vọng ra huỳnh huých tiếng chạy rất nặng chân của hai thằng chết nhất.

Hành móc bao thuốc, dúi tôi một điếu.

- Thấy kệ chúng nó mày ạ. Ngủ chúng nó tút sớm ngày nào thì cả cách mạng cả anh em mình được nhẹ mình ngày nấy, thật đấy.

Hành khum bàn tay lại xòe diêm. Khuôn mặt anh hiện lên gầy guộc, xấu xí, nhằng nhịt nốt rỗ đậu mùa.

- Tao lạ gì nó. Nó là hạng con nhà nên được chiều hết nê. Những thằng sướng quen thân thương nhất như cây. Thằng Nhu vẫn mòng vào cảnh vệ gác các dinh thự ở Hà Nội.

Giờ phải sung bộ binh đi bê, nó hãì là phải.

Tôi chẳng nói gì. Hành khạc rõ to, rồi ho.

- Tam Đảo bao bạc mà mốt mảy ạ, - Anh nói - Bao thuốc này thằng Nhu kỷ niệm tao đấy. Nó hỏi tao gác phiên nào. Biết tao từng hai đợt đảo ngũ nên cả ngày nay nó cứ tỷ tê rủ tao cùng tút. Thực tình tao cũng muốn can nó, nhưng mảy biết đấy, tai tiếng tao thế, can được ai. Dành là nín lặng. Mới lại cũng thương tình nó. Mỗi đứa mỗi cảnh. Bố mẹ nó cao sang nhưng lại có mỗi nó nên cần nó nổi dãi. Còn cảnh nhà tao thì mảy biết đấy, sau tao còn cả bảy em trai đủ giữ giống nhà. Tao ra đi lần này là vì tương lai chúng nó. Hôm nhận giấy gọi nhập ngũ cùng với bọn mảy, tao hỏi bố tao rằng lần này quá tam ba bận rồi, không biết con có nên tút như hai lần trước nữa hay không, hay là con nên ra đi nghiêm chỉnh, bao giờ giải phóng miền Nam xong thì mới trở về? Bố tao bảo, tùy con vì đấy là sự sống chết của con. Nhưng mà nếu lần này con không trốn nữa thì các em con, nhất là con Cúc con Đào đến trường đến lớp không phải hổ với chúng bạn. Đã phận con nhà nghèo, lại còn tai tiếng bởi thằng anh thì làm sao ngóc đầu lên. Mẹ con đã phải sớm về châu Chúa cốt để các em con chúng nó được sinh ra, được ban phúc lành, học hành tử tế, vui hưởng cõi đời này, bố tao bảo tao thế.

Bà mẹ của Hành sinh thời là hộ lý ở Cây đa Nhà bò. Thạo nghề đỡ đẻ nên bà đẻ thật nhiều. Hành với ba thằng em trai và hai con em gái. Hai đứa con gái là cặp sinh đôi, chúng vừa khóc chào đời đã phải mồ côi mẹ. Mồ côi, nhà nghèo nên mặc dù hơn tới năm tuổi học vấn của Hành thua xa tôi, anh chỉ leo được hết lớp bốn. Lũ em trai của Hành cũng vậy. Bốn anh em một đàn lông nhông thất học nai lưng làm lụng kiếm cơm nuôi hai đứa út. Deo phích chạy bán kem que dọc các phố, rồi bơm xe đạp, gánh nước thuê, bổ củi thuê, rồi đẩy xe ba gác. Ông bố của Hành thì chuyên nghiệp làm lao công. Thời Tây, ông hầu việc nhà thờ. Sang thời ta, nhà chung hiến một phần dinh cơ cho nên giáo dục phổ thông, ông bố của Hành từ chân kéo chuông chuyển ngành sang gõ trống. Hàng ngày, như xưa, ông lo quét tước dọn dẹp sân xướng phòng ốc và lo cầm chịch giờ giấc. Ông thúc trống báo giờ vào lớp, giờ ra chơi và giờ tan học. Ông tên Cà song người ta cứ quen gọi ông là ông Phao Lồ. Các con ông cũng vậy, mỗi đứa có một cái tên tây dẫn trước tên ta. Giảng, Mi Sen, Mác, An Na, Xô Phi. Còn Hành, hình như ngay cả trong sổ quân tịch cũng là Phờ Răng Trịnh Văn Hành.

Ngày trước, tại khu phố tôi dân tình phần đa là con chiên nhưng họ đã ra đi gần hết trong

cuộc di cư năm 54. Chỉ còn lại duy nhất gia đình ông Phao Lồ, nhà trong tít cùng một cái ngõ sâu hút. Chủ nhật nào bố con nhà này cũng dắt dây nhau hàng một đi ngang qua cổng nhà tôi. Ông Phao Lồ dẫn đầu, rồi tới hai đứa bé gái sinh đôi, ăn bận sang nhất nhà, áo dài trắng, tóc buông vai, rồi tới những thằng anh, thằng nào thằng nấy đen đúa gớm chết. Hành đi đoạn hậu. Vẫn xấu xí, vẫn thô kệch nhưng êm ả, nhân nhện, lũ con trai nhà ông Phao Lồ nom khác hẳn hàng ngày. Cả tuần rách rưới lam lũ, lang thang lêu lổng giành giật áo cơm, anh em Hành để dành bộ đồ nom có vẻ tươi tắn nhất và bộ dạng có vẻ hiền lành nhất cho buổi sáng ngày chủ nhật đi châu lễ mixa. Mỗi tuần một lần, lướt đi lướt về râm rấp, không suy xuyến giờ giấc, họ đi dọc các phố giữa sự nhìn ngó. Dân tình trong khu phố dù đã quen mắt nhưng vẫn cứ mãi thấy lạ lùng với cái đám rước của bố con nhà họ. Bọn nhãi chúng tôi thì không một lần nào lơ díp chạy bu theo. Chúng tôi cố chọc cho anh em Hành tức khí lên.

- Cà... Cà dái dê, Hành Hẹ Tỏi Mùi trộn vào một chảo...!

- Ê ê... Phở Răng thằng Pháp! Ê... Thằng Mác tỏi tây!

Thu mình lại trong một thái độ cam chịu đầy ngoan cố, bố con nhà họ lạng lẽ bước đi,

không nhìn, không nghe. Thăng Hẹ thăng Tỏi có nổi xung lên mà chực xông ra thui nhau với bọn tôi thì cũng bị Hành ngăn lại. Nhưng càng chịu nhường thì mấy anh em Hành càng bị lũ chúng tôi được thể làm già. Cả khi đã lớn vượt lên, đã ngoài hai mươi tuổi, đã là một chân khuôn vác ở Phà Đen, Hành vẫn cứ nhất định khuôn theo cái lễ thói công giáo bất đề kháng ấy. Ai trêu chọc khích bác anh, cả gây sự với anh, anh một mực nhẫn nhịn, ra điều bị vả má trái chia ngay má phải. Càng thế càng hay bị bắt nạt. Và thật là dễ ghét. To xác, vai u thịt bắp mà không chút táo tợn, luôn luôn chịu nhún thì chẳng qua là đồ nhát gan. Không thể mà nổi danh là phần tử chuyên nghiệp đảo ngũ.

Trước khi vào cùng một tiểu đội với tôi, Hành đã hai lần tụt. Hai lần nhận giấy gọi vào bộ đội, hai lần chịu đựng những tháng trời nhọc nhằn của khóa huấn luyện tân binh, hai lần được sung vào quân số đi bê, và cả hai lần đơn vị vừa rậm rịch xuất quân thì Hành đều kịp nhẹ nhàng để lại vũ khí, ôm ba lô lặn thẳng một mạch về Hà Nội. Sau khi đã đá sạch quân trang cho bọn con phe, Hành kín đáo lẩn về nhà với một bọc đầy phè rượu thịt biếu ông bố, thuốc lá cho mấy thằng em trai mùi hẹ tỏi và giấy trắng học trò cùng vải hoa cho hai cô em gái. Ông Phao Lồ phải hai lần mang nộp lại bằng

Gia đình vẻ vang, còn Hành thì hai phen bị đưa ra phê phán trước tổ dân phố rồi nhận suất lao động cải tạo, mỗi suất ba tháng.

Lần nhập ngũ thứ ba này, đứng giữa hàng quân gồm toàn những đồng đội ít hơn nhiều tuổi nom Hành lạc lõng và nực cười như thể một tay học trò lười liên miên bị đúp. Và mặc dù từng trải hơn anh em những hai khóa tập tành, đến lần huấn luyện này Hành vẫn thứ bét về tất cả các khoa mục. Nhất là về mặt chính trị tư tưởng thì bao giờ anh cũng bị coi là phần tử đội sổ.

Các cấp chỉ huy đặc biệt để mắt tới anh. Chính trị viên Phong giao nhiệm vụ cho tôi, tổ trưởng tam tam và là bí thư chi đoàn đại đội, phải thường xuyên đi sâu đi sát để vừa động viên vừa canh chừng Hành. Hôm tiểu đoàn nhận lệnh xuất chinh, ngay trước lúc lên tàu hỏa hành quân vào Vinh, tôi thú thật với anh trọng trách ấy của mình và tôi đe là sẽ sẵn sàng nổ súng nếu anh giở trò. Hành bảo:

- Tao biết tổng. Gì mà không biết lão Phong chỉ thị mây kè kè tao. Nhưng tao đã tót thì mười mây với mười lão Phong cũng không cản nổi. Cơ mà phiên gác tối qua tao chẳng đã nói với mây rồi là gì: về thăm nhà thêm lần này nữa thì tao thành ra quá tam ba bận mất rồi. Chỉ thương chúng mây đi bê trúng phải đợt

không được hưởng chế độ mười lăm ngày phép. Lại là dịp Tết nhất thế này mới tiếc chứ. Nhưng đừng buồn mày ạ. Cũng đừng sợ tao trốn. Tao không bỏ chuyến tàu tết này đâu. Sẽ cùng anh em đi tới kịch đường tàu, vui hưởng ngày xuân. Mày cứ vững bụng mà kèm cặp tao. Đừng lo gì nhá.

Anh cười. Nhưng tôi làm sao có thể yên tâm. Chuyến tàu quân sự tối 29 Tết dốc toàn lực lướt về Nam, tuyệt đối không dừng lại ở bất cứ ga nào, tôi vẫn ngay ngáy canh chừng Hành nhất cử nhất động.

Nhưng rốt cuộc chẳng phải là tôi đã kèm cặp Hành, mà ngược lại. Nhờ sát cánh bên anh, mạng tôi còn tới bây giờ.

Chỉ còn cách ga Vinh chừng vài cây số thì đoàn tàu chở tân binh lọt vào một vùng đêm đột ngột sáng lòa. Nếu không có Hành xô xuống thì tôi đã vì chết khiếp mà nằm chết gí ở trên toa. Và nếu không có Hành ghìm lại thì trong cơn diên sợ tôi đã bỏ chạy ra giữa đồng trống. Hành kéo tôi ngã ép vào một bờ ruộng. Bom phạt quang quét thành dây, xé dọc cánh đồng. Dứt một loạt bom lại một loạt bom nữa bồi tiếp. Tiếng hú của phi cơ bổ nhào khiến tôi lại lồng lên chực chạy. Hành ghì tôi xuống, đè lên. Anh không ngớt khản Chúa để trấn tĩnh mình, trấn tĩnh tôi. Tảng sáng, khi trận bom đêm tạm lắng

để soạn chỗ cho trận bom ban ngày, Hành hỗn hển xốc tôi dậy.

Hai anh em cùng những người còn đứng được lên chấp choạng mò mẫm trên cánh đồng bom lần tìm những đồng đội bị thương. Mặt trời cuối năm một màu máu chui qua sương xám, khói đen và giá lạnh chầm chậm trôi lên. Chốc chốc, trước mặt, sau lưng, lại oàng lên như sét đánh một trái bom bị nổ chậm. Không ai kịp quang người nằm xuống, cũng không kịp cả cúi thấp đầu, dường như không kịp sợ hãi. Một trái bom nổ tung cách tôi không đầy mười bước chân, tóe bi ra từ góc ruộng. Người lính đi ngay đằng trước tôi nhào sang bên, giơ một cánh tay lên rồi vật sập. Tôi và Hành chạy xô đến, quì thụp xuống. Người vừa ngã nằm úp mặt trên vũng máu đang rộng loang ra rất nhanh. Lấy bầy, tôi lật ngửa anh lên.

- Chính trị viên! - Hành kêu - Giê su ma! Anh Phong bị thương rồi, anh em ơi!

Ôi trời ơi, chính trị viên Phong. Trời ơi. Từ bụng, từ ngực Phong máu phì phì tủa ra, áo trấn thủ ướt sũng. Máu chảy ứa cả ở miệng. Kinh hãi, tôi rút tay lại.

- Lạy Chúa! Mày làm sao thế? Máu anh em mình mà mày ghê à, hả? Mau lên, nhắc anh ấy dậy, xốc lên lưng tao, mau lên! Ôi Chúa ơi! - Hành rên rỉ, mặt tái nhợt.

Trên đầu chúng tôi bầu trời như chột co rúm lại. Từ biển ập vào hai chiếc A4. Chúng cất tiếng gầm rùng rợn, hú vang, lượn vòng rất hẹp trên cánh đồng.

Cánh đồng chết chóc bị bom đạn đào xới bầm vằm trong suốt cả ngày hôm ấy. Chúng tôi rút lui vào những làng mạc gần đó. Tắm tấp, ăn uống, nghỉ ngơi, sức lại dần. Nhưng mà tâm hồn tôi thì đã quá phờ phạc. Gần tối, tiểu đoàn xốc lại đội ngũ, tiếp tục hành quân. Chúng tôi thấy bộ dọc đường sắt, về phương Nam. Mặt trời lặn, gió bắc thổi ù ù. Trong ánh nhá nhem của buổi hoàng hôn năm cùng tháng tận, binh sĩ đi hàng một, dầm trên đá rãm và các thanh tà vẹt giữa hai vệt ray nom như thể đang cùng nhau leo lên một cái thang cao ngất bắc thấu vào trời sâu lạnh giá.

Đi được gần hai tiếng, sau khi vượt qua một con sông, tiểu đoàn bỏ đường sắt, rẽ phải, nhằm hướng Tây. Không khí lạnh lẽo mà lắm bụi. Lệnh chỉ huy cho dừng chân bên đồi. Nhưng chỉ mười phút, chưa kịp ráo mồ hôi mọi người đã lại ba lô súng ống lên vai rào rào đứng dậy đi tiếp. Riêng tôi vẫn ngồi nguyên tại chỗ. Lẩn mình sau lùm cây, tôi đồ dẫn nhìn anh em đang kéo qua trong đêm tối. Không có tiếng nói, chỉ có tiếng vũ khí va chạm lách cách và tiếng chân của người này nối người kia rậm rịch, đều

đều. Nhịp bước chân của đoàn quân xa dần, xa hẳn, tắt bật, tôi vẫn bất động.

Cái ngày ba mươi Tết đáng sợ nhất đời này thế là đã qua đi, nỗi khiếp hãi nguội dân tuy nhiên không tiêu tan mà rấn lại dường như có thể sờ thấy được. Tôi cắn răng, gắng gượng ghì mình song vẫn không sao ghì nổi tiếng rên. Tiếng rên âm ỉ, nghệt thở, cơ hồ không phải từ cổ họng thoát ra mà là từ một chỗ rò rỉ nào đó của ý chí. Toàn thân rã rời, hoàn toàn suy kiệt, không còn nổi lấy một gờ ram tinh thần, tôi vật mình nằm nghiêng xuống mặt cỏ khô cứng đã ướt rượt sương giá, người co quắp, ngủ thiếp đi, bại hoại cả cõi lòng trong một niềm thương thân hèn mọn.

Tiếng động cơ phản lực đột ngột dội vào giấc ngủ. Tôi rùng mình, ngồi nhồm dậy. Tôi không biết là mình đã nằm ở đây bao nhiêu lâu. Đơn vị thì chắc đã đi xa lắm rồi có muốn đuổi theo cũng không thể kịp nữa, và cũng không biết hướng nào mà theo. Chiếc máy bay nhấp nháy đèn, trườn chậm chậm qua bên kia trời và không lượn vòng lại, tiếng động cơ nhỏ dần. Tôi không nhận thấy ngay là đang có một chùm bốn trái pháo sáng treo chênh vênh ở rìa mây. Dưới ánh hỏa châu sắp tàn, một người lính đang rảo bước trên con đường đất gập ghềnh. Tôi nhận ra bóng dáng quen thuộc của Hành. Anh quay trở

lại tìm tôi. Anh rời mặt đường, rẽ cỏ tranh đi thẳng tới chỗ tôi núp và không nói gì hết, ngồi xuống cạnh tôi. Gió bắc xiết qua đồi tranh. Bốn bề một vùng mênh mông cô tịch cỏ tranh và lau lách. Một con chó hoang cất tiếng tru thảm thiết, gần đâu đây. Hành moi trong túi áo ra bao Tam Đảo ẩm dượt mồ hôi. Mỗi người mỗi điều chúng tôi lặng lẽ hút.

Không nghe thấy tiếng máy bay, cũng không nghe thấy tiếng nổ, chỉ thấy phía trời tây nhòang nhòang chớp bom. Dạn cao xạ bốn luồng đỏ rực bay tủa lên nom như những chuỗi cườm.

- Không chừng ... - Hành lắm bả - Không chừng, lại là tiểu đoàn mình đang ăn bom...

Chếch sau lưng chúng tôi, mạn đông nam, vang lên một tiếng đại bác đơn độc, tiếng vọng lan đi rồi tắt bật. Nửa phút sau, phát đạn thứ hai, rồi thứ ba, thứ tư, mau hơn, làm không khí chấn động. Ùng... tiếng nổ đầu nòng tít ngoài khơi, rồi oàng... trái đạn đập xuống. Mặt đất rung mình. Âm vang của những tiếng nổ đầu tiên chưa dứt thì những tiếng khác đã tiếp theo, tiếp theo mãi, tràn lên nhau, mỗi lúc một dồn dập. Đang đêm, trọng pháo của hạm đội Bảy đã man gầm thét, ác liệt đổ đạn bắn tan nát, bắn huỷ diệt một cái làng chài nào đấy trên bờ biển Hà Tĩnh.

- Lạy Chúa tôi! Pháo hai lẻ ba ly đấy. Mỗi quả cỡ này có thể xơi tái một quả đồi, - Hành nói, và khe khẽ than lên, giọng khàn khàn - Ôi chao ôi mây ơi, đánh nhau với bọn Mỹ không chết trước cũng chết sau. Chúng nó mạnh ghê người... Nhưng mà nếu bỏ trốn, mây ạ, thì cũng thật là tội lỗi lắm lắm. Mấy lần trước tao trốn về, Cha xử chỉ mặt tao giữa nhà thờ trước cả trăm con chiên phán là làm trai không đáng nên trai, tự đánh mất linh hồn, tội lỗi truyền đời.

Anh rít mạnh ngậm khói cuối cùng, dùng gót di mẩu thuốc, rồi chậm rãi đứng lên, rằng rắc vụn lung.

- Thôi dậy đi mây. Đi thôi. Chúng mình tụt hậu quá rồi. Phải nhẫu lên mới hòng bắt kịp được anh em - Anh nói, chìa tay cho tôi - Đưa súng với ruột tượng đây tao mang đỡ cho.

Tôi tưởng rằng mình chẳng còn đủ nghị lực để nhúc nhích nổi thế mà rồi vẫn đứng được lên. Lúc đầu tôi nghĩ sẽ chẳng thể đi được xa, nhất định sẽ rút lại sau Hành và thế nào rồi cũng sẽ bỏ cuộc. Nhưng tôi ngạc nhiên thấy mình vẫn bám sát Hành, cùng anh mãi miết đi mãi lên phía trước. Thỉnh thoảng chân vấp phải mô đất và vướng trong cỏ dại, ngã bệt xuống nhưng lại lồm cồm đứng dậy ngay.

Cả đêm ấy, trước khi bắt kịp bước chân

của đơn vị, chúng tôi chỉ nghỉ chân có một lần trên một mỏm đồi. Hai đứa dừng chân để thở, nhưng không ngồi, đứng tựa vào một thân cây cụt. Bốn bề trời đất bao la song mịt mờ cảm lạnh, quanh quẽ và u sầu khiến lòng tôi se lại. Gió bắc đã ngừng táp, nhưng lạnh càng thêm lạnh. Mặc dù đằng xa bom nổ, mặc dù mạn biển pháo hạm từng loạt rền vang, đêm tối chiến tranh vẫn là cả một cõi mệnh mông hoang vắng bao trùm miền Trung đất nước tôi. Không đâu thoáng ánh lửa đèn, không hề nghe gợn lên một âm thanh làng mạc. Chỉ những triền miên trập trùng, quả đồi này nhường bước cho quả đồi khác, cánh rừng này tiếp nối cánh rừng khác, vô tận dưới đêm dài. Chợt, Hành lay vai tôi :

- Này. Mày nghe thấy gì không? Nghe thấy không?

Tôi lắc đầu.

- Tai mày sao thế hả? Tiếng chuông nhà thờ đấy. Nghe thấy chưa? Chuông mừng giao thừa mày hiểu không. Giao thừa rồi đấy. Lúc này đây.

Đâu ra tiếng chuông, chỉ có tiếng đại bác ùng oàng. Tôi thở dài.

- Bên công giáo cũng đón giao thừa tết ta à?

- Sao không. Mày hỏi gì lạ thế. Giáo hay lương thì cũng người mình. Như là tao với mày

đây này... Nghèo thì nghèo, nhà tao Tết vẫn xông, bánh chưng, hoa đào, rượu, pháo. Nhà tao đông anh em nên khi giao thừa thế này vui lắm. Từ ngày tao đi làm có tiền càng vui. Chán là lúc này chả có gì mừng tuổi mảy, chứ mọi năm ấy à, em tao đứa nào cũng được tao mừng tuổi... Giờ này chúng nó đang nhớ tao phải biết. Mà tao cũng nhớ chúng nó quá. Con Cúc, con Đào, thằng Hẹ, thằng Mùi, thằng Tỏi... Sau này trở về mảy bạn với bọn em tao nhé...

Tôi chẳng nói gì. Một mình Hành lan man nói mãi. Dưới chân đồi bóng đêm đặc sương, đi cạnh anh mà không nom thấy anh, chỉ nghe tiếng hai khẩu AK anh đeo trên vai va nhau lách cách, chỉ nghe giọng anh đều đều kể lễ chuyện nhà. Chuyện ông bố. Chuyện lũ em.

Tảng sáng, hai anh em đuổi kịp đơn vị.

- Ôn Chúa! - Hành nói, trao lại tôi cái bao gạo và khẩu tiểu liên - May mà gặp mảy. Chứ không thì chả biết lúc này tao đã trốn ra đến tận đâu rồi. Ấu cũng là ý Chúa. Thôi thì từ nay hai đứa chúng mình cùng nhau vui hưởng chết chóc.

Tôi dềch miệng ra mếu máo cười, đi sát hơn vào anh. Tiểu đoàn trẩy đi như một con trăn dài uốn khúc qua cánh rừng thưa. Bước chân bộ đội in thành vệt xanh lục trên nền cỏ ướt. Chưa chỗ nào ngả sắc hồng nhưng góc trời

đăng đông đã bắt đầu trắng ra. Tầng không xám nhợt đã sáng hơn, chuyển dần sang màu xanh lơ. Trước mặt chúng tôi, dường như ngay bên kia vạt rừng sáng lể, núi non Trường Sơn trùng điệp một dọc không cùng tận đang từ từ nhấc mình hiện dần lên trong vùng khói sương cuộn cuộn và lạnh lẽo của miền tây đêm tối đang sắp đi vào một ngày mới nữa của mùa xuân năm đó nung trời nắng và lửa...

Mùa xuân năm đó đã lùi quá sâu vào dĩ vãng, thế nhưng cái chặng đường khuya mà tôi đã cùng Hành lội ngang qua đất Hà Tĩnh để ruổi theo bước tiến của tiểu đoàn thì tới tận bây giờ dường như vẫn đang đây, trải dài dưới chân tôi, dài xa thăm thẳm về phía trước.

Giao thừa năm nào tôi cũng lắng nghe, cũng chờ mong tiếng chuông nhà thờ. Giao thừa là phút giây lặng lẽ cho riêng kỷ ức cuộc đời tôi. Đêm trừ tịch đánh thức dậy một chặng đời đã chết từ lâu, làm sống dậy trong tôi mảnh hồn ma gầy guộc mang gương mặt rỗ đậu mùa thân yêu hiền hậu. Hành và tôi, hai anh em, kể từ mùa xuân năm ấy đã sát cánh nhau dẫn mình vào cơn cuồng phong lửa đạn và đã cùng nhau nhiều năm trời vui hưởng chết chóc cho mãi tới ngày Hành được cái chết rước đi trong trận quyết chiến ở xứ đạo Tân Cảnh bên bờ sông Pô Cô. Thế nhưng cả sau khi Hành đã chết, Hành

và tôi vẫn như hình với bóng. Tín ngưỡng Thiên Chúa của anh không ngăn tôi hương khói cho hương hồn anh. Cho đến hết cuộc chiến, trên cổ tôi không lúc nào rời cây thập ác bằng đũa ra xác máy bay mà khi hấp hối Hành đã gửi tôi mang về Hà Nội trao cho cô em út của anh.

Ông Phao Lô đã qua đời từ lâu. Họ Trịnh không còn ông và không còn Hành, song đã trở nên đông đúc gấp bội những năm xưa nghèo khó. Cả năm người em của Hành giờ đây đều khá giả, ăn nên làm ra. Họ vẫn chăm đi lễ như sinh thời ông Phao Lô, và vẫn giữ nếp toàn gia cùng đến nhà thờ mỗi sáng chủ nhật. Chỉ khác là bây giờ họ không lặng lẽ dắt dây nhau cha con anh em chậm rãi khiêm nhường cất bước đi qua trước cửa nhà tôi như thuở nào. Bây giờ, người lớn thì rầm rầm rộ rộ một toán đông xe máy, con trẻ thì ngồi xích lô ghế nệm, sang trọng, là lượt, trẩy dọc phố. Dù vậy, bọn oe con ở phố tôi ngày nay do quen sống một cuộc sống tuyệt đối thờ ơ với mọi sự nên chúng chẳng thiết gì nhìn ngó những người đi lễ.

HỮU KHUYNH

Nhưng tôi đâu có thuận tay mặt chớ! Bị phê, Tư cãi, nhưng chỉ là cãi trong bụng thôi. Con người anh xưa giờ nói năng kém, lý sự chẳng có. Hộp to hộp nhỏ thường là ngồi im. Nếu nghe trong hội nghị có nhiều ý kiến tranh đấu nêu đích tên mình thì cũng xin được đứng lên phát biểu, song chẳng lâu la dài dòng, nhận mọi khuyết điểm và tiếp thu mọi đóng góp của tập thể, rồi lại ngồi xuống, ngồi im.

Còn về căn bệnh hữu khuynh mà mọi người vừa phê thì ngay từ chân ướt chân ráo trở về sau chiến tranh Tư đã mắc rồi. Có điều ngày đó người ta ngại phê bởi vì ngày đó Tư đang làm lớn. Giải phóng Sài Gòn tuần trước, tuần sau Tư về, chức danh là quyền bí thư huyện ủy. Gần như là vừa từ xe hơi bước xuống, một trong những việc đầu tiên Tư chỉ đạo tiến hành là cho làm sạch nhà giam. Làm sạch mà thực ra là thả sạch. "Giải phóng, hai chữ ấy trước nhất có nghĩa là đại xá", anh giảng giải như vậy với các cán bộ trẻ mới lên đương quyền. "Hòa bình tức là hòa và bình, chớ gì nữa. Vậy mà nghĩ coi, tại

nơi đậm đặc ân oán như địa phương mình đây, mấy cậu tính bắt giam cùng lượt, đừng hả cho hết thù sâu bấy nhiều năm thì sao cho xuể, và sao mà có thể coi là đã hòa với bình rồi chứ, phải vậy không?". Thành thử, trừ sĩ quan và chức sắc hạng tai to mặt lớn phải trải một thời gian xa nhà đi tập trung học tập, còn lại thì muôn dạng tể ngục loại ruồi muỗi tôm tép đang bị nhốt trong các buồng giam, đều được về với gia đình, vui hưởng thái bình.

Lẽ tất nhiên Tư phải là người biết rõ hơn ai hết những người được phóng thích. Tuy chỉ là ruồi muỗi tôm tép nhưng ít nhiều đều đã từng chứa nọc của rắn rết bọ cạp. Ngụy tỉnh, ngụy quận, bảo an, chủ lực, và cả Mỹ, cả Pak Chung Hy đều không đáng sợ bằng "ngụy vườn". Sách lược bình định hiểm ác đạt được đà lấn lướt trên toàn quận kể từ sau Mậu Thân, phong trào du kích bị đánh phá tan nát, đảng viên và quần chúng của Đảng hầu như chẳng còn ai, bị tróc tận gốc, phần nhiều là nhờ vào sự tiếp tay của những ác nhân cỡ mọn sống đời bình dân trong làng quê lối xóm. Biết rõ hơn ai hết, vậy mà vẫn dễ dàng cho qua. Mất cảnh giác, đó là lời nhẹ nhất, mất lập trường giai cấp, quay lưng lại quá khứ, đó là lời nặng nhất phê phán bí thư huyện uỷ trong các đơn thư kiện cáo gửi Đảng bộ cấp trên. Có cả những lời xì xầm cho rằng Tư Cụt

nhẹ tay với cự thù bởi vì nặng nề dây mơ rễ má, không họ mạc gần xa cũng bạn bè, người quen, thậm chí người tình. Ông bí thư hữu khuynh thì chính quyền còn trứng nước sẽ mãi non yếu, kỷ cương lơ lửng mọi sự sẽ trật đường rây, hỗn mang, rối bời, không dứt. Rồi coi.

Thật may là thời kỳ chống chất khó khăn của buổi đầu giải phóng đã dần qua đi. Chính quyền cách mạng các cấp vững lên, cứng cáp tay lái đưa đời sống trong huyện khôn dần vào nề nếp. Nhưng bản thân Tư thì dường như tình hình huyện nhà càng mạnh bước tiến bộ anh lại càng có vẻ chậm bước và thụt lùi. Sức khỏe yếu, năng lực kém chỉ là một phần duyên do. Có một cái gì đó ở trong lòng mà tự Tư cũng không rõ là cái gì cứ lặng lẽ kiềm cương anh lại. Luôn luôn ngập ngừng do dự. Không táo bạo được, không thẳng thừng được, không triệt để được. Hết sai lầm này nảy sai lầm kia. Bê bối vậy thì lãnh đạo ai? Chúc bí thư tạm quyền do tình chỉ định, đến kỳ đại hội anh không đủ phiếu để đương nữa. Công tác chính quyền cũng giảm dần cho tới hồi thôi hẳn.

Không còn giữ một trọng trách nào, người chỉ huy du kích năm xưa lặng lẽ về làng như là tất cả những lính bình thường khác của đất nước, hết thời chinh chiến giải ngũ về vườn. Hòa bình đã bao tháng bao ngày, mới tới phiên

anh. Ba lô trên vai, đi bộ trở về, bảy giờ anh mới thật là đã hồi hương.

*
* *

Nhưng từ cái buổi chiều êm ả đầu mùa khô năm ấy, khi dân làng nom thấy Tư đeo ba lô đi bộ lần về, vậy mà cũng đã bao nhiêu là tháng ngày rồi trôi qua. Đất trời thì vẫn thế thôi. Con đường, dòng sông, đồng ruộng. Nhưng ngôi làng đã nhiều thay đổi. Nhúm sự sống còn vun lại được sau chiến tranh giờ đã con đàn cháu đống lấp đầy cõi trống không do những người bị giết để lại. Lẽ sống thường nhật lại hồn, đời đất nhú lên. Người ta lại nai lưng cày cuốc, ham công tiếc việc kiếm tiền lo chuyện của nhà cơm áo và lai rai với những thú vui cuộc đời, đàn đúm, tụ bạ, yêu đương, làm tình, ăn nhậu. Hồn nhiên, khoẻ re, như thể chưa từng có những điều khủng khiếp đã diễn ra.

Không ham khê khà tụ bạ, nhưng như mọi gã đàn ông trong làng, Tư nhậu được và cũng thích nhậu. Nhà anh nằm sâu trong rẫy cà phê bên kia đồi, đường đất khá xa, song gặp ngày đẹp trời lại rồi việc, anh thả bộ xuống làng, vào chơi nhà này nhà nọ, rồi thể nào cũng ghé tiệm rượu của vợ chồng Bảy Lé ở ngã ba kẻ bãi chợ.

Gọi một xị và ngồi bên cửa sổ.

Ít lời, ít chuyện, tưởng như không thể cạy răng. Vóc dáng lòng không, lênh khênh, xạm đen và sứt sẹo. Cánh tay phải bị xén cụt, ống tay áo vắt lên vai. Mặt dài, xương xấu, nhưng hàm lại bạnh ra. Môi dày và nhợt. Con mắt trái che kín bằng một miếng vải đen, nhường hết cái nhìn cho con mắt còn lại. Tuy nhiên, trong sự xấu xí ấy ẩn nét duyên dáng âm thầm vẫn thường thấy ở những người đàn ông tốt bụng mà trầm mặc, khiến Tư thu hút được lòng cảm mến của mọi người. Người ta chen lại bên chỗ anh ngồi, cùng với anh một ly: "Coi nào, anh Tư, trăm phần trăm đi chó... Công chuyện ở ấp anh khá không? Vụ cà này coi bộ kiếm bộn hả? Mà nè, nghe thiên hạ đồn anh sắp có sự vui mừng phải không? Còn không phải sao... Gì đi nữa thì cũng cần có đứa nó đỡ đần việc nhà, với nó dễ đãi cho chó. Và nó làm thủ quỹ cho... Tiền đó, mà độc thân rồi cũng nhậu hết thôi... Cô Huệ là quá được rồi. Đừng tính nữa, nghe lời bà già đi, lấy phứt ..."

Sự đời, tình người thân tình vậy đó. Tất cả nhẹ tênh. Không có gì là vĩnh cửu hết, kể cả nỗi đau khổ, sự khiếp sợ và lòng căm thù. Mấy năm trước, bữa Tư trở về, bọn đàn ông cũng đang ồn ào tụ họp trong tiệm Bảy Léo như bữa nay thế này, nhưng bữa đó tất cả đã chết lặng đi khi

trông thấy bóng dáng anh hiện ra ở ngã ba, giữa nắng chiều. Coi ai kìa? Chỉ có vợ Bảy Lê thốt nổi nên lời. Đích thị Tư "tay chiêu" chớ còn ai! Ngay những gã đã say khướt cũng điếng hồn choàng tỉnh. *Tay chiêu* đã về, dù là về vườn, tin ấy truyền mau khắp làng khiến lắm kẻ rụng rời.

Thật ra thì ngay sau giải phóng dân làng đã hay tin Tư "tay chiêu" còn sống. Với lại trong thời gian mấy tháng làm bí thư anh cũng đã đôi lần về qua làng. Về chốc lát thôi, đi ngay. Hồi đó đã thấy sợ rồi, nhưng nay khi Tư không chỉ về qua mà về hẳn, ở hẳn, người ta mới thật là thấm sâu nỗi sợ. Trong làng đã lập tức có ngay lời thì thào đồn thổi hù nhau rằng trong ba lô của Tay Chiêu có nhét một cây súng sáu với cả đồng đạn, và rằng từ bữa trở về đêm nào Tay Chiêu cũng xoèn xoẹt mài mã tấu.

Sau một thời gian khá dài vui hưởng thái bình, đời sống đã tạm tạm ổn định, không ít người làng lại cảm thấy đã đến lúc phải liệu đường mà bán xối. Tất nhiên là chỉ những kẻ đầu óc tầm tối nhất mới nghĩ rằng Tư sẽ ra tay trừ khử một ai đó, nhưng cũng chẳng mấy ai trong làng bình thản nổi với cái chuyện là từ nay sẽ phải ngày lại ngày giáp mặt Tư. Nhất là bọn đàn ông. Nếu phải đối diện Tư thì bọn họ biết khu xử ra sao, biết nhìn tránh đi đâu, biết

độn thổ xuống lỗ nào, biết cười hay mếu, vồn vã chào hỏi hay quì sụp van xin? Những kẻ đồng hương này của Tư còn biết rõ hơn cả Tư nữa những nợ máu mà anh có quyền đòi họ. Họ biết những mối thù chất chứa trong lòng anh sâu tới độ nào. Mà thù chưa rửa thì thù còn đó, càng hằn sâu, càng cào xé, nung đốt, róm máu. Và chẳng, không vì muốn rửa thù, còn lần về quê để làm gì?

Về quê, Tư trở về với ngôi nhà tang thương, hoàn toàn cô quạnh, vườn tược ấp trại hoang phế. Gia đình chẳng còn ai. Ông già mất trong ngục thất thời Diệm. Bà già qua đời không bao lâu sau ngày anh bị bắt. Hai người chị và cậu em trai nằm cả ngoài nghĩa trang liệt sĩ cùng với gần trọn hết đội du kích. Thân thích ruột rà, đồng chí đồng đội tất cả đã hy sinh, chỉ còn lại mỗi mình anh và chỉ còn lại những kẻ thù. Bây giờ, trong làng, hầu hết những người đàn ông cùng thời với Tư và cùng may mắn còn sót lại trên đời như anh ít nhiều đều đáng bị hỏi tội. Các tay cường hào và tệ ngục hương thôn. Những phần tử ác ôn. Những tên chỉ điểm. Những đội viên du kích đã chiêu hồi. Những cơ sở cách mạng đã lật mặt trở cờ.

Thoạt đầu, ngay các cán bộ địa phương cũng thấy e ngại cái sự định cư của Tư. Họ thường xuyên lui tới nhà anh thăm hỏi, vừa là

để tìm cách giúp anh mau ổn định đời sống, vừa là dò đoán thái độ của anh, xem chừng nhờ đâu do tự cột mình vào mảnh đất khơi dậy quá nhiều đau thương mà anh sẽ có lúc đột ngột không chế ngự được thù sâu trong lòng. Nhưng lần hồi thì những lo âu sợ sệt của người làng đều đã rõ dần ra là không đâu. Người ta chỉ thấy Tư một mực im lìm cật sức làm lụng. Ngôi nhà của anh nơi cuối làng đã sớm hồi lại vẻ khang trang ngày xưa, vườn tược cây trái quanh nhà bừng tỉnh. Và chỉ vài hôm sau ngày trở về anh đã tự thoát mình ra khỏi cảnh ngộ tứ cố vô thân. Người ta thấy anh rước bà dì họ về phụng dưỡng. Mới ngoài năm mươi nhưng bà đã bị lừa. Cả hai người con, người là cán bộ bình định, người chỉ huy dân vệ, đều đã chết trẻ, chưa ai lập gia đình, bỏ bà lại một thân một mình. Là thân mẫu của những sát nhân khét tiếng trong vùng nhưng bà là thân thích gần gũi nhất của Tư còn lại trên đời.

Lâu dần, không ai trong làng còn thấy mặc cảm trước Tư, gặp anh, người ta không còn nem nép tìm cách lẩn mặt. Người ta chào hỏi, Tư chào đáp, và mỉm cười, một nụ cười hiền lành, bình thản, mặc dù có phần buồn bã. Dường như anh đã nhất quyết một bề lẽ sống của mình. Gắng gỏi làm ăn, thản nhiên vô sự sống cuộc sống muôn đời của nhà nông. Làng

xóm chừng như cũng nhập tâm theo sự dụ lòng nơi Tư. Êm ả, yên lành, nhẹ nhàng và nhẫn nại, cả làng hòa mình vào những xoay chuyển lớn lao trong cuộc đời của cả nước những năm sau chiến tranh.

Lịch sử của ngôi làng chọn một năm thuận trời, ăn nên làm ra làm mốc kết thúc thời hậu chiến. Năm đó, hai vụ lúa đều trúng. Nhà máy đường của tỉnh xây dựng cách làng không bao xa đã giúp mở ra một vùng trồng mía dọc ven sông. Các rẫy cà phê bắt đầu chín đỏ. Đồng lúa, ruộng mía, những đồi cà phê biến đất đai cằn cỗi và nặng trĩu chết chóc xưa kia thành một cõi mệnh mang xanh rờn, dào dạt sóng lá.

Cũng năm đó, bà di của Tư cử bà môi tới gia đình ông Năm trong làng dạm cô ba nhà ông cho Tư. Chẳng thấy Tư nói năng động tĩnh gì, nhưng người làng đều biết rằng hai bên gia đình đã định ngày. Ngày lành tháng tốt, đám cưới đời sống mới sẽ tổ chức ở hội trường ủy ban.

*

* *

Chiều đó, Tư từ tiệm rượu Bảy Lế trở về, chưa xin chỉ hơi ngà ngà, nhưng tâm trạng không yên, vừa bồn chồn nóng ruột sao đó vừa

bản thân sâu muộn chẳng có duyên do. Cả bữa cơm, anh và vậy gấp vậy cho bà đi khỏi quau, chứ lòng dạ bứt rứt chẳng thiết ăn uống.

Bà đi nói, giọng không được vui:

- Bên nhà ông bà Năm bữa nay nghe nói đã rộn ràng lắm. Họ phải bận thứ lo liệu sắm sanh. Con nhỏ Lý nó tính cho đi nghe là nội khăn áo cô dâu thôi đã chỉ vàng rồi, lại phải đặt may ngoài tỉnh kia. Rồi muốn thợ chụp hình, muốn đào kép về ca. Đời sống mới, nhưng mới chừng mấy nhà họ cũng hai chục mâm. Nhà gái đã như vậy, huống chi nhà mình nhà trai. Vậy mà coi. Đến bữa nay mà vẫn bình chân như không... Coi bộ mấy không hay là việc tới nơi rồi sao Tư?

Tư buông đũa, nói lảng chuyện khác:

- Con cậu nhỏ Lý qua lo nhà cửa bếp núc đỡ dần đi. Tính cho nó cả ngày công đó đi, vậy mà nó vẫn để đi phải lui cùi xuống bếp. Để rồi mai nó qua, con tính với nó.

- Có con Lý thỉnh thoảng qua thì nhà này còn có chút đỉnh tiếng nói tiếng cười. Chờ đi đâu đã liệt mà cần đưa nào chăm nom. Lặt vặt ba chuyện cơm nước heo gà, dui thì dui, còn sống ngày nào đi còn lo được cho mấy. Thương đi, thì đó, tính chuyện cưới xin cho chu toàn. Nể mấy đảng viên, ông Năm mới chịu cái thứ này gọi đời sống mới, nhưng mới cũ cách gì cũng phải lệ

làng thói quê chớ không có được vô phép như tỉnh thành, cưới vợ mà ngang cướp không con gái nhà người ta về. Gia tộc còn mình mấy, sao cho mát mặt ông bà là mấy đó. Làng xóm người ta trông vào. Chớ để điều tiếng cười chê.

- Bữa trước, chưa tìm hiểu nguyện vọng cô Huệ mà đã chịu để dì dạm hỏi, ông bà Năm gả bán, là con đã hữu khuynh quá rồi. Con không hữu khuynh thêm nữa đâu. Tối bữa đó, bên nhà ấy mà bày đặt lễ lạt rình rang to tát quá xá là con nhờ các đồng chí ủy ban cho du kích vô đẹp luôn.

- Trời thần! Có ông chú rể nào kỳ cục vậy không... Nhưng, vậy là đúng như người ta mách với dì. Mấy cục chẳng đã mà phải chiều dì thôi, chớ mấy vẫn chưa dứt được nó. Thiên hạ người ta biết hết, người ta đồn rùm. Chớ bản mặt cái thằng Lé chiêu hồi mấy đâu có ưa, có sao bữa nào cũng tới nó mà xị nầy nới xị kia? Người ta bảo, bởi ngồi đó thì mấy dôi qua được nơi nó.

- Không. Không phải vậy đâu, dì ơi. Thiệt tình là con...

Hai dì cháu ngồi lặng hồi lâu. Tư dợn mâm đi và rót nước mời dì. Nhấp một ngụm, bà dì thở dài:

- Con sao, dì biết chớ. Dì thương con tâm khổ trong lòng... Tâm con trung tín, nhân nghĩa, con không nỡ nào. Nhưng ngẫm coi,

chùng bấy năm với chùng bấy sự thì phải đành vậy, chớ biết sao giờ, Tư. Tới hồi con phải lo cho đời con chớ. Mà con lấy vợ, định bề gia thất thì cũng là để giúp nó đó con à. Thấy con yên rồi thì nó phải tính lại cuộc đời nó...

Bà rờ rờ đưa bàn tay run rẩy nắm lấy ống tay áo của Tư buông thõng.

- Con à, có chuyện như vậy... - Bà nói, ngập ngừng - Hồi sáng, khi con vô rẫy, nó có qua đây... Nó qua chào dì chiều nay nó đi...

- Nó nào, đi? Đi đâu? - Tư thẳng thốt.

- Là con Ngà đó, Tư... Nó biểu nó ra ngoài tỉnh, nhưng chắc nó đi hẳn Sài Gòn. Biết chùng đâu còn xa nữa... Nó không dám dấn mặt con để chào biệt, nó nhờ dì...

Tư sừng sờ ngồi, con mắt còn lại của anh đại đi. Bà dì buông tay áo anh ra, đưa tay lần lần mở nắp cối trầu. Bà nói:

- Nó nói mấy năm rồi nó chờ con qua lấy lại thứ nầy con gửi nó giữ dùm hồi xưa. Mà con không qua, thành thử...

Một cách máy móc Tư nhận lấy từ tay dì cái vật nhỏ, nặng nặng, gói trong chiếc khăn mùi soa màu hồng. Không nói gì, anh đứng dậy, rời cái chõng tre, đi ra hiên, bước xuống thềm. Thong thả ngang qua khu vườn rộng, tới khúc ngoặt cuối vườn, như thể đã cầm chắc bà dì không còn nghe thấy tiếng chân anh nữa, anh

bước mau lên, sải bước, gấp gáp. Trong bầu không khí lạnh lạnh hơi sương buổi chiều tà, người anh hực nóng và tìm anh nện mạnh. Tư đã chợt hiểu ra sự bồn chồn và nổi sầu muộn vô cớ trong lòng mình bữa nay, hay đúng hơn, suốt bấy lâu nay.

Thì ra, suốt bấy lâu nay, mấy năm trời, mùa khô mùa mưa kế nhau đã bao mùa, anh lần đến tiệm rượu ngã ba kẻ bãi chợ chỉ vì lẽ đó. Một cái lẽ đến là vô lý đối với anh. Gánh mì quảng của Ngà xế bên kia bãi chợ, dưới mái lều lợp lá dừa, ba bề quây phen nữa, lúc đông khách lúc thưa khách nhưng chẳng bao giờ Tư thấy bóng Ngà, bởi vì chẳng bao giờ anh nhìn sang đó. Hôm nay lều cô ta trống không, cô ta không dọn hàng, nhưng anh đâu có biết, anh đâu có bận tâm. Ngày nào mà chẳng vậy, anh ngồi ôm xị rượu nhâm nhi, tào lao chuyện này chuyện nọ, tịnh không hề vương một gợn ý nghĩ nào về cô ta, mặc dù cô ta ở đó, không bao xa bên ngoài cửa sổ. Dân nhậu trong tiệm, và nói chung là người làng tránh nhắc đến cô ta trước mặt anh. Hoặc là như chiều này, Tư biết, cả tiệm đang ồn ào bàn luận gì đó về Ngà, nhưng nhắc thấy anh bước vào, mọi người lập tức lắng chuyện.

Đang đi phăm phăm, Tư bỗng sững bước. Anh đang đứng ngay trong sân nhà Ngà. Ngồi

nhà năm gian cũ kỹ, tường gạch lở lói, mái ngói rêu xanh.

Mặc dù thân thuộc với Tư biết chừng nào, đây là ngôi nhà duy nhất trong làng mà từ ngày trở về anh chưa một lần vào qua. Thoáng trông chẳng có gì thay đổi, thật ra là đã đổi thay, rồi rồi, tiêu tụy. Anh dấn tai vào cánh cửa. Không động tĩnh gì. Không một hơi thở, không một tiếng xào xạc hoặc lách cách bên trong. Đã nhận ra sự thật hiển nhiên, nhưng Tư vẫn gõ và khàn khàn cất tiếng gọi, muộn màng: Ngà, Ngà ơi! Tôi đây! Tư đây!

Ngôi nhà của dòng họ Phạm này nằm hơi tách ra khỏi chòm xóm, lọt vào trong lòng đồi, sau một cánh rừng tre. Từ cổng nhà có một đường đất nhỏ vòng theo chân đồi dẫn vào làng, một lối khác nhỏ hơn, ngang qua rừng tre, rồi qua khu nghĩa trang liệt sĩ ở bờ sông, tắt ra bến đò. Ngà chắc là đã đi ngã ấy. Bỏ nhà cửa ruộng vườn bỏ xứ ra đi người ta phải tránh lối qua làng.

Trong một thoáng chốc, qua các lùm cây ở bìa rừng, Tư như nhìn thấy bóng Ngà. Anh chạy ruổi tới và gọi to lên. Cỏ cây xào xạc đáp lời. Bản nhạc của côn trùng râm ran nhưng không khuấy động cảnh yên ả của rừng chiều.

Tại chính cánh rừng thưa này Tư đã một lần bị bắn gục, có thể nói là đã xong đời rồi.

Đêm ấy, anh cùng số anh em còn lại của đội du kích buộc phải rời hầm bí mật rút lui khỏi ngôi làng đã bị địch tràn ngập. Nhưng lối rút ra bờ sông bị bọn chiêu hồi chỉ điểm. Dù kích bị đón lõng ở bìa rừng. Không một ai thoát được ra khỏi lưới hỏa lực dã man. Sau khi bật tiếng súng chống trả của du kích, bọn Mỹ sục sạo rà bắn tất cả những người bị thương, rồi dùng xe ủi dồn hết các thi thể xuống hố bom. Tư bị bắn nát người, nằm ở lượt xác trên cùng, trên lưng tấp sớ lớp đất mỏng. Và vào một ngày đêm nào đó anh đã mập mờ hồi lại ở buồng trong ngôi nhà của hai mẹ con Ngà.

Trước đây Tư ít khi vào ngôi nhà này, có vào cũng chỉ là để rảo qua ngõ chừng. Một gia đình rất đáng phải đề phòng. Ông bố bị xử trí ngay ngày đầu đồng khởi. Anh con trai là sĩ quan dù, đã tử trận. Và chẳng ai hiểu vì duyên cớ gì mà bà mẹ cùng cô con gái lại không tính chuyện ra đi rời bỏ vùng giải phóng. "Là do duyên số", hình như thế, có thể là giữa chừng những hồi vật vờ nửa mê nửa tỉnh Tư đã nghe Ngà nói vậy.

Mối tình như là được nuôi bằng những vết thương toác hoác, những cơn đau chết đi sống lại cùng triền miên những nỗi hãi hùng. Chốt dân vệ mọc lên ở rìa làng, bên chân đồi, chỉ cách chỗ mẹ con Ngà và Tư nửa tầm tiếng gào thét

của những người bị tra tấn. Bảy giờ xe tăng thiết giáp và bọn lính chiến đã giãn ra, nhường lại những xóm thôn vừa bị tái chiếm cho bọn ác ôn địa phương rộng chỗ trả thù. Đã bắt và đã giết tất cả những ai chúng muốn bắt và muốn giết, chúng vẫn ráo riết bắt nữa và giết nữa. Cứ cách vài đêm dân làng lại nghe vang lên những loạt súng ở dọc ven sông, lại cộng thêm nhiều người nữa bị bọn dân vệ và bọn cán bộ bình định bắn chết bên bờ nước. Xác trôi theo dòng, xác mắc lại ở bờ lau. Điều quạ rợp trời.

*

* *

Tư đợi mãi. Con dò rời bờ bên kia đang quay trở về bên này, nhưng rất chậm. Ông Sáu nhà dò hẳn là đã già quá rồi. Ráng chiều hồng thắm cùng với sương đêm rót xuống bãi bờ vắng ngắt. Chẳng biết nổi là mình mong đợi điều gì song Tư vẫn cứ thừ ra đứng đấy lặng chờ. Cảm giác về một sự trùng hợp mơ hồ len vào lòng anh một nỗi gì na ná như là niềm hy vọng.

Hồi ấy ông Sáu là người duy nhất được Ngà ngỏ cho biết việc mẹ con cô đang chứa chấp Việt cộng. Ông là người họ hàng gần, ở bậc bác của Ngà, còn cô con gái út của ông lại là liên lạc của đội du kích. Cô bị bọn bình định bắt và giết

hại trong chính cái thời kỳ khủng bố rừng rợn ấy. Dòng sông đưa cô dạt vào bến dò này, thì thể nổi lên áp vào mạn dò của người cha. Năm đó cô mới mười lăm tuổi. Thay con và giúp Ngà, ông Sáu tìm cách bắt lại được liên lạc với tổ chức. Nhờ vậy mà các đồng chí còn lại của Tư đã có thể bố trí đưa được anh thoát ra khỏi làng. Về sau, khi Tư bí mật quay trở về hoạt động thì cũng chính là ông Sáu đã đang đêm mưa lũ chống dò đưa anh trốn lọt vượt qua sự tuần phòng gắt gao của địch. Ông là một trong những cơ sở bền vững nhất của anh. Sau ngày anh bị bắt, các đồng chí của anh vẫn móc nối với ông, vẫn tin ông, mặc dù ông là ông bác của Ngà. Vậy mà kể từ sau giải phóng đến giờ, ông Sáu lạnh lùng tránh anh. Anh cũng vậy, cố tình tránh ông, chẳng bao giờ tìm gặp ông, chẳng khi nào anh qua sông ở bến dò này. Mà vì sao chứ?

Tư cảm lạnh rên lên một tiếng trong lòng. Anh ngồi xuống bờ cỏ, đưa tay bưng mặt. Cái gói nhỏ suốt này giờ anh nắm xiết trong lòng bàn tay rơi ra. Vật mà Ngà nhờ dì anh trao lại cho anh là một chiếc đồng hồ đeo tay. Đã bao năm rồi, cũ kỹ đến thế, nhưng nước mạ được chùi lau hàng ngày vẫn óng vàng. Đồng hồ Liên Xô, loại lên giây cốt, một nhà báo miền Bắc thăm làng giải phóng đã tặng Tư. Thuận tay

trái nên Tư đeo nó ở cổ tay phải. Tất nhiên thấy thì nhớ ra, chứ cái đồng hồ này cũng như những dòng chữ và những hình xăm đã từng trở trên bắp tay, làm sao có thể còn lại được trong trí nhớ anh. Cả cánh tay nữa, cơ thể anh đã không hề vương vấn nó, cảm giác của sự mất đi một cánh tay đã bị xóa hẳn từ lâu. Hồi ấy, vào một lúc nào đó hơi hồi tỉnh lại, nén chịu cơn đau ghê khiếp đang nghiền xé, anh gượng nói được ra lời xin Ngà là hãy làm sao hóa kiếp cho anh cái cánh tay đã bầy nát. Ngà sợ, khóc nức lên, run rẩy nói rằng chẳng biết làm thế nào bây giờ, để chậm sẽ hoại thư, mà cắt bỏ thì làm sao đây, chỉ có em với má, nhưng của tay người ta là phải thấy thuốc chứ em làm sao nhắm mắt gan liều được, và sao mà đành lòng được anh ơi. Tỉnh lại lần sau đó, anh không nhận thấy ngay là mình không còn tay phải. Khi nhận ra, anh không thấy bàng hoàng, không nghĩ ngợi buồn bã gì lắm cho mình, chỉ thấy thương Ngà. Càng về sau càng nghĩ lại càng thấy thương cảm. Một cô gái như vậy...

Con cháu hồi. Con đàn bà chó săn. Hồi mới giải phóng, ở làng này không ít người rửa thế, không thẳng vào mặt, chỉ rửa sau lưng, nhưng sát mang tai. Con điểm trăm lẻ thẳng vậy! Thằng cha phế binh lê lét ăn mày ở cây cầu sắt đầu làng mà được bát rượu vào họng là gào

lên. Những gã cự dân vè vừa hạ súng đầu hàng tuy không dám buông lời tục tĩu như thằng cha cái bang họ, nhưng thấy Ngà là bọn họ nháy nhau, khả ố ra hiệu cho nhau và cười nửa miệng, đầy ý nghĩa. Đến cả những tay chính hiệu hồi chánh cũng khinh Ngà ra mặt, như thể sự phản bội của cô đáng khinh hơn của họ. Tất nhiên đến bây giờ thì khác rồi, chuyện xưa đã xưa quá rồi, mọi ân oán quá khứ đã nhòa mờ, thời gian và cuộc sống đã giúp người ta quên đi cho nhau tất cả nên người ta cũng đã quên đi cho Ngà. Thậm chí, bây giờ, đối với Ngà, tình cảm của người làng, nhất là của những người đàn bà, ngả sang chiều thương cảm, xót xa thay và ngậm ngùi thay. Sao phải cam lòng sống vậy, cô đơn, nghèo túng và cứ ngày một phai tàn, sao không dứt lòng mà đi đi, còn trông đợi gì, còn nuối tiếc gì cho thêm tủi mình ra.

Rốt cuộc thì chỉ có Tư là đã không thể nào quên nổi. Thời gian gần đây, trong những đêm dài, nơi góc cùng khuất nẻo nhất của giấc chiêm bao, anh thường xuyên thấy lại hình dáng của Ngà. Khuôn mặt trái xoan hiện ra trong bóng tối, vừa mờ nhạt, vừa rõ nét. Mái tóc dày tỏa xuống vai. Tư đưa tay. Anh vuốt nhẹ mái tóc ấy, gỡ ra. Cánh tay trần và đôi vai trắng ngà mềm dịu của người đàn bà vô hình đã mất hút

còn run rẩy dưới tay anh. Những năm anh bị đầy đọa trong tù, Ngà cũng thường đến với anh như thế, nhưng về sau không bao giờ nữa, dằng dằng.

Tư không thể nào quên được cái đêm mưa như thác đổ, lần đầu tiên đột nhập về làng, lách qua vườn cây, ẩn sau bụi chuối, dùng tiếng tắc kè phát âm hiệu. Như là đã liên miên hết đêm này qua đêm khác thức đợi anh về, Ngà hé nhanh cửa, đợi mưa lao vụt ra, nhào tới anh không chút đôi hồi, ướt lướt thướt và nồng cháy ôm lấy anh. Lúc ấy Tư hoàn toàn cuống rối, tìm anh đập loạn lên. Đã nghĩ rằng phải gỡ mình ra, thậm chí phải bỏ mà đi, nhưng anh đã không thể. Lẽ ra... Bởi vì, khi ấy, vừa theo Ngà bước vào nhà, Tư đã phải giật mình dừng sững lại. Trên bàn thờ, trong ánh nến, bên tấm hình bà mẹ mới mất là ông bố áo lương khăn xếp ngực gấn mề đay và ông anh vận sắc phục rằn ri trung úy nhảy dù. Tư cảm thấy dội, như bị thúc vào ngực. Một điềm gở, đúng hơn, một dự cảm hiềm nghèo nhói lên.

Lẽ ra là Tư, với bao nhiêu là kinh nghiệm xương máu, đã phải lập tức nghe theo dự cảm ấy, phải dứt khoát tự ngăn mình và ngăn Ngà lại ngay từ lúc đó, không để cho cô theo mình nhập vào xoáy lốc của cái thời khốc liệt một sống hai chết quá sức con người chịu đựng ấy.

Vả chăng, nào phải chỉ là dự cảm. Ôm lấy anh, thân mình cô mềm lả di, nóng bỏng yêu thương, song, chỉ chợt thoáng một cái gì đó như tiếng chân, một phẩy gió làm lay ngọn nến là hết hồn, cô cứng người lại, mặt tái xanh, rồi cô run lấy bầy, yếu ớt, khiếp hãi, mãi lâu sau không hồi được. Nhưng mà Tư, như người ta thường nói, đã hữu khuynh...

Lúc này, biển lửa hoàng hôn chưa lụi hẳn, ngày vẫn còn một chút ánh hồi quang, nhưng Tư không nhìn thấy rằng con đò đã nhẹ nhàng cập bến, không nghe tiếng chân ông Sáu từ đò lên đang bước tới. Từ đò lên, chỉ một mình ông.

- Có qua không thì để qua chuyến rớt nè? - Không đợi trả lời, ông nói tiếp, giọng rề đục, râu rĩ - Mà giờ này còn qua gì chớ, đâu còn kịp nữa. Đò chiều đò đêm để những hồn ma bờ nầy qua chơi những hồn ma bờ đối, chớ người ta thì ai mà qua nữa. Hồi giờ lục lộ kê lại cây cầu, qua sông không muốn ướt giò. ai còn cạy tới con đò già. Sông sâu sông thăm càng sâu càng thăm...

Hồi đó, tiếng nổ của khối bộc phá Tư cài làm tung hê cây cầu sắt tĩnh lộ ở đầu làng khiến ông Sáu hả lòng. Mừng thắng lợi với Tư, ông nói đùa rằng nhờ ơn cú nổ long trời ấy mà từ nay thiên hạ qua sông ắt phải lụy đò.

- Chào bác, bác Sáu. Là tôi, Tư đây mà...

- Phải. Khi hồi, bờ đối ngó về thấy có người

chờ, tôi biết là anh chờ chẳng ai.

Thở nặng nhọc, ông Sáu ngồi xuống bên Tư. Nước vỗ ì oạp dưới chân họ. Mặt sông gợn sóng đượm vẻ âu sầu. Một con diều hâu về muộn lao vun vút qua sông. Ông Sáu nói :

- Nó mới qua chuyến rồi. Tôi chở nó qua. Đồ đoàn của nó nhẹ không à, một cái bao cái bị. Tôi xách dùm lên lộ cho nó, tôi ách lại cho nó cái xe đồ. Nó đi thiệt rồi... Tôi biểu đừng đi, đi đâu nữa trời, mà nó chỉ cười. Nó biểu tôi già cả hết sức hết hơi rồi, thôi đừng chống đỡ nữa. Nó biểu nó đã sang giấy ở Ủy ban để lại hết cho tôi nhà cửa ruộng vườn của nó. Nó nói vậy đó, anh coi. Tôi đâu cần chớ. Họ Phạm làng nầy con cháu đâu thiếu, nhưng tôi chỉ có nó thôi. Tôi chỉ thương có nó. Giờ nó đi mất rồi.

Tư thấy lạnh run lên trong lòng. Bên kia sông, phía trên những rặng cây đen sẫm, rìa trời sáng mờ mờ. Trăng thượng tuần đang lên. Không khí tràn đầy sương mù.

- Ngay cái hồi nó phản anh, đau thấu xương, nhục muốn chết, đến tận bao năm sau vẫn cúi gằm, không dám ngược mặt nhìn đời, mà tôi vẫn thương nó... Đành là nó đã chỉ hãm của anh cho tụi nó bắt được anh, nên biểu anh vị tha làm sao được, nhưng nghĩ mà thấy tội nghiệp nó quá chừng, anh Tư à. Tụi nó cực hình hành hạ người ta dã man tàn độc cỡ nào anh

biết rồi đó. Mà nó thì thân gái, sa vào giữa cả bấy lũ tụi nó ác ôn, đầu trâu mặt ngựa...

Đưa bàn tay còn lại lên bưng mặt, Tư khóc không ra tiếng. Ông Sáu mím chặt môi, đặt tay lên vai Tư. Im lặng hồi lâu.

- Hồi đó, - ông Sáu nói tiếp - Anh mạnh tay làm tới, tụi nó hoảng kinh não loạn. Tụi nó dư biết rằng anh, Tư Cụt - Tay chiêu, có cơ sở trong làng mà xâm sục cùng khắp không lung ra. Bởi tài trời tụi nó cũng không dè là anh ẩn trong nhà con Ngà, ngay trước cửa đồn tụi nó. Ai ngờ được chứ. Nhà nó thiết cốt quốc gia, tử thù Việt Cộng, cha và anh đều chết bởi đảng mình. Anh có con nhỏ, an toàn gì hơn. Vậy nhưng... Chuyện này chắc là anh không biết. Ai kể mà biết. Không lẽ ba thằng gốc gác dân vệ ở tiệm Bảy Léo nó kể với anh... Hồi đó bà già anh bị té gãy xương, nằm liệt. Mà anh khi đó bị tụi nó lòng riết phải ngày đêm dưới hầm nên chắc không hay tin bà già. Có hay cũng bó tay chứ làm được gì. Bà con lối xóm ai gan cùng mình mới dám qua lại, chớ cả bấy dân vệ nó dồn lực rình rập nhà anh dữ quá mà. Vậy mà con Ngà nó qua, cơm cháo thuốc thang cho bà già. Tôi đâu biết mà ngăn, tôi đâu dè con nhỏ khờ quá vậy. Ai qua còn được, chớ con Ngà mà qua với bà già anh, là tụi nó hiểu liền câu chuyện. Hai Rổng, thằng bình định ác ôn, thằng con bà dì

anh đó, nó hô tụi lính bắt ngay con Ngà lại. Tụi nó đánh đập khảo tra hành hạ con nhỏ ngay trong nhà anh đó, anh Tư!

Ông già lái đò rên rỉ, nói rít lên, khàn đặc, rồi im bặt. Một con cú mèo từ lùm cây sâu thẳm đằng xa cất tiếng kêu. Rồi có một tiếng gì đó nữa vọng lên ở bờ bên kia, thoáng nghe tưởng tiếng hò đò, nhưng tắt ngay, như là bị rã cánh rơi xuống, lịm vào mặt nước.

Vùng trăng mỏng tang trôi lướt qua các đám mây. Gió từng đợt thổi mạnh xua tan hơi ẩm. Không khí khô ráo, trong sạch, phảng phất hương thơm đồng lúa. Trong những buổi tối như thế này, tâm hồn con người ta, bất kỳ ai, đều trở nên hồn hậu, ấm áp, và man mác những niềm vui đáng cảm động.

Lịch sử của ngôi làng chọn một mùa khô đẹp trời với những buổi tối êm đềm như thế làm mốc kết thúc thời hậu chiến. Lòng người thiết tha mong được sớm bắt đầu thời đại mới, với niềm hy vọng là từ đây sẽ mãi mãi không cùng chuỗi dài miền man ngày lạnh tháng tốt.

QUAY LƯNG

Ngày tháng trôi qua, dần dần trong số những hộ đã về sống ở nhà Z1 từ thuở ban đầu khu Thành Công chỉ còn lại có gia đình Vinh. Xưa kia tuy chưa phải chốn nhất phẩm cao sang song Thành Công cũng là nơi đầy danh giá. Như là ở nhà Z1 thì để được cấp một căn "hầm tư mét vuông"бет ra cũng phải diện có tiêu chuẩn tem phiếu bìa C. Nay thì khác. Thời gian đã làm biến dạng sự đời. Tất cả các tòa chung cư năm tầng thuở nào nổi bật một cách kiêu hãnh đều ít nhiều đã lún, đã rạn, xương xóc hoen gỉ, mã ngoài lở lói. Bây giờ hộ khẩu ở khu này không còn là một trong những cái mác chứng tỏ sự thành công nữa mà ngược lại. Không phải đã gần đất xa trời thì cũng đã về hưu, đã hết đà thăng tiến, cạn tiền cạn chức cạn quyền. Một khu tập thể lão thành. Do vậy nếu vẫn còn đang tiềm năng vươn lên thì trước sau gì người ta cũng bỏ Thành Công để dọn về những tổ ấm xứng tầm hơn. Nhà riêng mặt phố trong nội thành. Biệt thự bên các bờ hồ. Trang trại miền ngoại vi. Nếu có là chung cư cũng

phải chung cư cao cấp, mặt bằng mênh mông nhiều phòng, thang máy, người bảo vệ, nhà để xe, bóng lộn như khách sạn năm sao.

Ông nọ bà kia đi hết, bây giờ đến nhà Zl chỉ gặp rất những hạng người linh tinh xập xị xập ngầu. Viên chức cỡ mọn sau nhiều năm chắt bóp cạy cục mua sang tay được căn hộ hoặc nửa căn hộ cũ của những đồng僚 đã lên đời. Sinh viên con cháu những nhà có tiền ở các tỉnh miền trong. Các em vũ nữ, các em mát xa, bia ồm. Nhân tình hoặc gái bao của quan chức cỡ nhỏ... Nói chung bây giờ lên xuống cầu thang toàn chạm những bộ mặt lạ hoắc.

Ngày căn hộ 306 của Vinh cũng chẳng phải chính chủ. Ông anh cả của Vinh mới là chính chủ thuê ban đầu. Hồi đó, trở về sau chiến tranh, Vinh giải ngũ và rời quê ra Thủ đô học đại học, tốt nghiệp, được bổ về cơ quan Bộ, nhưng không nhà, chuyên ngủ bàn. Anh chị thương tình cho về sống ké. Căn hộ hăm tư mét gồm hai ngăn với bếp và toa lét. Anh chị ở ngăn ngoài, san sẻ cho Vinh ngăn trong. Không rộng rãi gì nhưng mấy năm đầu cũng dễ thở. Sau, anh chị có cháu, một đứa, hai đứa, ba đứa. Phải coi nôi. Đời sống của Vinh lui hẫng ra chuồng cọp lồng sắt mà vẫn càng ngày càng chật chội và bức bối. Tình nghĩa anh em âm thầm lụn bại dần đi trong cuộc chung đụng triền miên. May

thay, đến thời điểm bà chị dâu đã hết sạch sức chịu đựng thì anh trai Vinh bất ngờ đoạt được ghế Tổng Giám đốc. Chúc lớn, nhà mới, một biệt thự to vật ở Nghi Tàm, do vậy anh chị dễ dàng nhường lại cho Vinh toàn bộ căn hộ Thành Công.

Mặc dù những đồ nội thất và các tiện nghi sang trọng chị dâu đã gỡ hết mang đi nhưng cái xác nhà vẫn còn là quá tươm đôi với Vinh. Và nhất là quá rộng. Anh chẳng biết sống làm sao cho đầy hết những chừng ấy diện tích. Rốt cuộc theo thói quen, anh vẫn chủ yếu ăn ngủ ở nửa căn hộ bên trong cộng cái chuồng cạp, ngăn ngoài bỏ không cho bụi. Phần vì đời độc thân chẳng thiết tha gì sự ấm cúng, phần vì công việc buộc anh hay phải xa Hà Nội. Vào những dịp tạm gọi là nhân nhã, được trở về nhà tương đối thường xuyên hơn cả thì cũng cách nhật và luôn luôn về đến nhà, mở cửa phòng lúc đã lên đèn. Thành thử biết là các căn hộ cùng tầng ba và cả hai nhà láng giềng kề bên đã đổi chủ mà liền mấy năm trời Vinh chưa hề gặp, chưa hề chào hỏi được người ta một câu.

Và hết sức là ngược đời, cùng khối nhà Z1 thì chẳng biết ai với ai, chẳng hiểu người ta sống thế nào, nhưng Vinh lại thấy được khá rõ đời sống của không ít gia đình bên nhà Z2. Nhất là vào mùa hè khi cửa giả các nhà mở

toang đón gió, dù nhà nào cũng vướng cái lồng sắt, mà nhiều lúc Vinh vẫn vô tình nhìn thoáng thấy gần như cận cảnh hậu trường của mấy gia đình đối diện. Anh thấy được như thế bởi vì khác với hầu hết các khối nhà ở Thành Công mặt trước nhà sổ chắn trông vào mặt sau nhà sổ lẻ, Z1 và Z2 lại xoay lưng vào nhau.

Năm này qua năm khác, nhìn thấy đám cưới, nhìn thấy đám ma, nhìn thấy bọn trẻ con lớn lên, nhìn thấy người ta cãi cọ, người ta ly hôn, nhìn thấy người ta quây quần ấm cúng bữa tối gia đình, nhiều lúc Vinh vui vui nảy ý nghĩ là nên tìm cách làm quen với mấy nhà bên đó. Nhưng chỉ là ý nghĩ thoáng qua thế thôi. Chưa bao giờ anh đi vòng sang bên Z2 cả.

Con người Vinh như thế, kém bạt thiệp, ít giao tiếp luôn luôn ngần ngại, do dự, im lìm, lặng lẽ, càng năm càng im lìm hơn, càng khó tiếp xúc với thiên hạ hơn.

Anh cũng không nhớ tính nết của mình hồi trẻ nó ra làm sao nữa. Dĩ nhiên là anh cũng có một thời trai trẻ, một đời quân ngũ, song hình như quá nhạt, không đáng kể gì cả so với thời thanh xuân của bao người.

Năm năm, tuổi quân của Vinh không ít. Và suốt những năm ấy anh chiến đấu ở tuyến lửa Khu Bốn. Có điều do là lính hậu cần, chỉ chuyên một nhiệm vụ coi kho, kho quân lương,

nên chuyện súng đạn anh còn kém tổ tường hơn bọn trẻ con Hà Tĩnh, Quảng Bình. Cũng có những kỷ niệm thời chiến, nhưng thâm trong lòng thôi không đáng để kể với ai. Đời anh ngẫm ra cũng tẻ nhạt, cũng già cỗi nhanh như cái nhà 21, như cái phòng 306 của anh. Trở về sau chiến tranh anh đã mất rất nhiều năm mới có thể lãng đi, quên đi được Hạnh. Nhưng dù đã nguôi ngoai mà bản tính lại dai dẳng ngăn trở anh giao thiệp làm quen với những người phụ nữ khác. Rồi cuộc sống chung đụng năm này sang năm khác với gia đình ông anh càng làm anh do dự và ngại ngùng hơn.

Đến lúc thực sự có được một cơ ngơi thì đã luống tuổi mất rồi. Và nhất là, không hiểu sao, từ ngày được sống trọn vẹn một mình một căn hộ, bỗng dựng hình bóng của cô gái ngày xưa tưởng đã hoàn toàn mai một lại trỗi dậy trong lòng. Kỷ niệm đã vụt tắt từ bao năm luôn chọn lúc anh từ cơ quan lăm lũi trở về nhà, mở khóa, đẩy cửa, bật đèn lên mà hiện dậy. Như để tự an ủi anh thường gượng nghĩ, có lẽ là cô ấy cũng đang nhớ tới mình, có lẽ là trong suốt bao nhiêu năm qua vẫn nhớ vẫn tìm. Nhưng chính ý nghĩ ấy lại khiến anh buồn càng buồn hơn.

Dần dần anh đã hiểu ra là mình không tài nào mà có thể quên được Hạnh. Không bao giờ tự dứt được ra khỏi ám ảnh những ngày hạnh phúc ấy.

Bấy giờ là mùa thu năm 72. Vinh bị thương. Không phải chiến thương mà là tai nạn. Tàì xế của chiếc Gat mà Vinh đang ngồi trên thùng ngủ gật làm xe lật nghiêng. Vinh bị hất bắn xuống ruộng ven đường. Ở trạm xá Cụ Năm người ta bó bột cái cẳng trái của anh bị gãy rồi chuyển anh vào nằm điều trị tại nhà một bà cụ già trong xóm nhỏ bên bờ sông Son.

Các con của bà cụ đều là lính chiến trường Bê nhưng nhà cửa hầm hào rất vững chãi. Căn hầm mà bà cụ dành cho Vinh là loại hầm thùng, rộng và sâu, mái lát gỗ súc chắc chắn, vách đất phen tre. Lòng hầm rộng, được thông khí tốt, khô ráo, sạch sẽ. Chăn chiếu, màn gối tinh tươm. Thoang thoảng hương thơm bồ kết. Ban đầu Vinh ngỡ đấy là hầm của con gái hoặc là con dâu bà cụ chủ nhà. Song hầm ấy là của Hạnh, cô giáo trường cấp I Cụ Năm. Hạnh ở trọ nhà bà cụ.

Mùa thu năm ấy chiến sự tàn khốc, bom đạn ngút trời. Vậy mà chẳng hiểu sao cái xóm nhỏ đó trong suốt một tháng Vinh tá túc đã không hề bị bọn Mỹ đụng tới. Ban ngày vồng của Vinh căng dưới tán cây ở cửa hầm. Hạnh rất ít khi phải diu anh vào trong. Thời tiết cũng tuyệt diệu. Chỉ mưa về đêm. Sáng trưa chiều mặc cho máy bay gào hú quần đảo trút bom lúc xa lúc gần vẫn mây trắng trời xanh gió mát vô

cùng êm ả. Hạnh thường xuyên bên vồng của Vinh. Cô nhận đảm đương chăm sóc nâng giắc anh thay cho bà cụ chủ nhà.

Khi Hạnh đến trường ở địa đạo xóm bên, Vinh nằm trong hầm đọc sách dưới ánh sáng vào qua cửa thông gió. Hạnh có trong hầm hai rương gỗ đầy sách. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ. Chưa bao giờ Vinh đọc văn chương nhiều như vậy. Đi dạy trở về, Hạnh đưa Vinh ra khỏi hầm và ngồi làm việc bên cạnh vồng của anh. Vinh và Hạnh không trò chuyện nhiều. Hạnh lặng lẽ chấm bài, soạn bài hoặc may vá đan lát. Vinh lặng ngắm cô.

Hạnh năm ấy vừa tròn hai mươi. Cô người Hà Nội. Xong lớp mười, cô được đào tạo cấp tốc một năm Sư phạm rồi vào tuyển lửa. Đã được gần hai năm. Vinh cũng kể cho Hạnh về quê hương anh, về gia đình, về đời sống ở binh trạm. Tất nhiên chẳng có gì nhiều nhận. Yên lặng bên nhau tận hưởng hạnh phúc không lời.

Gang tác thời gian ngắn ngủi, một tháng trời yên ả trôi qua chóng vánh. Buổi chiều y sĩ trạm xá tới xem lại lần cuối chân cẳng cho anh và thông báo rằng rạng sáng đơn vị sẽ ghé xe qua đón anh về binh trạm.

Bữa cơm chiều chia tay chẳng những có thịt thà và rau xanh bà cụ chủ nhà còn kiếm được cho Vinh một chút nhỏ rượu trắng. Nhưng

Vinh không biết uống rượu, anh không làm quá nổi một ly. Chỉ có bà cụ và Hạnh. Bom nổ lay chuyển bờ sông. Chớp lửa chạy nhằng nhằng. Nhưng vẫn một trời thu chiều tà và một vùng trắng non.

Tối ấy, Hạnh không về ngủ bên hầm bà cụ chủ nhà. Cô thổi tắt ngọn đèn chai trong góc hầm rồi mềm mại nằm xuống bên Vinh.

*

* *

Kho quân trang Vinh coi giữ ẩn trong một hang núi Phong Nha không xa Cự Nẫm. Cuối mùa thu năm ấy khi bọn Mỹ liền mấy đêm mở những trận càn kinh khủng bằng B52 vào vùng cư dân ấy, ở trong núi anh nghe rõ mồn một từng dây bom. Nhưng đầu 73, hòa bình ở miền Bắc, đơn vị anh lại chuyển sâu vào tận Bù Gia Mập.

Cuối năm 75, ra Bắc, ngang qua Đồng Hới, Vinh xuống xe tìm đường lên Cự Nẫm. Xóm nhỏ năm nào không còn nữa. Một hố bom địa ngập nước đã nuốt chửng túp nhà với hai căn hầm ngày ấy. Bà cụ đã mất trong trận bom cuối, nhưng cô giáo Hạnh thì mọi người đều cam chắc là còn sống bởi cô còn tiếp tục dạy ở Cự Nẫm tới hết niên học ấy. Anh muốn tìm cô

nhưng tìm ở đâu được. Đất nước sau chiến tranh trời đất bao la tiêu điều.

Phố Khâm Thiên, ngày anh ra Hà Nội học, đã được san hết các hố bom và dọn quang những đồng đổ nát. Nhưng số nhà của gia đình Hạnh đã cùng một loạt số nhà nữa trở thành một đoạn dài địa chỉ bị ngắt quãng của phố Khâm Thiên. Nạn nhân trong trận bom hủy diệt là hàng trăm, nhưng người sống sót được cứu ra từ đồng đổ nát cũng còn nhiều. Song Vinh không biết họ của Hạnh, không biết tên những người thân của cô. Những cư dân cố cựu của đoạn phố Khâm Thiên ấy thì không biết không nhớ có cô gái nào tên Hạnh là giáo viên từng dạy học ở Quảng Bình những năm chiến tranh.

Không hề trải qua chiến trận, nhưng suốt nhiều năm sau ngày giải ngũ Vinh thường nằm mộng thấy những hố bom.

Và suốt nhiều năm dù phải vòng đường xa, ngày nào Vinh cũng phải ít nhất một lần đạp xe qua Khâm Thiên. Ngay sát bên nền cũ ngôi nhà gia đình Hạnh người ta dựng lên một bìa căm thù và một đài tưởng niệm. Đài tưởng niệm nay cũng đã cũ rồi và nhỏ bé chìm lút trong đời sống mới ngồn ngộn của phố xá thay da đổi thịt.

Liên tục đều đặn qua lại Khâm Thiên.

Hàng năm ngày tưởng niệm những nạn nhân của cuộc thảm sát anh đều tới đặt vòng hoa tại bia và luôn dừng ở đấy thật lâu lặng nhìn đám đông những người dự lễ viếng. Tuy nhiên thời gian dằng dặc đã khiến Vinh không còn tự ý thức được ý nghĩa của sự kiên tâm bền bỉ của mình. Anh không còn hiểu được rằng sự kiên tâm của mình tức là niềm nhớ thương, và không chỉ nhớ thương, mà còn là nhớ mong, là nỗi trông chờ chưa bao giờ lụi tắt, chưa bao giờ hoàn toàn vô vọng. Anh không biết rằng mình vẫn chờ đợi giây phút gặp lại Hạnh...

Giây phút ấy rồi cũng đã tới với đời Vinh. Tuy nhiên chẳng phải tại địa điểm và trong khung cảnh mà đôi khi anh vẫn thoáng mừng tượng. Nó đơn giản, sơ sài và tẻ nhạt hơn anh tưởng rất nhiều. Vậy mà không ngờ lại là một nét khía đau buồn.

Anh gặp Hạnh ở cổng Ủy ban phường! Anh đi bộ ngang qua còn cô dắt xe máy từ trong sân đi ra. Hạnh nhìn thấy anh, nhận ra anh ngay và gọi anh trước. Vui vẻ, bình thường, thân mến: "Ồ kìa, anh Vinh! Anh Vinh phải không?"

Vinh nhìn. Đã bao nhiêu thời gian mất đi song Hạnh không đổi khác nhiều như Vinh. Anh nhận ra cô ngay. Và không hề như anh tưởng, tìm anh vẫn bình thường, hơi thở bình

thần. Và như thế đêm cuối của hai người mới là vừa trước buổi sáng nay, anh mừng rỡ và thân thiết: "Kìa, Hạnh, Hạnh hả, đúng Hạnh rồi, chào em!". Và thậm chí, như tất cả mọi người chúng ta khi gặp gỡ nhau lớt phốt ngoài đường, anh hỏi: "Hạnh đi đâu thế? Cháu đây à?". Anh xoa đầu đứa bé gái đang ngồi ở yên trước của chiếc xe máy.

- Em đi chuyển hộ tịch. Chuyển nhà đã mấy năm mà cứ lần chân chưa chuyển được. Vâng, con gái em đây.

- Hạnh được mấy cháu?

- Con gái đầu mà anh. Cháu mới bốn tuổi. Còn anh, mấy cháu rồi?

- Trai chưa vợ, con với ai chứ? - Vinh mỉm cười

- Sao lại thế anh, anh năm mươi rồi còn gì? Em cứ tưởng như em cao số thế là cùng. Mãi năm năm trước, ngoài bốn mươi mới rời được vòng tay của cha mẹ.

Bỗng dưng, vẻ tươi vui hồ hởi của Hạnh sững lại, nụ cười vụt tắt. Cô hỏi, giọng lạc đi: "Nhưng... anh ở đây à... ở Thành Công à?"

- Ừ. Anh ở ZI. Phòng 306. Hơn hai chục năm rồi. Ban đầu mới bộ đội ra ở nhờ ông anh, sau thì...

Vinh cũng đột ngột cảm thấy như một roi vút vào tim. Anh ngừng bật không nói tiếp nổi.

- Em ở nhà Z2 Hạnh gần như thì thầm -
Em đã đi tìm anh. Em đã vào làng Yên Vực quê
anh. Làng bị bom tan nát hết. Em đã tìm anh.
Em đã nhớ anh biết bao nhiêu. Em... Em ở nhà
nhà đấy anh. Phòng 407. Cũng ở đấy đến hai
chục năm hơn. Anh ơi. Hóa ra chúng mình...

MỤC LỤC

1. Sách cấm	5
2. Mắc cạn	22
3. Cái búng	39
4. Cũ xưa	44
5. Giang	55
6. Mỗi ngò	65
7. Thách đấu	78
8. Bội phản	102
9. Gọi con	127
10. Bằng chứng	139
11. Chuyện xưa kết đi, được chưa?	154
12. Đêm trừ tịch	173
13. Hữu khuynh	190
14. Quay lưng	214

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

***ĐT: 04.7163.409 - 04.7161.518 *Fax: 04.8294.781**

email: nhxvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3 - Tp Hồ Chí Minh

***ĐT: 08.8469.858 - 08.8445.481**

Chuyện xưa kết đi, được chưa?

- Bảo Ninh -

Chịu trách nhiệm xuất bản

Nguyễn Cừ

Chịu trách nhiệm bản thảo

Nguyễn Thị Hạnh

Biên tập : **Ban Biên tập**

Bìa : **Lê Quỳnh**

Chê bản : **Lê Minh**

Sửa bản in : **Vũ Ngọc Quỳnh**

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 20.5cm, tại Trung tâm In và do vẽ bản đồ. Giấy
phép xuất bản số: 203-2009/CXB/28-12/VH. Quyết định xuất bản
số: 146/QĐ-VH ngày 12/03/2009.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2009.

BẢO NINH

Chuyện xưa
kết đi,
được chưa

Tập truyện ngắn

Chuyện xưa kết đi, được chưa?



8935090000135

Giá: 39.000đ